

MỤC LỤC

Sởi vật.....	3
Chị Mơ xóm Ruối.....	6
Lão ăn mây.....	9
Bà cháu	12
Lễ vật máu.....	15
Câu cá mùa hè	18
Xuất xứ tập thơ “Gà gáy”	20
Phiên chợ tuổi thơ.....	23
Em gái một nhà văn	27
Cậu Còng đem đồ tép	30
Bắc và Tân.....	33
Chén tình	36
Đậu xanh đậu đỏ.....	38
Người làng hoa	41
Di chúc.....	44
Dao sắc	47
Bông gạo.....	49
Bức tranh.....	52
Thằng người trời	56

Mùa hoa điệp vàng	62
Thuật câu cá.....	66
Pho tượng Phật.....	68
Huyền thoại cà phê.....	76
Ông hạ hỏa	78
Gà trống.....	81
Cây cao su cụt ngọn nhiều cành	85
Ngôi nhà năm cửa.....	88
Tên trộm kỳ lạ	92
Chuyện từ bấy kiến	96
Thần làng mùa lũ	98

SÓI VẬT

Thuở ấy, tôi học lớp bốn. Vào đúng lúc làng tôi mở hội vật, tôi nhận được một lời thách đấu. Chuyển lời thách đấu là Cu Tèo. Cu Tèo bảo tôi: "Thằng Mẹo nó tức mày lắm. Nó kể mày bảo nó thất học, nhà nó chỉ ăn khoai, năm nào cũng vay lúa nhà mày"... Tôi vặn lại: "Thì không đúng vậy sao? Ấy là tao còn chưa nói nó chỉ có một cái quần đùi...". Cu Tèo cười nhả cả cái lợi sún: "Thế mà nó bảo mày nói láo. Nó quyết đấu cho mày hết nói láo..." Theo tục làng tôi, nếu có ai thách đấu mà người kia từ chối thì bị coi là hèn. Tôi buộc phải nhận lời thách đấu của thằng Mẹo mà tôi chẳng muốn tí nào. Tuy cùng tuổi Mỗ, tôi cao hơn hẳn hai cái đầu. Chơi trốn tìm, tôi đứng trước, thằng Mẹo nấp sau lưng, đổ đũa nào tìm được hẳn nếu hẳn không khúc khích cười.

Lúc ra sới, trống mới gióng một, Mẹo đã múa may, hò hét. Trống đã dứt ba hồi, tôi cũng chẳng muốn ra. Bố phải khế bấm vào lưng tôi, tôi mới miễn cưỡng bước ra chậm rãi. Còn chín tiếng trống dạo sới nữa, tôi không ra, Mẹo đương nhiên thắng. Tiếng la ó, tiếng cười rộ trong tiếng trống thúc. Mẹo vờn quanh tôi như con mèo vờn con chó săn. Hẳn lao vào ôm lấy ngang lưng tôi định nhấc bổng lên. Tôi đứng im, cười sằng sặc. Tôi tin là tôi chỉ ngã ra đè lên Mẹo, là hẳn thua rồi. Đúng lúc đó Mẹo nới lỏng tay, thấp người xuống, cái cằm nhọn cứng hất ngược lên... Tôi choáng váng, từ từ đổ xuống. Mẹo một tay giữ lưng tôi, tay kia cầm chặt cánh tay tôi, chân phải hẳn khê quét ngang qua chân trái tôi... Tai tôi ù ù như có gió bão. Hạ bộ tôi như thọt lên cổ. Tôi tắc thở...

Chiều thì tôi tỉnh lại nhờ gừng giã với rượu và nước tiểu đắp vào chỗ hiểm. Bố tôi lắc đầu, cười như mếu: "Cha thằng Mẹo! Nó chơi bẩn. Đánh vào chỗ hiểm... Ác quá!"

Lần ấy, vì chơi ăn gian, Mẹo không được làng cho thắng cuộc. Cũng chỉ bị cấm sới (cấm thi đấu tới tuổi 45) chứ chưa bị khép vào tội bán sới, đuổi ra khỏi làng, nhưng tôi cũng bị hẳn làm cho ê mặt...

Năm tôi và Mẹo mười tám tuổi, tôi học hết cấp ba, Mẹo là anh thợ mộc có tiếng trong vùng. Hấn nổi tiếng vì khéo đóng tủ chè, tủ đứng khảm trai... Cũng nổi tiếng về sự ngỗ ngược. Đạo ấy, tôi thấp hơn hẳn một cái đầu; dáng điệu thư sinh, da trắng mịn.

Gần nhà tôi có cô bé Ngọc. Cô bé là bạn em gái tôi. Cô rất hay sang nhà tôi, thì thọt trò chuyện, cười rúc rích dưới bếp và còn cả gan nói với cái Nụ rằng cô rất muốn làm chị nó... "Chuyện trẻ con!", tôi nghĩ vậy. Dĩ nhiên, tôi không để ý đến cô. Một cô gái khá xinh. Chỉ tôi còn bé quá. Như cái Nụ, em tôi...

Chẳng hiểu thế nào, một hôm, tôi đi ôn thi đại học về đến ngõ, Mẹo đã chắn ngang trước cổng, giọng lạnh băng: "Theo tao. Tao muốn nói chuyện!"

Tôi nhếch mép, không trả lời, lầm lũi theo hấn ra diệc mạ cuối làng.

Chờ tôi ngồi xuống cỏ, Mẹo ngồi xuống bên cạnh. Hấn không nói, mắt ngược nhìn lên vầng trăng mới ló sau lũy tre. Tôi phải lên tiếng trước: "Này, Mẹo ! Mà mày muốn nói chuyện gì với tao?". Hấn bỗng oà khóc. Một lúc sau, hấn bảo: "Tao muốn lấy vợ", "Thì mày cứ lấy. Sao lại hỏi tao?", tôi nói. Hấn có vẻ ngượng nghịu: "Nhưng mà...". "Sao?". "Tao muốn lấy... người yêu của mày!". Tôi cười: "Tao làm gì có người yêu mà mày lấy?". Hấn há hốc miệng, rồi cúi xuống, ngẫm nghĩ: "Sao cái Nụ em mày nói cái Ngọc để ý mày?". "À, cái này thì tao không biết. Con Ngọc nó còn bé...". "Thật ư? Mày nói thật ư?".

Hấn lặng đi một lúc. Bỗng hấn đứng dậy, lạnh lùng bảo tôi: "Tao với mày đều là đàn ông. Tao biết con Ngọc để ý mày mà mày không biết. Còn tao, tao lại phải lòng con bé trong lúc nó lại hờ hững với tao. Thôi thì..."

Hấn dừng lời, bối rối. "Thì sao?", tôi dồn. Hấn lại ngồi xuống: "Tao và mày phải đấu thôi. Thành nào thua, cấm được chơi với con Ngọc..."

Tôi từ chối. Hấn bật dậy, nhổ toẹt trước mặt tôi một bãi nước bọt và buông một câu rửa: "Mày không xứng đáng là trai làng Thượng Võ". Tôi tự ái, cũng đứng dậy, xắn tay áo: "Thôi được, tao tha tội cấm sỏi cho mày!"

Lòng tự ái khiến máu tôi sôi lên. Tôi và Mèo chòn vờn dưới ánh trăng sông, lao vào nhau rồi lại lùi ra. Cả hai đều đã trơn nhẫy. Mèo bất ngờ chồm lên, định ôm lấy bụng tôi, lật ngược qua đầu hấn. Miếng vật này cực hiểm, chỉ dùng cho kẻ tử thù. Không còn cách nào khác, tôi vòng tay qua đùi phải khiến hấn nghiêng về một bên, rồi bất ngờ húc đầu vào chấn thủy hấn, tay kia rà sát đất, chặt mạnh. Mèo đổ vật xuống, đầu đập vào bờ ruộng mạ khô nẻ, giấy đành đập. Tôi chạy lại đỡ hấn dậy thì bị một bãi nước bọt tanh máu nhỏ vào mặt. Hấn lồm cồm bò dậy, ôm mặt khóc...

Tháng sau, hấn đi bộ đội, tôi vào đại học. Cả hai chúng tôi dời làng Thượng Võ mà không có cô Ngọc đưa tiễn.

Năm 1972, lúc vào bộ đội, khi chiến đấu ở trung đoàn 48, tôi nghe tin Mèo đã là đại đội trưởng, chiến đấu dũng cảm lắm, bị thương rồi chuyển ra Bắc...

Sau năm 1975, tôi trở về làng. Biết tin Mèo đã lấy Ngọc, tôi mừng lắm. Tôi đến thăm nhưng không có lần nào gặp được vợ chồng hấn. Nghe nói hấn đưa vợ lên rừng cùng một tốp thợ xẻ.

Hấn tìm được địa chỉ của tôi, gửi một bức thư với mấy dòng chữ nguệch ngoạc, xin đấu lại, hấn còn thanh minh lý do viết thư chậm. Hấn chỉ dám gặp mặt khi tôi nhận lời quyết đấu. Mà hấn lại không biết chữ. Hấn đã cố học vần để viết thư. Táo gan hơn, hấn chất vấn tôi: vì sao không lấy vợ? Và theo nguyên văn thư Mèo mọi chuyện cần được hai năm rưỡi. Ngọc phải thuộc về ai, mập mờ mãi khổ thân Ngọc.

Tôi không trả lời. Mọi việc đã qua rồi. Vì tôi và vợ hấn không có mối quan hệ nào? Tôi đã tha thứ cho hấn...

Còn tôi, vì một lý do không tiện nói ra đây, tôi không thể lập gia đình riêng.... Nhưng rồi tôi lại viết thư nhận lời thách đấu. Bức thư chỉ một lời ấy. Vâng, tháng tám này tôi sẽ về quê. Tôi sẽ lại mặc quần đùi đỏ, chít khăn đỏ... Mèo cũng vừa hết hạn cấm sói... Và tôi sẽ phải làm thế nào để thua hấn đây?

CHỊ MƠ XÓM RUỐI

Sau năm năm phục vụ trong quân đội, tôi giải ngũ rồi trở thành anh sinh viên già. Đã là trưởng tràng của lớp, lại còn cầm chịch đội chèo của trường. Có một đôi mắt Thị Mầu ám ảnh tôi. Tôi tìm gặp và cô bé gật đầu liên. Cái gật đầu sao cũng quen quen. Thì Thị Mầu nào chẳng lẳng lơ như thế.

Hết kỳ một, vở chèo "Quan Âm Thị Kính" do tôi đạo diễn và đóng vai Thị Kính, được công diễn ở hội trường. Hay dở thế nào tôi không tự phán xét. Chỉ thấy lúc diễn viên ra chào khán giả, người ta đứng cả dậy. Đám sinh viên các khoa Lịch sử, Triết học, Pháp lý, Toán... đồng thanh rao: "Lấy ! Lấy nhau đi ! Lấy !...". "Ai lấy ai?" tôi ngơ ngác hỏi Huệ - cái cô Thị Mầu ấy. "Em. Lấy em. Anh ấy..." - Huệ đảo đôi mắt Thị Mầu, liếc nhanh một cách cố ý về phía tôi. Đám đông càng hét: "Lấy ! Lấy nhau đi...". Ồ, tôi gật gật đầu. Huệ cũng gật gật đầu. Cả hội trường cười như vỡ chợ...

Tôi bỗng sực nhớ mười mấy năm về trước, sân đình làng Thượng như ong vỡ tổ vì ông lão Ấm say. Lão cầm cái vỏ chai đã đập vỡ, gai góc, sắc lẹm, múa may trên sàn diễn, đòi giết thằng Xăm, con trai lão theo con Thị Mầu Mơ mặt tổ ong bầu không có bố. Giết con đi Mơ thối thây. Trong lúc nhốn nháo, tôi vô tình chạy ngang qua chỗ chị Mơ. Áo tứ thân vướng vào rễ đa. Tôi ngã sõng soài, kéo tuột cả cái áo diễn của chị... Lão Ấm say nhè cái áo mà nện. Nhưng mới được một cái, lão tá hỏa, hơi rượu tưởng như bay hết sạch khi nhận ra tôi, thằng bé vẫn đi chăn trâu với lão. Lão lấy thuốc Lào rịt vào chỗ vai tôi chảy máu. Rồi bế thốc tôi lên, vừa đi về phía nhà tôi vừa khóc...

Nhà chị Mơ ở cuối làng. Chị ở với bà cả Ruối. Tôi còn bé, loáng thoáng biết bà cả Ruối không có chồng... Nhà nghèo, chị Mơ ngoài vụ cấy, vụ gặt đi làm thuê nhiều việc, ngày dưng tháng rồi, chị chăn trâu cho nhà lão Ấm. Ai ngờ anh Xăm con lão đi bộ đội về, thoát ly hẳn hoi, nghỉ được dăm ngày phép, dở dáy phường chèo, hát xướng hư thân rồi say chị Mơ như điệu đố, ngổ ý bỏ cơ quan nhà nước về quê

làm ruộng chân lấm tay bùn. Lão tức lắm, tự chặn trâu lấy. Trước đây, con trâu đực nhà tôi khi đi ngang qua nhà lão Ấm cứ rống lên "Ngò ! Ngò...!" gọi con trâu cái. Cũng lúc ấy, chị Mơ dắt trâu ra. Hai chị em cười trên lưng mỗi con, lững thững đi ra Cồn Rùa. Thả trâu trên cồn, mặc kệ cho chúng đùa giỡn, đắm mình dưới các vũng nước, hai chị em chơi đủ mọi trò chơi trẻ con. Chị Mơ tầm tuổi chị Cả Ngan nhà tôi. Thằng cu Tính con chị cả gọi tôi bằng cậu cũng đã bằng tuổi tôi. Lúc quên, Tính gọi tôi là mày, xưng tao, chị tôi biết, cóc cho mấy cóc to bằng quả ổi. Lão, như vậy là lão. Kim chỉ phải có đầu đuôi chứ. Vậy mà chuyện ấy chị Mơ chẳng thèm chấp. Chúng tôi nặn các ông bọt đất sét, chọn chỗ dốc đứng giữa cồn và ruộng, khoét một cái chùa, xếp các ông bọt vào. Ngày nào cũng cúng, khi thì củ khoai, khi thì nắm ngô rang. Có hôm tôi coi trâu, chị Mơ mò ở ruộng bắt được cá, hai chị em lấy củ khô đốt, nướng cá cúng thần. Rồi đến lúc chúng tôi dựng một ngôi đình con con trên một cái mả bằng các cây điền thanh, tôi đã lấy cây đa bánh tẻ cắm xuống bên cạnh, giả làm cây đa thì chị Mơ bảo thiếu cái sân đình. Tôi bảo cứ coi bãi đất trống xung quanh là sân đi, chị gạt đầu. Lại kêu thiếu cái phượng chèo. Không có phượng chèo thì sân đình chỉ là bãi cỏ thôi, chị bảo thế. Vậy là hai chị em diễn chèo trên cái sân đình menh mông. Tôi đóng hết Thị Kính lại đóng anh Nô, chị sắm vai Thị Mầu... Tôi thuộc vở chèo này từ ngày ấy. Có lúc, hai chị em đóng vai vợ chồng. "U em ơi, nay anh...", "Bố cu hời, mai bố cu đi..." lời cứ quẩn vào nhau. Tôi bảo mình không biết sắm vai, chị lại khen giỏi và bảo: "Giá mà em lớn thế nào chị cũng lấy em". "Thì chị cứ lấy em. Ai cấm chị lấy trẻ con?". Chị không nói, rân rân nước mắt: "Nhưng mà... chị rõ tổ ong bầu. Xấu, xấu lắm...". "Em thấy chị đẹp" tôi nói thế và chị cười khanh khách, ôm lấy tôi: "Bồng bồng công chồng đi chơi..."

Bỗng một hôm, sau khi chơi, chị buồn buồn bảo: "Chị sắp lấy chồng". "Lấy ai?". "Anh Xăm ấy, em. Anh ấy hát chèo cũng hay lắm". Tôi khóc. Một lúc sau, anh Xăm đi be bờ ruộng, mang cho tôi một gói lạc luộc, bảo tôi coi trâu cho anh chị đi mò cá thì tôi nín. Hôm ấy, hai người đi mò cá ở đâu tối mịt mới về, tôi đưa trâu về nhà muộn, bố tôi đã toan đi tìm. Phía nhà lão Ấm say, anh Xăm và bố cãi nhau to lắm. Lão dọa sẽ tự tử...

Lão Ấm say tự chặn trâu, chị Mơ vào đội văn nghệ xã. Anh Xăm lấy cớ đi phong trào, về xã công tác, cũng nhận sắm một vai như tôi

đã kể. Không biết có phải vì ê mặt hay không, chị Mơ bỏ làng đi khai hoang. Anh Xăm chịu lời bố, lấy cô Nguyệt làm y tá ở trạm xá, sinh liền tù tì một lô con gái... Khi tôi ở bộ đội về, bố tôi bảo đi xem mặt cô Liên, con gái đầu của anh Xăm. "Con bé xinh mà đảm. Vả lại chú Xăm rất mến anh" bố tôi nói và châm lửa vào nõ điếu, rít lên sòng sọc. Chiều bố, tôi có đến, gọi anh Xăm ngày xưa là "chú". Rồi về.

Hết năm đại học thứ nhất, tôi đưa Huệ về trình bố mẹ. Bố tôi cứ ở người ra "Ờ ờ, ờ, ờ..." và chăm chú nhìn Huệ. Những ngày ấy, chú Xăm đi bè gỗ không có nhà. Liên đến chơi với mẹ tôi, có lẽ để kín đáo xem mặt Huệ thế nào. Về sau, nghe một người bạn kể lại, Liên về nhà khóc mãi, mẹ cô hỏi thì bảo: "Sao lại có người giống con đến thế? Có điều người ta thì giỏi giang..."

Khi sắp cưới nhau, tôi mới được về nhà Huệ mãi trên Hà Giang.

Khuya mới tới nhà. Cửa mở. Tôi đứng như trời trồng trước mẹ Huệ. Trời ơi, chị Mơ ! Đôi mắt Thị Mầu và khuôn mặt rỡ hoa... Chị lặng người khi Huệ hỏi: "Bố về chứ mẹ?". Trong nhà, người đàn ông bước ra, tươi cười, ra dáng một ông bố vợ tương lai, nói: "Mời cậu ngồi...". Tôi rụt rè ngồi xuống phản. Tôi nhìn ông. Có lẽ cái nhìn ấy khiến ông bật lên mà không thành lời, chỉ "A !" một tiếng... Chị Mơ trở lại, khẽ nói: "Ông Xăm, ông mời cậu Phong uống nước đi !". Rồi quay sang Huệ đang ngẩn người vì ngạc nhiên, chị bảo: "Cậu Phong là bạn thiếu thời của bố mẹ đấy, con ạ"

Ô hay, cái tích chèo bãi cỏ chăn trâu chưa vãn, còn hát đến bây giờ hay sao?

LÃO ĂN MÀY

Tục truyền ông Tổ làng tên là Rách. Khi ông băng, do có công bỏ tiền lát đá xanh cả hai bên đường xuống miếu thờ Thành hoàng, con cháu được đặt cái bát nhang ở phía sau, bục thờ phụ trong miếu hưởng hương khói thừa ơn trên. Đương nhiên, được đổi tên là Danh. Theo gia phả, tôi thuộc đời thứ sáu của dòng họ ăn mày nổi tiếng này. Làng Đồng Côi tôi không nghèo. Vào kỳ nông nhàn, người trong làng vui đi quá nửa. Người có nghề xây đi xây cất nhà thiên hạ, người có nghề mộc đi đóng tủ, đóng cối xay, người biết buôn bán đi buôn bè, buôn thúng bán bưng... Đến mùa, thóc lúa rủng rỉnh, tiền bạc leng keng, người ta lại lo mở hội chơi, lo mở phường hát khoe làng, mở sòng sát phạt nhau...

Có một năm tôi không được góp mặt trong dịp hội hè sau vụ mùa. Theo lệ làng, năm ấy đến lượt tôi và anh cu Vận, anh họ tôi phải đi ăn mày chuộc lỗi cho làng. Anh cu Vận lúc ấy chừng hơn ba mươi, tôi lên mười. Hai anh em theo lời bố tôi căn dặn phải xin được nhiều tiền, phải chi tiêu tằn tiện, bóp mồm bóp miệng, đem đủ tiền nộp làng xong, bèn đóng giả làm hai bố con, bị gậy lên tỉnh, vốn liếng là bốn nắm cơm và một gói muối...

Anh cu Vận dẫn tôi đến một xóm nhỏ ven bờ sông thuê nhà ở. Chủ nhà nhìn anh, cười hề hề: "Năm nay có thằng nhóc tí mới hả?". Tôi ngớ người. Chờ lúc chủ nhà xuống bếp, anh bảo: "Năm nào mà tao chẳng đi. Muốn phát, không có gan ăn cướp thì đi ăn mày". Khoảng ba giờ sáng, tôi đang rửa mặt, anh cu Vận đứng lù lù sau lưng, bất ngờ thả tung một gói tro bếp vào đầu tôi. Tôi bị tro vào mắt không mở mắt được. Dụi mãi, đỏ cả mắt. Anh bảo: "Được rồi. Đánh bộ này vào là thành ăn mày!". Một bộ quần áo hôi chưa từng thấy. Nó được lôi ra từ một góc phen liếp của nhà trọ. Rách mướt. "Chú mày mà giầy giụa là chim cò thò ra ngoài hết đấy. Nó mổ nhẹ là nát vãi ngay". Một lát sau, anh trở vào nhà. Lúc trở ra, trông rất giống một ông lão. Tay đen đúa, chống gậy, giọng lại khàn khàn. "Đi", anh giục.

Tối đầu ngõ, anh dắt tôi vào một tiệm phở. Tôi len lén không dám bước vào thì anh véo cho một cái: "Ngu. Vào ăn trả tiền chứ đâu thèm xin mà sợ. Vào !". Chủ quán đơn đả: "Ông mới ra? Mở hàng thế này hôm nay đắt phải biết !". Nói rồi không chờ anh cu Vận gọi, chủ quán bằm bằm, thái thái canh cách trên quây. Nước dùng điếc cả mũi. Hai tô đặc biệt. "Anh đãi chú mày đây. Anh có hào đây...". Lần đầu tiên tôi biết phở. Gắp hết bánh và thịt bò, tôi bê cả bát lên ngang mặt húp xum xụp. Ngon quá! Xong phí quá! Những năm hào một bát. Năm hào là một cân gạo. Cả nhà tôi mỗi ngày cũng chỉ có một bơ rưỡi, tính ra là một cân hai gạo, còn thì khoai, dong độn vào ăn cho chắc bụng. Vậy là tôi đã ăn một cân gạo...

Hai anh em ra bến xe ô tô. Bến còn vắng tanh. Anh bảo: "Trái cái chần xuống đây nằm. Ta mua vé đi Hà Nội". Đi mãi Hà Nội ăn mày, tối lại về? Lạ thật ! Nghĩ vậy chứ tôi chẳng dám ho he. Gần sáng, sau anh em tôi lơ nhố người xếp hàng. Rồi hai anh em mua được hai vé, mỗi vé hai đồng. Có khối người không mua được vé. Bỗng anh ngã khuỵu xuống, ôm lấy bụng. Người cho cao xoa, người hỏi đi đâu... Anh cu Vận khàn khàn kêu không được, bụng đau quá. Ai cần thì để lại vé cho. Dĩ nhiên có người mua lại. Giá vé chợ đen ba đồng, người ta thương, cho một đồng nữa là bốn. Tôi dìu anh xiêu vẹo đi bên cạnh. Xe chạy. Anh ngồi bệt xuống đất, cười: "Lãi bốn đồng. Trừ một đồng phở, còn ba. Số chú mày thế mà tốt đạo đức. Thôi vào đây anh hút thuốc lòn rồi anh em mình ra ga". Anh dắt tôi vào quán nước. Anh gọi một chén trà Thái, mua cho tôi một cái kẹo lạc năm xu. Vị chi mất một hào. Anh rít sòng sọc, lơ mơ nhả khói...

Cuối năm ấy mãn hạn ăn mày, tính ra tôi và anh kiếm được dư ra gần một ngàn bạc. Anh bảo nếu gom mua vàng cũng được mười mấy đồng cân thừa sức mua hai cái nhà của lão chủ trọ. Không về làng nữa. Cái làng ăn mày! Anh đưa cho tôi hơn ba trăm: "Về làng, chú em bảo bị mất trộm hết. Anh Cu sợ quá, bỏ làng đi rồi...". Tôi van anh thế nào anh cũng không nghe. Thế là tôi bảo: "Anh em sống chết có nhau một năm. Anh cầm lấy mà đi...". Bịn rịn mãi, cu Vận ép tôi lấy mười đồng tiền đi xe. Tôi đã mười một. Đi ăn mày về làng với hai bàn tay trắng. Theo lời cu Vận, tôi nói anh chết rồi. Làng đưa đám giả, đắp một cái mộ giả bên đường. Ai đi qua cũng ném vào một hòn đất, hòn gạch... Mả cu Vận dần dần to như một đụn rạ...

Nhờ hưởng lộc sáu đời ăn mày tôi được ăn học và hành nghề ở thành phố. Lại mua được nhà. Người chủ nhà ủy quyền cho người môi giới cùng tôi lo giấy tờ chu tất. Giá có vẻ rẻ, vợ tôi rất lấy làm hài lòng.

Một lần, thụ lý một vụ lừa đảo lớn, tôi đã vào nhà giam gặp phạm nhân. Bao nhiêu năm tháng đã qua, song khi vừa bước vào cửa, tôi giật thót người: Lão cu Vận. Lão co dúm người lại, mặt sụp xuống. Rồi lấy lại bình tĩnh rất nhanh, cười cười: "Đất hẹp. Đi đâu rồi cũng gặp chú!". Rồi thản nhiên, bảo: "Chú bào chữa cho anh chứ. Anh sẽ trả lại chú số tiền mượn ngày xưa. Lãi ròng tính ra cũng đến mấy chục cây vàng..."

Tôi hỏi làm sao đến nông nổi này, cu Vận không giấu giếm kể rằng sau giải phóng, với số tiền ăn mày để ở góc vườn nhà, cu Vận đã vào Nam tậu rất nhiều đất cát. Gặp thời, lão giàu lên như điều gặp gió. Mai danh ẩn tích đã lâu, lão hứng chí lập một công ty trách nhiệm hữu hạn, mua vàng bạc của các công ty khác rồi quịt luôn. Số tiền lên đến bạc tỉ...

Cu Vận bất ngờ nắm lấy tay tôi và bảo: "Nói vậy thôi. Tôi chả phiền chú. Chú cứ để tòa luận tội. Tôi ăn cướp là cùng. Hơn sáu mươi rồi! Tôi chả thiết gì nữa..."

Lúc tôi ra về, lão cu Vận lại nắm lấy tay: "Chú đừng lo. Tiền bạc, nhà cửa, tôi đứng tên cả. Ai làm người ấy chịu... À, còn món nợ chú, tôi đã bảo thằng Cả mang đến tận nhà"

Về sau, lão cu Vận chết trong nhà tù. Con cái lão theo di chúc xây cho lão một cái mộ rất to. Mộ xây bằng đá, cao hơn nhiều lần cái mộ anh cu Vận ở làng Danh.

Riêng về lời hứa của lão chưa có ai thực hiện. Tôi hầu như cũng đã quên...

Cách đây hai tháng, tôi đào móng làm lại nhà. Cả nhà lấy làm ngạc nhiên khi đào được một số vàng đúng bằng số lượng tiền tôi đã mua căn nhà này. Số vàng ấy gói trong một mảnh vải mục mà tôi nhớ đã trông thấy ở đâu đó lâu lắm rồi...

BÀ CHÁU

1.

Khi ba Ly mất, bà nội ôm lấy Ly, nước mắt trào ra từ hai hố mắt sâu thẳm, mờ đục. Vai Ly đầm nước. Lạnh toát. Thế là hết ! Hối lá xanh rụng trước lá vàng !

Má Ly mất lúc Ly tròn ba tuổi. Ba Ly ở vậy nuôi con và mẹ già.

Xích lô, rượu, xì ke... đã giết chết ba Ly. Bà nội và Ly sống sao đây?

"Con dắt nội đi bán vé số".

Một mù lòa, một bé tong teo vừa bán, vừa xin.

Đói.

Rách.

"Nhưng lúc nội chết, bán ai mua?"

"Thôi con ạ, phải đi học lấy cái chữ, cái khôn để độ lấy thân"-bà bảo Ly.

Thế là Ly đến trường. Ly đã học tới lớp ba. Ly vẫn bé tí như cái kẹo.

2.

Có một dạo, tự nhiên Ly giỏi chứng. Nó không dắt bà đi bán buổi tối nữa. Đi học chiều về, Ly ăn vội ăn vàng, bỏ cả rửa đĩa chén, tót đi đâu mất.

Bà nội Ly sờ soạng đến cầu rửa, vừa rửa chén vừa lẩm bẩm một mình.

Khuya. Ly về. Bà hỏi. Ly ôm lấy bà, hôn lên khuôn mặt nhăn nheo cười khanh khách.

3.

Bỗng một hôm, bà nắn túi áo cháu. Bàn tay người mù không đánh lừa bà: trong túi áo Ly có hai tờ năm mươi ngàn còn nguyên nếp.

Nỗi lo sợ khiến bà té ngã.

Bé Ly giật mình tỉnh dậy, chạy lại đỡ lấy bà nội.

- Nội ơi ! Nội có làm sao không?

- Không, không hề chi...

- Nội ơi, nội có đau chỗ nào không?

- Có, chỗ này...

Bà xoè bàn tay. Hai tờ giấy bạc hắt ánh xanh lên khuôn mặt Ly.

Ly "á" lên một tiếng "Của con. Của con phải không nội?"

Bàn tay bà nội từ từ nắm lại.

- Ly ! Nói cho nội hay: Con lấy tiền này ở đâu? Con lấy của ai?

Ly im lặng.

-Sao con không nói? Con lấy của ai? Trời ơi ! Trời bắt tội con...

Bà oà khóc.

Ly mếu máo:

- Nội ơi, con không lấy của ai.

- Vậy con nhặt được? Vậy ai cho con?

- Con được thưởng.
- Được thưởng! Nhưng ai thưởng? Bà nuốt nước mắt, thở dài.
- Các thầy ở lớp học tình thương thưởng cho con mà.
- Nội không hiểu. Con kể nội nghe đi... Bà đỡ dành.

Ly kể thì thầm. Nó sợ người khác nghe thấy bí mật của hai bà cháu.

Đúng như thế, buổi tối Ly tới lớp học tình thương do quận đoàn mở, nhằm giúp đỡ những trẻ nghèo. Trò được học miễn phí, được phát tập vở. Trò nào học giỏi lại còn được cấp học bổng nữa.

Sự tính toán trẻ thơ của Ly đã đúng. Nó ghi danh học lớp một. Nó đã là học sinh giỏi, được lãnh học bổng. Nó tin bằng cách này, cộng với tiền lời vé số mỗi buổi sáng, hai bà cháu sẽ sống qua ngày và nó sẽ học tới đại học.

Bà nội ôm Ly vào lòng, thì thầm với cháu.

Ly ngược mắt nhìn khuôn mặt bà.

Mắt bà ngấn nước, ngời lên như hai giọt sao xa...

4.

Vâng lời bà nội, Ly đem số tiền học bổng trả lại cho lớp học tình thương.

Bây giờ, vào các buổi sáng hay buổi tối, trên các nẻo đường Tôn Đức Thắng, Xóm Chiếu hay những con hẻm tối tăm lầy lội như giăng mắc cửi của quận 4, khi nào gặp một bé gái chừng mười tuổi dắt một bà lão mù bán vé số, bạn nhớ mua giúp một tấm nhé. Có thể, đó là hai bà cháu Ly đấy.

LỄ VẬT MÁU

Con trâu nhà Cờ trán khoáy tam tinh gan lì như chủ nó. Có lần Cờ mắc lỗi, bố lấy roi mây đánh mấy chục cái vào mông, Cờ chỉ chảy nước mắt, người nẩy lên theo nhịp roi chứ không khóc. Bố lắc đầu, bỏ mặc, lấy rượu ra uống. Ông say mê man. Mẹ Cờ phải bôi vôi vào bàn chân, hòa thuốc cảm đổ vào miệng, ông mới tỉnh dần. Tỉnh rượu, ông vát cây roi mây vào bếp lửa... Loài trâu cổ nải, mắt ốc bươu, khó dạy ông lắm lắm. So Cờ với trâu thì sai rồi. Trâu nhà Cờ bụng thon như bụng ngựa; chân hai giống thon lẳn; mông như hai cái lồng bàn úp... Cờ rúm ró trên lưng trâu như con mèo hen trên lưng con voi. Ấy vậy mà Cờ thì trâu lồng nhất nhì trong làng đấy. Chỉ thua thằng Cẩm Cóc. Vì trong làng không có con trâu đực nào nghịch ngợm, tinh ranh như con trâu nhà Cóc. Có lần, nó phóng lộn cộp, lộn cộp trên đường đất thịt, bất ngờ nhảy ào xuống ruộng, giả ngã chống bốn vó lên. Nhanh như Cẩm Cóc mới nhảy kịp khỏi lưng trâu, tránh hai cái sừng nhọn hoắt có thể chọc thủng bụng ngay trong nháy mắt. Con trâu lăn qua lăn lại mấy vòng rồi chồm lên bờ, hai chân sau như kiềng lên. Lúc nó hạ hai chân, thì phóc một cái, Cẩm Cóc đã ở thế kẹp hai chân vào hai bên lườn nó, tay nắm ghì lấy cái u chai ở vai, vừa hét vừa quát roi dậu đen đét...

Chiều nào Cờ và Cóc cũng rủ nhau đi chăn trâu. Hai đứa đã học lớp bốn, tuy khác lớp nhưng rất thân nhau. Thả trâu trên bãi tha ma, hai đứa hôm thì mò cá dưới đìa, hôm thì tìm đào ỏ chuột. Hai con trâu thung dung gặm cỏ, đuôi ve vẩy. Thi thoảng, phởn chí, chúng đuổi nhau; rồi lại cộ sừng vào hông, vào mông nhau âu yếm. Hôm trời nóng, chúng cùng đầm mình trong một vũng nước đọng trên mặt đất, đuôi ngoe nguẩy vẩy bùn nhão lên nhau. Thân thiện y như một đôi bạn hiền.

Thế mà, cuối tháng ba, vào dịp xuân phân, một trong hai con vật hiền lành ấy sẽ bị giết. Ngay sau hội chợ trâu làng Vớ. Tháng tám năm trước, trâu nhà Cẩm Cóc và trâu nhà Cờ đều đứng đầu hai

khóm. Trận chọi trâu này chúng sẽ gặp nhau. Và, con nào thua cuộc, sẽ trở thành lễ vật dâng cúng thần làng. Đi xem chọi trâu, lần nào Cóc và Cờ cũng hò hét đến khản cả giọng vì hứng khởi. Cả sường nữa. Nhất là lúc cầm miếng thịt trâu thui đem về cho mẹ xào với mớ rau cần mới nhổ từ ao bùn chằm lên. Cả hai không hiểu nổi tại sao người chủ trâu thua đã được làng trả tiền sòng phẳng như mua một con trâu ngoài chợ lại có thể giọt vắn giọt dài, từ chối nhận miếng thịt gọi là lộc làng... Bây giờ thì cả hai lờ mờ hiểu.

Theo thông lệ, trước trận chọi, mỗi con trâu được thưởng một cái bánh chưng; sau đó, người ta sẽ đổ ba lít rượu vào hai cái ống nửa vạt nhọn, nâng đầu trâu lên, dốc vào miệng. Bánh để lấy sức. Rượu để tạo sự liều lĩnh, say máu. Chính rượu đánh thức thú tính của con vật nuôi hiền lành, hai kẻ say sẽ lao vào nhau như hai con thú hoang, man dại. Đầu chạm đầu cùng cục nghe như sắp vỡ hộp sọ, sừng chạm sừng chát chát, toé ra mùi khét lẹt. Rồi máu me đầm đìa. Rồi đến lúc một cái sừng nhọn như cái đòn càn tre cật xuyên búp vào bụng con kia. Con trâu thắng cuộc hăng máu lắc lắc hất đầu lên, ruột con thua sổ ra cùng mùi phân trâu hăng hắc, cay cay... May mắn hơn, mới chọi vài chọi, một con sẽ bỏ chạy. Dĩ nhiên là kẻ thua xấu số ấy vẫn bị giết. Có điều người ta đuổi bắt nó lại, trói vào cũi và chọc tiết... "Oò... ồ...ồ", nó rên rỉ, nước mắt chảy ròng ròng, mắt mở trừng trừng không khép được...

Ngày hội chọi trâu càng gần, bố Cờ càng hay uống rượu. Ông buồn. Thì uống. Và lại say. Lại khổ mẹ bôi vôi, phục thuốc cảm hòa nước. Chỉ hai con trâu là chả thèm để ý, vẫn theo hai đứa ra bãi tha ma quen thuộc. Hôm nay có chuyện gì mà Cờ và Cóc ngồi rì rầm như hai ông cụ non...

Vào đúng ngày hội, hai ông cụ non ấy được chít khăn đỏ, tay hai đứa cầm một lá cờ đuôi nheo cũng màu đỏ, dắt hai con trâu ra sới. Khi hai chú bé và hai con trâu ra đến giữa sới, cả làng vỗ tay âm ỉ. Đẹp quá ! Đầu trâu bôi phẩm đỏ, lưng trâu bôi phẩm xanh, bụng và chân trâu hai đứa bôi vôi trắng. Trông ngộ ngộ... Ông chủ hội đi giữa, hai cô gái làng bưng hai khay bánh chưng đi hai bên. Ông chủ hội trao bánh cho Cờ và Cóc. Chúng cho trâu ngoạm một miếng rồi úp cả hai bàn tay vào phần gạo đỏ, nhét vào miệng trâu. Sau đó thì bố Cờ

và bố Cóc đổ rượu cho trâu... Xong, ông chủ hội sai họ đưa trâu về hai đầu sới, chờ trống gióng.

Trống gióng, người la. Hai con trâu lao vào nhau. Húc hặc. Cộp. Chát. Huịch... Đất tung lên. Bụi mù... Có lúc, người ta chỉ thấy những mảng trắng xanh, đỏ lấp loáng, lấp loáng... Hai con trâu ngày thường là đôi bạn, giờ như hai thằng say rượu, quên hết tất cả, chọi nhau như kẻ tử thù...

Tim Cờ và Cóc thót lại. Bố Cờ và bố Cóc quay mặt đi. Máu đã loang đỏ trên hai thân trâu... Bỗng Cờ bám vào tay Cóc một cái đau điếng: "Rồi...". Cóc nhướng mắt: Ở kia, hai con trâu bỗng như nhận ra nhau, chúng tự dừng lại rồi cùng chạy về hai đầu sới. Lạ hơn, sau đó chúng đến bên nhau, con nọ cọ cọ vào sừng con kia. Tưởng như trước đó chưa hề có một trận hỗn chiến sinh tử vậy...

Dĩ nhiên là hòa. Lần đầu tiên, làng không có trâu chọi dâng cúng. Người ta kháo nhau là chính thần làng đã xuống tay để cứu lấy một con trâu. Chẳng ai biết được đó là nhờ bàn tay mực đồng và vốc thuốc cảm giã rượu.

CÂU CÁ MÙA HÈ

Bố nói mùa hoa phượng đỏ là mùa ve sầu kêu ve ve. Nhưng đã mấy mùa hè, Bắc đến sân trường bố dạy học, không nghe thấy tiếng ve. Rất nhiều ô tô, xe máy vọng từ ngoài đường vào. Tiếng chát chúa, tắc, bụp rồ mồn một từ dãy sau hàng rào bằng gạch cho biết đây là phim kiếm hiệp gì đó. Rụng xuống sân trường vắng lặng là những trái bàng quế vẫn lặng thầm rơi khế, âm thanh nghe như vọng về từ năm ngoái. Bố đang dạy một lớp luyện thi vào lớp mười. Bố dạy bài "Thu điếu" mà cả lớp cười như chợ vỡ...

Rồi tất cả lặng phắc. Lặng như Bắc ngồi trên ghế đá tự học tiếng Anh, mắt dán vào cuốn sách.

Nói là tự học chứ thật ra là bắt buộc. Sáng, hai bố con dậy lúc 5 giờ. Bố giảng sơ sơ bài tiếng Anh cho Bắc, giao phải thuộc lòng, dịch thông nghĩa vào lúa 10 giờ trưa... Vậy là có đến ba giờ học. Học dưới gốc bàng...

Bài học thêm hôm nay có mục câu cá. Chú bé người Anh tên là Steven sướng ời là sướng. Hè, đi pic-nic, đi câu cá với bố mãi tận bờ biển Nha Trang. Lạ nhỉ ! Sao bố Bắc không chịu nghỉ hè? Ồ, giá chỉ được bố đưa về quê thăm ông bà, ngồi thông chân xuống dưới nước ao từ cái cầu ao bằng tre ghép lại, cũng đã sướng rồi...

Bắc bỗng giật mình khi nhìn vào vườn cảnh. Giữa khuôn viên nhô lên một hòn non bộ. Hòn non bộ chìm một nửa dưới cái hồ nước trong leo lẻo, xây hình bán nguyệt. Dưới hồ bao nhiêu là cá...

Bắc chạy đi tìm bác Phúc bảo vệ. Nó nói nhỏ gì đó vào tai bác.

- Ồ, tưởng cái chi, sơi chỉ thì bác có ngay, có ngay...

Bác Phúc mở ngăn kéo, lấy ra một cuộn chỉ màu. Chỉ này dùng cho mấy anh chị lớp P Mười quên không khâu phù hiệu vào ngực áo

đây... "Mà con lấy chỉ làm cái chi?", bác Phúc hỏi. Bắc gỡ cặp kính cận ra lau, từ tốn thưa: "Con buộc chân con chuồn chuồn..."

Bể một cành liễu mềm đã có một cái cần câu. Dây cước là sợi chỉ. Thiếu con mồi.

Thì kia, một chú chuồn chuồn kim mới lột xác đang chúi đầu trên một đám hoa mười giờ còn chúm chím nụ đỏ. Chẳng khó khăn lắm, chú chuồn kim đã bị hai ngón tay Bắc nhón gọn lấy đuôi, cánh đập đập yếu ớt.

Bắc đặt cuốn sách bên cạnh, buông câu. Nó thu lu dưới gốc liễu rủ. Những cành liễu mềm phủ kín thân hình bé nhỏ.

Những đàn cá cảnh bơi đi bơi lại, gương mặt nhìn con chuồn chuồn kim nổi lênh phênh trên mặt nước.

Chúng nhìn rồi lại vẩy đuôi bơi đi.

Bắc nghe loáng thoáng tiếng xe, tiếng người. Hình như có cả tiếng "Bắc ơi" giọng hơi lạc đi của ai đó.

Song lũ cá cảnh quấy trong nước khiến Bắc hầu như không nghe thấy gì cả... Nó đang chờ một con cá kim đã đến ngửi ngửi vào cánh con chuồn chuồn. Con cá bỏ đi, rồi quay lại... Nó chưa đến bữa đấy má! Cứ chờ xem...

Bóng mặt trời đã lóa hồ cá cảnh.

Bắc chưa kịp nhắc con cá kim vừa ngậm chặt con mồi ra khỏi mặt nước. Con cá giẫy giụa, rồi tồm trở lại hồ nước...

Bắc tiếc rẻ, òa khóc.

Bác Phúc bảo vệ nghe tiếng trẻ khóc, vội chạy lại.

- Trời ơi! Thì ra mầy ở trong bụi cây! Thằng nhóc...

Bác mắng nhưng lại ôm chầm lấy Bắc, bác nhắc bổng lên đầu: "Mày làm cả nhà giờ này còn đang đi tìm. Thôi để bác gọi điện..."

Bắc giật mình khi đồng hồ trong phòng bảo vệ chỉ con số 12.

"Chỉ một chút nữa bố sẽ đến đón", Bắc nghĩ, "Mà có nên nói với bố về chiếc cần câu mình giấu dưới gốc cây liễu không nhỉ?".

XUẤT XỨ TẬP THƠ “GÀ GÁY”

Thơ buồn buồn lắm. Làm thơ chưa nuôi nổi thân mình... Tập thơ "Gà gáy" bạn bè đều mê mà không có tiền in. Soi vào gương thấy mặt hóp lại, tóc tai bù xù. Lạ! Sao thấy cái bóng in trên tường to quá. Đâm ra sợ.

Đến nhà lão Văn chơi vậy.

Lão Văn đang uống rượu. Uống rượu với canh mừng tôi và cà pháo. "Làm vài ly đi. Kệ mẹ nó đời.", lão bảo.

"Thì uống... Thế mẹ nó đâu?"

"Trên cung trăng. À quên, ở Bexty ấy. Ô-ten."

"Giỡn".

"Giỡn cái con khỉ! Đang cháy túi tiền nó gọi. Mèo nào chê mõ?".

"Thật à?".

"Dối mà làm gì? Uống đi! Chút nữa tao dẫn tới đó."

Thơ húp cái "xoạt". Rồi mới đón ly rượu mát trâu từ tay Văn, giơ lên, ngửa cổ, đổ vào họng "Cay".

Chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Vợ Thơ đã ngăm rủ vợ Văn tới Bexty.

Đàn. Một giờ, hai mươi ngàn. Một giờ rưỡi bốn mươi ngàn. Hai giờ, tám mươi ngàn. Ở lại hay đi đâu đó lãnh đô-la...

Tới Bexty, cả hai đứng ngó lên. Đèn các phòng vẫn sáng rực. Tuyệt nhiên không nghe thấy tiếng nhạc.

"Nỡm", Thơ lầm bầm.

"May chứ", Văn gật gù.

Họ chở nhau đến nhà Nhạc.

Văn bấm chuông như nhấn còi ô tô.

Một người nước ngoài ra mở cửa

- Các ông tìm ai? (Các ông tìm ai?)

- Nhạc. Mít-tờ Nhạc.

- Đên ngo ba bay. Căn sô 100.

- ?

Cửa đóng sầm lại.

- Nó bảo ngõ ba bảy, số 100.

Rồi cũng tìm được nhà Nhạc.

Đang bò ra viết.

Thơ sẵn:

- Sao lại ở đây?

Nhạc thở dài :

- Vợ tao bảo : - Tiền nó đuổi.

- Thế vợ mày ? - Văn hỏi cho phải nhé.

Nhạc đứng dậy, chống nạnh, chỉ tay vào mặt Thơ :

- Đàn. Hiểu chưa ? Tất cả đều từ con vợ mày mà ra cả. Hiểu chưa? Bây giờ thì ra Bexty mà tìm. Hiểu chưa?

- Hiểu... Hiểu rồi. Họa lò dò ở đâu tới, vừa đi vừa nói : - Mà to tiếng làm gì! Tớ đến dẫn các cậu đi khao đây.

- À, thằng này giỏi! Đi cho bố ghét! Cứ gọi là chúng ông cửa cổ mày !

Bốn người bạn văn kéo nhau đi.

Hình như ai cũng đã chuẩn choáng.

Bóng người nào in xuống đường cũng dài thượt.

- Táp vô đây! Hoạ ra lệnh.

- Cháo gà! Nhạc reo lên.

- Đô thì đô ! Đô nào... Đô...- Văn và Thơ cùng phụ họa

Điện trong quán vụt tắt.

Mấy người đàn bà mời khách, giọng như bịt mũi.

Văn la:

- Quái lạ, sao thiên hạ nhiều người hổng mũi thế...

Tiếng cười phá lên.

Thơ là người đầu tiên nhận ra những âm thanh trong như suối của vợ mình.

Chị Nhạc bước ra cùng ánh đèn vừa bật trở lại: "Xin chào, xin chào các quý anh...".

Các bà vợ bụng cháo ra.

Chị Nhạc tuyên bố :

- Có tiền cho anh Thơ in tập "Gà gáy" rồi.

Đám văn nhân trố mắt.

Các tô cháo đặt hết xuống bàn.

Chị Nhạc giải thích vắn tắt: Tiền cho thuê nhà, chị dùng thuê mặt bằng và làm vốn. Còn các quý bà đây thì đánh bộ gõ. Quán "Gà gáy", cháo gà. Gà sẽ đẻ ra tiền... Sẽ có tiền. Sẽ có tiền. Đuổi được tiền rồi !...

Tha hồ mà viết !

PHIÊN CHỢ TUỔI THƠ

Giống như một con cá, làng Mả Cá của tôi lọt thỏm giữa đồng chiêm trũng. Tháng Bảy, tháng Tám nước đã menh mông bốn phía. Chỗ nào cũng chỉ thấy nước. Từ Mả Cá muốn xuống Vượt Mới, lên Rìn hoặc sang Bến Đò, Chùa Cả phải đi trên những con đường bé tí tẹo, đầy cỏ may, không đủ lối cho hai con trâu tránh nhau. Mùa nước to, muốn khỏi trượt chân xuống ruộng, cứ lần theo ngọn cỏ may ngã rũ xuống mà đi. Ấy vậy mà hôm nào bà tôi cũng phải đi. Bà đi chợ. Thúng đội đầu, tay vung vẩy. Trong thúng, hôm thì vài chục bó rau muống, mớ cá, vài nắm chè xanh hay ít tấm cám... Bà bảo tôi: "Áo máy đưa rách hết rồi. Bà bòn để mua vải trúc bầu may cho bền".

Khoảng tháng Mười Một, nước rút dần. Đồng chiêm đầy nước giờ trắng phớt màu đất bạc, nứt nẻ những vết chân chim. Cỏ may lại mọc kín cả lối đi trên những con đường nhỏ. Gió bắc đã về, thổi hun hút. Bố tôi đi cày, mẹ đi tát nước, mỗi người mang một cái áo toí bằng lá móc già, trông cứ như là những con nhím khổng lồ biết đi. Da mặt chúng tôi nứt nẻ, xù xì màu mốc trắng. Bà xoa đầu cái Hào em tôi, vừa cười vừa nói: "Bà sắp bòn đủ rồi...". Con bé ngây ngô, hỏi: "Mùa này bà còn bòn rau muống vườn, hả bà? Rau chát, chả ai mua đâu, bà ạ". "Không, bà nói bà sắp bòn đủ tiền...". Tôi nhảy cẫng lên, bá lấy cổ bà: "Bà may áo cho cháu nhé..." Bà cầm lấy tay tôi bảo: "Ừ. May cả cho em Hào nữa. Tết này cháu bà đẹp cứ gọi là nhất làng..."

Bỗng một hôm, vào sáng sớm, lúc cả nhà ngồi ăn khoai lang vùi trong than trấu chấm với muối vừng, bà cởi ruột tượng ở thắt lưng ra đếm tiền rồi bảo bố tôi: "U góp nhặt được mười hai đồng rồi. Hôm qua đi chợ Rìn, u có rẽ đến chỗ chị Đào hàng vải, hỏi mới biết còn thiếu năm hào nữa thì đủ mua cho mỗi đứa một bộ. Anh chị còn đồng nào cho u vay bù vào. Qua tết, u trả". Mẹ tôi rơm rớm nước mắt: "Thôi, tiền ấy u để mà ăn quà. Quần áo của thằng Cu và con Hào để chúng con lo...". Bà nói: "Vẽ chuyện! Cứ để đấy u. Chứ hôm nọ nghe anh chị bàn cắt cái áo cũ của anh, may áo lương cho thằng Cu và con Hào, u

thấy không ổn. Tết, vợ chồng cũng phải có bộ quần áo đẹp để sang nhà ông bà ngoại chứ. Ai lại...". Bố tôi buồn buồn, nói: "U nghĩ thế thì con phải theo. Nói có bóng đèn, lòng con chả yên chút nào". Bố tôi ậm ừ nói nhà chẳng còn xu nào. Lo được hơn hai mươi đồng thì đựng đui lợn hết hơn mười đồng, sáu đồng mua gạo nếp gói bánh chưng, năm đồng góp giỗ bên bác trưởng. Tiền đèn nhang chưa có, đang định bán mấy con ngan...

Bà tôi lặng lẽ nhìn lên trần nhà. Rồi bà tặc lưỡi: "Thôi, để u đập ống. Có dễ cũng được vài đồng..."

Bà chống tay xuống chiếu, lồm khồm đứng dậy, vào buồng lấy ra một cái ống nứa. Giữa hai đầu mắt ống, bố tôi cưa một vết chéo, đủ để tạo thành một khe hẹp nhét được những đồng tiền kẽm lẻ. Tôi lấy con dao để bà bỏ ống. Bao nhiêu là xu xòe ra, trắng một góc chiếu. Mỗi ngày năm xu mà cũng được đến hơn mười lăm đồng. Một món tiền to. To quá! Bà xuýt xoa: "Bà định dành cho thằng Cu lấy vợ. Giờ túng thế này, thôi đành..."

Bà bảo bố tôi: "Sáng mai phiên chợ Rin, u định dẫn hai đứa đi chợ. Còn tiền, u mua cho mỗi đứa một đôi guốc". Bố tôi gật đầu. Mẹ tôi đưa coi trầu cho bà: "Rét quá, u ăn một miếng cho ấm".

Tối hôm ấy, tôi và cái Hào không ngủ được. Thi thoảng nó lại bảo: "Anh ơi, vải trúc bầu có đẹp bằng vải lụa may áo lương của cái Nụ không?", "Anh ơi, em thích áo lụa cơ", "À mà anh này, cái guốc sơn đỏ, có vẽ hoa như của cái Nụ con ông giáo Quy có phải không. Đi sạch chân lắm, anh nhỉ!"...

Sáng dậy, bà gọi mãi cái Hào cũng không thưa. Đầu nó nóng hầm hập. "Thôi, u cho thằng Cu đi thôi. Con bé ầm đầu để con gọi bác Thụ đến tiêm...", mẹ tôi nói.

Bà tôi đã định không đi chợ nữa. Bà không nỡ. Tôi mè nheo một lúc, bà đành phải chiều. Bởi tôi mà khóc to nữa, cái Hào sẽ tỉnh giấc, đòi đi nữa thì chết. Bà chép miệng, đội thúng lên đầu. Cái Hào mở mắt hé hé nhìn hai bà cháu, miệng nó ú ớ, ú ớ. Cứ như là sắp chết không bằng...

Đến gần chợ, hai bà cháu ngồi gỡ cỏ may. Tôi vụng về thế nào, ống quần vải đã mục, rách toạc theo ống. Bà bảo lấy dây chuối túm lại. Chịu khó vài hôm nữa là có quần áo mới diện tết.

Bà dẫn tôi đi dạo một vòng chợ. Chợ Tết có khác. Những đồng cam vàng sậm chất ngất. Những quả thanh yên, phật thủ tôi chỉ thấy trong tranh giờ mới biết. Hàng vải đủ màu sắc trông lóa cả mắt. Giày dép, guốc sơn, guốc mộc xếp thành đụn...

Hai bà cháu vòng qua cái bàn gấp của bác nặn các con giống bằng bột màu xanh đỏ. Tôi cứ ngẩn cổ nhìn những con lợn có xoáy âm dương, con gà mào đỏ đang vươn cổ gáy... Bà nói quay về hàng vải kéo muộn và lòi tôi đi.

Tới một hàng vải, bà bảo: "Đây là hàng cô Đào. Cũng người Mã Cá ta cả. Lấy chồng chợ Rin, mở hàng vải, ta mua cho cô ấy lấy may". Cô Đào khen tôi nhanh nhẹn, nói tôi mặc quần áo trúc bâu hồ cứng thì đẹp nhất làng. Tôi xấu hổ, mặt nóng ran, tay mân mê cái ống quần rách...

Bà cười ruột tượng, nắn nắn mãi... Mặt bà tự nhiên tái nhợt kêu lên: "Cu ơi! Sao lại thế này...". Bà dốc cái ruột tượng bằng nải vàng lên. Từ trong đó rơi ra năm đồng tiền năm xu... "Mất cả. Mất cả rồi... Đứa nào...". Bà nghẹn ngào không nói thành lời. Bà bảo cô Đào: "Có khi bác để quên ở đầu giường... Thôi để phiên tới..."

Bà chỉ còn đủ tiền mua một tấm bánh đa cho cái Hào. Còn một ít, mua cho bố tôi gói thuốc lào và tôi thì được bà cho một con lợn và một con gà bằng bột. Bác bán con giống bột bảo quý tôi nên bớt cho hai xu...

Về đến ngõ, tôi đã thấy cái Hào đang đánh chuyen với cái Nụ con ông giáo Quy. Bà không nói mà đưa cho nó cái bánh đa, bảo nó chia cho tôi và cái Nụ mỗi đứa một ít.

Bà đặt cái thúng xuống, chạy tọt vào buồng. Bà lật cái gối bằng mây có phủ một cái khăn mỏ quạ lên. Bọc tiền giấy gói bằng dây chuối vẫn còn nguyên vẹn. Chỉ có cọc tiền xu xâu bằng một sợi dây đay khác. Bà mỉm cười...

Phiên chợ sau đúng là phiên chợ Tết. Tôi và cái Hào lúc về tới ngõ, bắt bà bỏ thúng xuống, lấy guốc xỏ vào chân chạy lộp cộp vào nhà. Cái quai da trâu còn cứng làm chân hơi đau đau. Nhưng mà thích thích thế nào. Mẹ tôi nhìn ba bà cháu, ứa nước mắt...

...Bốn mươi năm sau.

Hào, em gái tôi đã trở thành một giám đốc công ty thương mại lớn. Vợ tôi (cô bé Nụ ngày xưa ấy) hay kể lại chuyện thuở bé Hào đã ước mơ có một cái áo lương bằng lụa mà thầy Quy đã may cho Nụ. Hào nói với Nụ thuở ấy cô đã mắc một lỗi lầm thật khó tha thứ... Riêng tôi, tôi thực sự thấy làm lạ khi thấy vợ chồng Hào biểu tôi bắt cứ cái gì, em tôi đều gói buộc bằng một thứ dây rất khó kiếm ở thành phố, mặc dù lắm lúc nó chẳng tương xứng với những vật rất quý: dây chuối...

Một lần, em tôi bị ốm nặng, phải nằm bệnh viện. Tôi đến thăm. Em tôi vừa cắt một cơn sốt nguy hiểm. Tôi ngồi ở bên cạnh, sờ lên trán em. Hào bỗng mở mắt và hỏi: "Bác có thấy trán em nóng như sáng ngày xưa bà và bác đi chợ không". Tôi hiểu ra, cười: "Bây giờ thì nóng thật". Hào nói: "Ngày đó trán em cũng nóng chứ". "Nhưng sau lúc ấy, làm sao cô lại ra đánh chuyen với nhà tôi được. Còn nhớ không?". "Em nhớ. Em nhớ chứ ! Lúc đêm, lấy tiền của bà xong, em cứ nghĩ cảnh bác và bà sững sờ ở chợ, em sợ quá... Sợ phát ốm ! Lúc bà và bác đi rồi, thấy bố hỏi mẹ có còn dây chuối để buộc áo tôi không, em muốn khóc lên. Em chạy vào buồng, đặt tiền xuống dưới gối bà. Tiền xu buộc dây chuối mục, rơi ra tung tóe... Em lấy một sợi dây đay khâu lại. Không biết bà có biết không..."

Tôi khẳng định với em tôi là chính mắt tôi trông thấy bà đã cười khi cầm chuỗi tiền xu lên đếm và ngắm nghía... Nghe tôi nói, em tôi cười. Ít ngày sau, cô ấy khỏi bệnh.

Hôm mới rồi, vợ chồng Hào đến góp giỗ. Lúc ra về, em tôi gọi tôi ra một chỗ, dặn đi dặn lại: "Bác nhớ nhắc bác gái mua mấy bộ quần áo lương gửi xuống cho bà. Em nhớ lúc bà mất, bố mặc cho bà cái áo lương màu nâu đã bạc... Lúc ấy, hình như bố khóc, bác ạ".

EM GÁI MỘT NHÀ VĂN

Nhà có hai anh em. Lần ba uống rượu say, chơi trong đám bài, cãi lộn, bị người ta đâm một quả vào mặt, ngã vật vào tường, ai cũng tưởng con bạc ngủ. Đám bạc tan nghe người ta kêu, má kêu xích lô đến đón. Bà khóc rú lên khi thấy ba đã lạnh cứng...

Lúc ấy hai anh em đang chơi nhảy lò cò. Thấy má khóc hai đứa chạy vô ngó, thấy ba ngủ như mọi lần say rượu, lại ra ngó chơi...

Rồi má đến ở nhà chú xích lô. Má có thêm em Tèo, em Tuột, em Thôi, em Út Lớn, em Út Nhỏ... Trước má còn ghé thăm, sau hai anh em trông mỗi mắt, dắt nhau đến nhà chú xích lô, thấy má khóc lại dắt nhau về với bà nội.

Chuyện ấy xảy ra đã lâu lắm, tưởng như không còn ở trên đời, nếu Tết vừa rồi, người em không khóc nức lên trước bàn thờ bà nội và ba má.

Em có một tổ hợp may mặc. Tèo, Tuột, Thôi, Út Lớn, Út nhỏ đưa làm bảo vệ, đưa đứng máy, ăn lương theo sản phẩm, bữa trưa được người chị cho không, khỏi tính vô lương.

Người anh là một nhà giáo. Anh mắc lỗi (anh hay bảo thế) đam mê văn chương, đàn bà và rượu... Nên nghèo cũng chẳng phải do số kiếp.

Từ khi người em làm nên, thương anh, hay cho tiền xài. Cũng không rõ có phải vì thế hay vì hậm hực bởi nổi bất công ở đời anh thế nguyên không đụng đến văn chương nữa... Bạn bè bảo anh là nhà văn không có tác phẩm. Đã thế, việc trường lớp anh cũng bỏ bê, khiến bà hiệu trưởng đã ba lần khuyên anh nên tự làm đơn xin thôi việc. Anh cóc cần đơn từ. Ai đuổi cứ đuổi. Đời anh bị đuổi từ lúc nhỏ xíu rồi.

*
* *

Người anh bị đuổi thiệt.

Anh trở thành thằng nghèo, không có tiền, không có đàn bà và cũng chẳng có văn chương. Anh vẫn độc thân. Trơ trọi trên đời.

Anh mò đến đám bạc. Không phải để chơi. Có tiền đâu mà chơi, mà để xin tiền.

Chẳng có ai cho lấy một xu.

Cướp thì không dám. Anh bèn thò tay định thó vài ngàn trên chiếu... Một quả đấm còn nặng hơn cả búa tạ thoi vào bụng, ruột gan tưởng nát hết. Đám bạc ù chạy, bỏ lại cả một số tiền. Anh chết vật đè lên chúng...

Người em thuê xích lô đến. Chị lẳng lặng bế anh đặt lên xe, lẳng lặng vợ hết số tiền trên chiếu bỏ vô giỏ... Về đến nhà thì anh tỉnh lại, miệng vẫn còn ri rỉ máu.

Lúc ấy sắp giao thừa.

Và như ta đã biết, trước bàn thờ, chị đã khóc.

Tèo, Tuột, Thôi, Út Lớn, Út Nhỏ khóc theo. Rồi họ xúm vào lau rửa, xoa bóp, bón cháo... cho anh. Họ thấy anh hao hao giống mình.

*
* *

Ít lâu sau, anh khoẻ lại. Nặng nề đời em xếp chân bảo vệ. Người em chiều ý. Với một điều kiện.

Điều kiện ấy là anh làm bảo vệ không lĩnh lương, mọi sinh hoạt em lo cho. Nửa thời gian còn lại, mỗi ngày phải viết một trang sách, kể về chính cuộc đời của mấy anh em. Khi nào cuốn sách viết xong, anh sẽ được lãnh một số tiền đủ mua một căn nhà nhỏ để tự lập.

Trời ơi, viết hết 365 trang thì người ta thành nhà văn hẳn hoi! Mà mong ước của người em chỉ là anh thành người tốt...

Người anh nhận lời và bắt tay vào việc.

Những trang đầu viết xong, anh đưa cho em đọc. Em khóc và đặt những trang ấy lên bàn thờ.

Anh xúc động, đêm ấy viết 20 trang.

Mới có nửa năm, cuốn sách đã viết xong.

Người em đã bỏ tiền ra in nó. Không biết có đúng không, chị khoe với anh trai mình cuốn sách lời hai mươi triệu.

Chị đưa cả số tiền ấy cho anh. Và giục anh đi tìm một căn nhà, đúng như chị đã hứa.

Người anh đã khát lần... Anh còn muốn viết nữa, viết nữa.... và anh đã trở thành một nhà văn. Bây giờ chỉ cần nói bút danh này, bút danh kia của anh là đã có nhiều người nhận ra anh.

Và cũng chỉ đến bây giờ, do anh đã quá nổi tiếng, nên tôi mới tiết lộ rằng, cuốn sách đầu tiên in ra của anh, hiện nay đang nằm trên gác nhà tôi, đủ cả 5000 bản. Người em là bạn thân của tôi. Chị rất tin cái gác nhà tôi biết giữ mồm giữ miệng, chỉ ít là đến lúc anh đã thành danh.

CẬU CÒNG ĐƠM ĐÓ TẾP

Lúc chúng tôi ra rả như cuộc kêu thuộc lòng bài "Bà Còng đi chợ mua rau...", tôi vô tình liếc sang phía thằng Công. Nó có vẻ bối rối, mặt đỏ như, miệng lí nhí. Tan học, cả lớp ủa ra sân. không ai để ý Công vẫn ngồi trong lớp, gục mặt xuống bàn, thỏm thức... Thằng Mật ngoái lại, thấy trong bọn thiếu người, kêu: "Thằng còng? Còn thằng còng. Chúng mày xem nó lẩn đi đâu". Cả bọn nhón nhác tìm. Mấy đứa con gái, táo tợn nhất là cái Mít, réo: "Ớ còng...". Thằng Mật đã quay lại, giơ tay bịt miệng ra hiệu im, rồi trợn mắt, dọa: "Nó đang... Chúng mày có biết ngậm cái miệng cá ngao lại không?". Không rõ sợ nắm đấm của thằng Mật hay sợ Công tủi thân khóc to hơn, cả bọn im thin thít, rón rén quay lại, đứa đứng bên cửa sổ, đứa đứng ở bậc cửa ra vào, mắt thao láo... Một lát sau, tất cả lặng lẽ bỏ đi. Bấy giờ chỉ còn tôi đứng ngẩn tò te cạnh cửa lén nhìn Công đang đưa tay áo lên ngang mặt, dụi dụi lau nước mắt. Nó đứng dậy, bỏ cuốn học vắn vào cái tay nải khâu bằng vải nâu cũ, đi ra cửa. Thấy tôi, Công hỏi: "Mày không a dua với chúng nó gọi tao là còng à?". "Ừ, tao đợi mày về cùng. Mà sao mày lại khóc?". Hỏi vậy, nhưng bất ngờ nhớ tới dáng Công, cái lưng cong như con tôm, mặt như cứ úp xuống đất trên cái cổ cò bị đẩy ngang về phía trước, tôi biết mình đã lỡ lời. Hình như Công không để ý, nói: "Tao thương u tao quá. Cứ nhìn thấy tao là u tao khóc...". Nước mắt Công rỉ ra cùng tiếng nói cứ tắc nghẹn dần của nó. Buổi tối, ăn cơm xong, cả nhà ngồi ngoài sân uống nước. U tôi bất ngờ bảo: "Con không được gọi Công là thằng. Nó ít tuổi nhưng ở hàng u cơ đấy. Như vậy thì phải gọi bằng cậu". Bố tôi lừ mắt: "Ra thằng cu cá đối bằng đầu hả? Láo! Vậy là hỗn đấy con ạ ! Không gì thì cậu ấy...".

Không hiểu sao bố tôi ngừng lời, bỏ lỡ một dịp nói tốt về cậu Công để làm gương răn chúng tôi. Nào là thằng bé bằng tuổi các con mà lần đêm mò hòm, đến con ma áo trắng ở cồn Rùa nó cũng không sợ, thả lờ bắt cá mú, đơm đó gom tôm tép; nào là nó vừa chăn trâu vừa mò cua bắt cá ven sông... Người bé mà đã biết hiếu nghĩa vẹn tròn. Nuôi thân, nuôi mẹ già mù loà đã đành, giỗ chạp họ hàng, cưới

xin này nọ, mẹ con Công đều có phong bao đỏ... "Lưng nó còng nhưng lòng nó thẳng, chí nó cao. Từ nay, hễ bố còn nghe nói con gọi cậu ấy là thẳng, thì...", ông nhìn cái roi mây cuộn tròn giắt ở góc trái hiên nhà: "Đét, đét... Hai chục roi !".

Bất chước cậu họ, tôi nằn nì xin tiền mẹ mua mười cái đó tép. Hôm có đó, buổi chiều tôi ra đồng, nhè cánh ruộng gần cù Dọc, be bờ, đặt đó, lấp trúm. Công việc xong xuôi, nghe tiếng tôm tép đi rào rào trong chạng vạng, tôi thơ thới đi về, vù đi vừa huýt sáo. Ấy chết, sao lại "Bà Còng đi chợ...". Ô, chỉ có gió đồng nghe thấy. Chẳng có bố. Chẳng có cậu Công...

Khuya. Tôi đeo một cái giỏ tre lớn ra đồng. Lạnh. Tiếng côn trùng nỉ non. Thi thoảng, một con ếch nhảy tồm xuống cù từ một mô đất nhô lên trông rất giống ai đó đang ngồi. Tôi bấm hai ngón tay cái vào nhau, lấy can đảm, lò dò đi trên bờ cù vốn đã thuộc lòng từ những buổi chăn trâu. Bỗng, "tồm". Nước cù bắn lên người, lên mặt tôi. Ối trời ơi! Ma! Một con ma áo choàng trắng, lênh khênh trên cặp cà kheo, đang hươ hươ một cái trúm tép trên đầu. Tôi trợn mắt, quay đầu chạy, ú ớ kêu. Chân riu lại, tôi vấp vào một mô đất, ngất lịm. Tôi thét lên khi con ma chạm vào người tôi. Nhớp nháp, tanh lợm mùi tôm tép ươn... Rồi tôi lơ mơ nghe bố nói: "Cậu dọa cháu phải không?". "Em không biết là nó. Giá như bác bảo em trước..."

Sáng sớm, tỉnh dậy, tôi thấy u tôi đang ngồi nhặt rác lẫn trong tôm tép. Ài chà, những một thúng đầy! Cậu Công đi ngang nhà, gọi với vào: "Chị đưa lên Cổ Gia mà bán. Chợ Thượng ta tôm tép rẻ hơn cả bèo!". Nói, rồi thở dài, chập choạng đi. Tay vung lên trời. Tất ta tất tuổi...

Càng lớn lên, chúng tôi càng ít dám chòng ghẹo Công. Từ ngày bà cụ mù loà mất, thấy Công hay ngồi thừ hàng giờ trước cửa, tôi rủ đám bạn trong xóm đến nhà cậu, chia làm hay phe nam nữ hát ví cho vui. Ở đời ai học được chữ ngờ. Hôm cái Mít hát kết với Công, chẳng biết vô tình hay hữu ý, nó hát: "Anh về sắm trái cau vàng - Thì em kết nghĩa đá vàng cùng anh...". Công nghe xong, ứ miệng, chạy xuống bếp. Tôi biết cậu khóc. Thương cho cái phận nghèo mò tôm bắt tép! Giận cái đứa chanh chua đỏng đảnh châm chọc kẻ cô đơn... Buổi hát tan, tiễn Mít về tới ngõ, tôi tỏ ý trách. Mít tát yêu vào má tôi, nũng: "Thì em tưởng hát thế cho vui. Ai biết trước anh ấy tủi..."

Cậu Công không tủi mà hi vọng. Vào một buổi hát vui vẻ, cậu bỗng cao hứng nói: "Cô Mít hứa rồi đấy nhé. Tôi mà sắm được cau vàng thì...". Cậu liếc nhanh sang phía tôi, cười. Đang vui, mọi người cho rằng cậu đùa. Mít cũng cười ngặt nghẽo: "Thì em là vợ anh Công!". Cả bọn lại cười nữa, ngéo tay thay cho lời hứa.

Chiến tranh lan rộng, tôi và đám trai làng lần lượt lên đường ra mặt trận... Trong một trận đánh, tôi bị bom mất cả hai bàn tay, trở về làng cũ với một tấm thẻ thương binh. Cậu Công đến thăm, buồn bã an ủi: "Vẫn còn đơm đó được. Chẳng chết đâu mà sợ!".

Từ đấy, hai cậu cháu đi thả đò tép chung. Sáng sáng, đổ tép xong, tôi và cậu ra bến sông tắm. Tôi lấy một hòn cuội nhỏ, cuội đầu nguồn Đa Dâng, nhờ cậu cọ lưng hộ. Cầm hòn đá, cậu bảo: "Giống quả cau quá. Hỏi vợ đi!". Tôi cười. Hòn đá rơi tòm xuống sông. Hai cậu cháu mò mãi mới tìm lại được.

Trai làng lần lượt trở về sau chiến thắng ba mươi tháng tư. Vẫn đủ để nhóm một cuộc hát ví. Lần này, cậu Công đòi bạn bè đến hát ở nhà tôi. Hình như nhớ lại lời hứa năm xưa, cậu Công nhìn lướt qua cả bọn, dừng lại ở Mít, hát: "Trầu cay nay đủ cau vàng - Hỏi nàng: Lời hứa với chàng, còn không?...". Mít run lấy bầy; tôi tái mặt; trai gái trong nhà cười nói ồn ào cả lên... Cậu Công vỗ vỗ tay, chờ mọi người im bặt mới nghiêm giọng nói: "Đề nghị chú ý: Tôi biết có một chàng đã sắm được cau...". Cả bọn hướng về phía tôi, nửa tin, nửa ngờ. "Đúng! Cậu ấy...". Tôi chưa kịp ngăn cậu lại thì Công đã chạy vào góc nhà, lễ mễ đưa chiếc ba lô của tôi ra đặt giữa nhà. Cậu Công, sao cậu ác thế! Cậu sẽ lôi hòn cuội Đa Dâng thiêng liêng để chế nhạo tôi ư? Mà cậu chế nhạo tôi làm gì... Tôi nhắm mắt lại, kinh hãi tưởng tượng ra cảnh cậu thọc tay vào cóc ba lô và ánh mắt thất vọng của Mít lúc nhìn thấy hòn cuội.

"Đây rồi!", cậu Công reo lên đắc thắng. Vết thương nơi hai bàn tay bị mất của tôi đau nhói. Kiến bò theo cánh tay, lan khắp người, chạy dọc sống lưng tôi. Tôi cố chống đỡ sự yếu đuối, mở mắt chứng kiến cảnh người cậu ác độc mưu quật ngã mình... Ô! Không phải hòn cuội! Một quả cau! Vàng chói. Quả cau ấy run rẩy trên lòng bàn tay đang mở ra của cậu Công. Cậu đặt nó vào tay Mít, rồi đẩy khẽ cô về phía tôi. Quả cau rỗng rơi xuống nền gạch, khẽ vang lên âm thanh của một quả chuông vàng. Đám bạn reo như vỡ cả trời đất.

Khi mọi người chột hiểu, Công đã chạy ra ngoài từ lâu. Không có ai ngoài tôi biết cậu đang ở chỗ nào. Vào giờ khuya khuất như thế này, các đống trộm đặt ngoài bờ ruộng đã ứ chặt tép...

BẮC VÀ TÂN

Năm nay Bắc học lớp 7. "Ngày xưa đã được gọi là trí thức rồi bố nhỉ.". "A bố ơi ngày xưa là ngày nào? Chắc lâu lắm rồi phải không bố?. Con quên không hỏi thêm trí thức nghĩa là cái gì hả bố?" Bố Bắc là một thầy giáo dạy Toán song lại mê văn chương. Có lẽ vì thế mà ông chọn mẹ Bắc, là một nhà thơ nữ. Thơ mẹ Bắc viết chỉ dành cho trẻ con. Bà đến đâu, trẻ con xúm xít lại hỏi chuyện, cười như nắc nẻ, chảy cả nước mắt.

Cho nên Bắc viết truyện.

Người ta bảo Bắc giống bố, mà nào Bắc có giỏi toán.

Các cô khen Bắc đẹp như mẹ. Bắc tự ái. Bắc là đàn ông cơ mà. Quan trọng hơn, Bắc chưa bao giờ làm thơ ngoài một bài đăng trên báo tường của lớp nhân ngày 20-11, được giải nhất về văn có vần của nhà trường.

Hôm học văn kể chuyện, Bắc hỏi đủ thứ khiến thầy dạy văn suýt cho điểm "không" vì vô lễ. Bắc nhớ là viết truyện phải có câu chuyện. Có nhân vật. Có... cái gì nữa nhỉ... Quên thì lục sách của bố mà đọc.

Thoạt đầu Bắc viết truyện "Chó và mèo". Làm như ông Tô Hoài ấy. Viết xong, nghĩ thấy chó và mèo giống mình và em Bình quá. Bắc thở dài. Báo mà đăng lên trang nhất thì ôi mặt. Bạn bè tha hồ mà trêu ghẹo... Chó Lu Lu y như Bắc, mang kính cận tám độ. Mèo Natasa hay nhè nhưng luôn xếp hạng nhất trong lớp, ai mà chẳng biết đó là Bình, em gái song sinh của Bắc, "Thôi bỏ truyện này. Hay gì cái chuyện tranh nhau ăn quà mẹ đi chợ về. Hay gì cái anh Lu Lu nhòm bài của Natasa trong giờ toán... Chẳng hay hóm gì mà khoe...". "Thôi đi sửa cái xe đạp. Sắp tết rồi..."

Bắc xếp tập vở, dắt chiếc xe đạp ra tiệm sửa xe ở cuối phố. Nó muốn "ủng hộ" thằng Tân, bạn cùng lớp mới nghỉ học, đang học việc sửa xe ở tiệm chú Bảy.

Tân là cháu ngoại ông Tám. Bắc chỉ biết là bố mẹ Tân không có nhà. Ông bà ngoại đã già nuôi hai đứa cháu, không phải là việc dễ; còn khó hơn khi bây giờ họ không còn có thể làm gì được nữa, sống nhờ vào số tiền hưu trí ít ỏi của ông. Thương ông bà, hai chị em đã bỏ ngang, chị đi học may, em đi học sửa xe...

Thấy Bắc, Tân mừng rỡ cuống quýt. Nó hỏi đủ thứ chuyện. Bắc còn hay nhòm bài của Bình không? Thầy Thanh dạy toán các bạn có tiến bộ không? Ông thầy giám thị có còn hay quát nạt các bạn không? Bắc kể chuyện trường đang xây thêm mấy lớp học. Nghe thầy hiệu phó nói, đâu như sẽ có các lớp học tình thương ban đêm học nhờ.

- Ôi, tuyệt thật, tuyệt thật...

Tân vừa nghe vừa thốt lên, tay vẫn vặn chiếc ốc cho chặt thêm.

Buông tay, nó bảo: "Ước gì tớ được đi học..."

Bắc nghe đứa bạn kể chuyện, có vẻ cảm động. Tân tiếp:

- Tớ ước tớ đã là chú Bảy. Qua tết tớ sẽ mở một tiệm xe gắn máy.

Rồi thì có tiệm sửa xe hơi. Thành ông chủ. Có tiền thì là ông chủ hẳn rồi... Rồi cũng như Bắc, nó thản nhiên nói giọng lớp 7 bảo:

- Lúc ấy tớ sẽ xây một ngôi trường. Tớ sẽ mời các thầy đến dạy. Tớ sẽ ngồi ở bàn đầu tiên, dĩ nhiên là tớ sẽ là lớp trưởng...

Mơ ước của bạn làm Bắc ngạc nhiên.. Nó nhìn bạn chăm chăm qua kính cận rồi reo lên: "A".

Tân ngơ ngác không hiểu vì sao Bắc bỏ chiếc xe đạp đã sửa xong, chạy về nhà.

Bắc chạy về nhà vì nó đã tìm được câu chuyện. Câu chuyện ấy là ước mơ của Tân. Bắc gần như chép lại cuộc nói chuyện giữa Tân và nó. Riêng câu cuối cùng, Bắc quên khuấy mất...

Nó sực nhớ ra cái xe đạp. Và hót hơ hót hải chạy ra tiệm sửa xe. Dĩ nhiên vì Tân nói, nên Tân nhắc lại không khó khăn gì. Tân thắc mắc, hỏi Bắc bảo nó nhắc lại câu ấy để làm gì, Bắc chỉ cười.

Có câu nói của Tân, Bắc chỉ viết một loáng là xong truyện. Nhanh hơn mẹ làm một bài thơ. Chẳng thế mà cả tháng mẹ chỉ có một bài thơ đăng báo.

Đọc lại, Bắc thấy truyện chưa hay. Kém cả chuyện Lu Lu và Natasa chó mèo..

"Đây rồi", Bắc thầm reo lên và lấy bút thêm vào đầu đề chuyện ba chữ "và của tôi". Xong, ngay lúc đó, nó nheo mắt và gạch chữ "của" đi. Bây giờ truyện có tên là "Ước mơ của Tân và tôi".

Bắc ước truyện này trúng giải. Người ta đưa truyện đi dự thi quốc tế. Trúng giải Nô-ben thì dư xây trường. Có lần mẹ bảo giải Nô-ben to lắm.

Mà nếu cái giải Nô-ben kia chưa đủ, đã có thêm tiền của Tân... Một ngôi trường... Tân sẽ làm lớp trưởng.

Bắc đã nhờ cả lớp 7A9 chép truyện này thành bốn mươi bản. Cả lớp đổ xô ra các sạp báo ghi địa chỉ tên các báo và các cuộc thi truyện ngắn. Báo Sài Gòn giải phóng, Văn Nghệ, Nhân Dân, Quân đội nhân dân, Tạp chí... Tổng cộng bốn mươi một địa chỉ. Vì bản thảo gốc của Bắc được gửi cho một tờ báo dưới tỉnh.

Bây giờ Bắc và cả lớp 7A9 cũng đang mong Bắc trúng giải. Chỉ có Tân là không biết gì. Nó vẫn đang học sửa xe đạp ở tiệm chú Bảy với giấc mơ trở thành một ông chủ...

CHÉN TÌNH

Đào được sáu mét đất đá mới tới đất sét. Từ đáy giếng, Tì bỗng hét lên: "Cho tao lên, Sáng...", "Có ngay, có ngay. Gõm làm như bắt được vàng không bằng. Nào... Bám chặt vào...". Sáng nói và gồng người quay tay tời. Tì đã bám vào sợi thừng, bò ra khỏi miệng giếng. Mặt anh đỏ bừng bừng, tỏ vẻ xúc động. "Cái gì lẩn vào cặp quần kia?". Sáng cười hênh hếch chỉ vào quần Tì. "Cái chén...". "Xem nào. Không khéo là vàng thì bỏ mẹ", Sáng nói và sấn tới định lấy cái chén. Tì đã gỡ cái chén từ cặp quần ra: "Vàng đây". Sáng chớp lấy giơ lên xem. Anh ta lấy một mảnh sành lượm gần đó, cạo cạo lớp đất đỏ và đất gỉ. "Xi, đồng ông anh ạ". Nói xong, ném cái chén lại cho Tì, bảo: "Cũng còn may chán. Nó là một cái chén". Rồi khuyên: "Nó nằm dưới đất là của người xưa. Dùng đựng nước đặt trên bàn thờ là hợp nhất."

Buổi chiều, hai anh em họ lại nhặt được một cái chén nữa. Có điều là nó rất sạch sẽ và hình như được ai ném xuống vào giữa trưa, lúc hai anh chàng thổ mộc nằm lăn quay ngủ ngoài vườn...

Đến tối hôm đào xong giếng, hai anh em rủ nhau ra quán thịt chó mừng Tì có giếng nước trong. Sáng nói với anh họ nên rửa hai cái chén sạch sẽ, rồi múc nước giếng trong dâng lên bàn thờ hai bác. Còn hôm nào có rượu ngon, mỗi người một chén, chạm nhau long cong, chắc thích lắm...

Chuyện chỉ có vậy mà mà tai vách vạch rừng, hôm sau Tì đi đâu người ta cũng xúm lại hỏi anh đào được nhiều vàng lắm không? Đến cả mấy anh ủy ban xã cũng đến hỏi hư thực. Tì đưa hai cái chén, họ cười khẩy, bỏ về. Anh chủ tịch ra tới ngõ, dừng lại nói khẽ: "Nếu chú đào được vàng thật, nên góp quỹ cho xã. Tôi không báo lên trên về thu đâu...". Thấy Tì cười cười, anh dặn: "Nhớ nhé! Nghĩ cho kĩ rồi gặp riêng tôi cũng được..."

Anh chủ tịch về rồi, Tì định đến nhà Sáng rủ em họ mai sang chợ Mền đào giếng cho một người hẹn từ tháng trước. Bước được vài

trăm bước đã tới ngõ nhà Sấn. Tì chưa kịp hắng giọng báo cho người yêu biết thì đã nghe tiếng "e hèm" vọng ra từ sau cánh cổng. Anh dừng lại, định lên tiếng chào. Ông Khoai e hèm lần nữa, nói: "Cậu đứng lại hắng, tôi hỏi". Nghe ông Khoai nói, Tì Toát mồ hôi hột. Chắc ông lại cấm cửa anh đây. Rồi ông sẽ lại khuyên: "Đàn ông cánh ta như cái nơm ấy. Úp con cá này không được thì đi úp chỗ khác. Cớ gì cậu cứ nhè ao nhà lão... Ao này đã có anh Thơm nhà Tho trông coi...". Đã nhiều lần như vậy, Tì bỏ lửng Sấn. Gặp anh, Sấn thanh minh: "Bố em có lấy anh Thơm thì lấy. Em thì chẳng có thơm tho nào cả. Em không hám sáu gian nhà ngói và cái cửa hàng..."

Ông Khoai nhìn Tì từ đầu đến chân rồi cười nhạt: "Cậu cũng khéo giả dạng nhà giàu húp tương nhĩ. Tôi hỏi thật... Thôi vào đây đã...". Ông nhìn trước nhìn sau xem có ai trông thấy hai người không, rồi cầm tay Tì kéo qua cổng. Lúc ngang qua bếp, Tì nhanh mắt thấy Sấn che miệng cười.

Tì mừng quá, tưởng mình mơ. "Ấy là tôi thử lòng kiên trì của cậu. Biết cậu thật lòng với con Sấn, tôi rất mừng vì nhà này có phúc. Thôi thì...". Ông dặn: "Sắm một cái lễ nho nhỏ... Chủ yếu là lòng tôn kính tổ tiên là được. Chớ bày vẽ linh đình mà mang tiếng..."

Mấy người bạn gái của Sấn phải đến đội giúp mâm lễ ăn hỏi. Trên chiếc mâm đồng phủ vải đỏ có đủ thuốc lá, trà, mứt sen, một mâm rượu và hai cái chén đồng đã được đánh lại khá kĩ lưỡng.

Ông Từ buôn bán đồ cổ ở Sài Gòn về quê chơi đúng vào dịp anh trai gả con gái cho một cậu trai làng. Lúc tám khăn điều phủ mâm lễ vật được mở ra, ông Từ tái cả mặt vì ngạc nhiên. Ông kéo ông Khoai vào buồng thì thầm...

Ngay tối hôm ấy, hai anh em ông đến nhà Tì. Mới đến gốc đa ngoài đầu làng có con đường rẽ vào nhà cậu rể quý, họ bất chợt nghe thấy tiếng cười khúc khích. Thằng Tì và con Sấn. Hôm ấy không có trăng, trời khá tối nên hai ông già khó mà trông thấy đôi trai gái ngồi ở chỗ nào. Ông Từ bấm nhẹ vào tay ông Khoai. Hai anh em lắng nghe. Rõ mồn một tiếng Sấn: "Anh biết hai cái chén ấy ở đâu không?". "Anh đào được ở đất vườn nhà anh chứ ở đâu?". "Xì, ngốc ời là ngốc...". "Thế thì ở đâu?". "Em ném xuống đấy! Em nhặt được chúng ở nương sắn gần đền vua Đinh... Em cầu mong thần phật phù hộ chúng mình! Ai ngờ linh thế..."

ĐẬU XANH ĐẬU ĐỎ

Xa anh chị, chỉ nghe những tin băng quơ, tôi buồn đến nấu ruột.... Mỗi lần nhận của ai đó cho mình, từ một kí đường hay một quyển sách... anh lấy một hạt đậu xanh bỏ vô hũ. Vợ anh bảo: "Ông định đong đếm lòng người đời ư?". Anh nhăn mặt, gật đầu.

Gian nhà kho bên trái khu bếp của tòa biệt thự xếp các bao đậu xanh đã đầy ứ.

Ở gian kho bên phải, số bao chất lên cũng đã phân nửa. Không phải đậu xanh. Chỉ người vợ biết đó là những bao đậu đỏ. Những hạt đậu đỏ đo lòng anh với người đời...

Trên người anh có khá nhiều vết cứa. Giống hệt như vết xước khi lao qua hàng rào thép gai. Những vết cứa mảnh gọn, sắc lẹm của dao lam. Có lần, vợ anh hỏi về những vết cứa ấy, anh cười nhạt, bảo đấy là những nỗi đau đời.

Bỗng một hôm, nhà chức trách đến khám nhà anh. Một kẻ nặc danh nào đó đã sừng suất anh. Hình như anh có tội?...

Ban đầu, người ta nghi anh là kẻ buôn đậu xanh, đậu đỏ lậu thuế. Có điều lạ là các bao đậu trong hai gian kho đều nhẹ tênh. Vỏ đậu còn nguyên. Chỉ có ruột đậu là ruỗng tuếch. Thi thoảng, trong một vài hạt có những chú mọt béo núc.

Người ta bèn đi tìm chứng cứ trong những kệ sách kê sát tường. Đông, tây, kim, cổ... đủ cả; chỉ thiếu không có cái người ta cần tìm.

Những người điều tra nháy mắt cho nhau và liền khám phòng vợ anh. Họ tùm tùm cười khi vớ được một tập hình đen trắng. Hình đã mờ, ố vàng. Tuy nhiên, người ta vẫn nhận ra chị, còn người đàn ông đang ôm lấy chị thì họ đoán già đoán non là các thủ trưởng của anh...

Sau hôm ấy, anh được thăng cấp. Bốn cậu con trai của anh chị cũng lần lượt được cử đi du học ở nước ngoài.

Thế mà, bỗng dưng anh uống cả trăm viên thuốc ngủ với rượu mạnh... Rượu và thuốc xé ruột gan anh; anh xé hết quần áo, chết trần truồng như nhộng trên giường.

Lúc mặc quần áo cho anh, bỗng vợ anh nhìn chăm chăm háng anh, khóc rú lên rồi ngất lịm. Bốn đứa con anh nhìn qua nước mắt, thấy rõ ràng bốn vết sẹo cắt ngang hằn trên món nợ đời của anh.

Anh để lại một bản chúc thư, đại ý: số đậu xanh đậu đỏ dành cho đồng bào đi kinh tế mới làm giống ; số sách vở tặng thư viện một trường tiểu học...

Nghe tin, lòng xót xa, tôi đến viếng anh.

Tìm nửa ngày trời, tôi tới được nhà anh ở Gò Vấp.

Không có biệt thự. Chỉ có một mái tranh, lọt thỏm giữa một khu vườn... Tôi đã bắt đầu nghi ngờ những lời đồn đại kể trên.

Khi tôi hỏi, một cô gái đang tĩa đậu xanh đậu đỏ lễ phép mở cổng, đưa tôi vào nhà. Chị đang lúi húi nấu ăn trong bếp, nghe tên tôi vội chạy ra, cười như mếu...

Vừa rót nước, chị vừa khoe chuyện thằng Út mới ở Trường Sa về, anh chị mới cưới vợ cho nó: "Đấy, con bé vừa rồi là vợ thằng Út đó, cậu Cử ! Nó là con gái cậu Tư..."

Thấy tôi lặng đi, chị bảo: "Ba con ông cũng sắp về. Giá cậu đến sớm, cùng ông đến thăm cậu Tư bệnh...". Chị nói và rút khăn chấm chấm nước mắt: "Chắc cậu còn nhớ Tư sư trưởng sư Mười..."

Đúng lúc ấy anh về, tay xách một bịch tròn tròn.

Nhận ra tôi, anh lao đến, ghì chặt, lắc lắc vai: "Cử! Thằng Cử... Mày ở đâu rơi xuống nè? Trời ơi, thế mà tao cứ tưởng..."

Mắt anh nhắm nghiền, cái bịch tuột khỏi tay, rơi xuống đất. Đậu xanh đậu đỏ tung toé trên nền nhà. Anh mếu máo: "Mang đến cho thằng Tư. Khổ nỗi, nó không còn ăn được nữa..."

Tôi đỡ người bạn già ngồi xuống bộ ván ngựa và bất chợt gặp ba cặp mắt đờm buồn nhìn xoáy vào lòng. Ba cặp mắt của ba người trai trẻ trên bàn thờ, trong các tấm bằng Tổ quốc ghi công...

Anh bỗng bảo: "Chút nữa, tui mình sẽ đi thăm chúng nó. Tiện có thằng Út nữa. Nó muốn đến chào các anh nó trước khi ra đảo..."

"Ông và cậu ăn chút gì cho ấm bụng đã, rồi hãy đi, nhé!", chị nói và bưng lên một nồi chè, múc đủ cả tám tô.

Anh xếp lên bàn thờ ba tô.

Hương đậu vương, trong thanh như hương đất...

NGƯỜI LÀNG HOA

Từ ngày bà giáo mất, ông Chữ hay nhắc Sen: "Hai chị yên bề gia thất rồi. Bố chỉ còn lo cho con...". Sen nũng nịu: "Thì bố cứ để con kén...". "Bố nhà cô! Kén, rồi cả đời hầu bố à!". Cả hai bố con đều biết rõ, ở cái làng hoa này chưa có người con gái nào lấy chồng muộn hơn Sen... Ông Chữ suốt ngày lúi húi ngoài vườn với đám cây cảnh. Ông cắt cành, tỉa lá, uốn dáng cho những cây kim ngân; nhỏ chỗ này cây xuống chỗ kia những cây hồng, cây mào gà... Chiều, ông ra bến sông câu cá giải khuây...

Cô giáo Sen hay rủ bạn về chơi. Hầu hết là các bạn trai. Anh nhà thơ có hai bài thơ về hoa sen trên báo Đảng. Anh ngoại thương đã đi Nam về Bắc nhiều lần, thành thạo việc mua lúa gạo, khoai sắn... Và anh giáo dạy toán giỏi nổi tiếng trường xã, đã từng có một học sinh suýt nữa được tuyển vào học ở trường chuyên toán huyện.

Có một người hàng xóm, cô Sen chẳng muốn anh ta đến nhà, là anh cu Mích. Lũ trẻ con gọi là Mích Mười Tám. Tên nghe như tàu bay. Thực ra cái tên gợi mơ ước thầm kín của cha mẹ mong anh khi lớn, Mích lái máy bay chiến đấu, tung hoành trên bầu trời gìn giữ đất làng hoa... Khổ nỗi, khi Mích lớn lại đã hoà bình. Người ta chỉ tuyển những người học hết cấp ba mà Mích mới học đến lớp mười một. Anh đi bộ đội ba năm và trở về làng hoa với quân hàm trung sĩ. Trung sĩ Mích nổi tiếng uốn cây si.

Không biết anh ta học ở đâu cách trồng tỉa, cách hãm cây cảnh, đâm rễ, uốn thế... mà vườn cảnh của nhà anh toàn một loại si. Cây si Mầu Tử và cây si Đất Nước, tết năm ngoái Mích bán được một triệu. Đúng là hai chỉ vàng. Cũng nhờ cái khéo léo của bàn tay vàng biết chăm lo vun tía cây mà thôi.

Ông Chữ đã từng đứng lặng hàng giờ trước vườn cảnh của đứa học trò dốt năm xưa. Bây giờ, Mích đáng được gọi là bậc thầy về si cảnh... Cũng là trời ban cho cái mà các ông thầy trường làng không có

để mà cho trò. Ông ngỏ ý Mích truyền nghề. Mích cười hề hề, thưa: "Có gì đâu mà giầu, thầy. Dễ như mở bàn tay ấy thầy ạ. Chỉ việc làm thế này... thế này...". Cứ như thế này, thế này mà Mích nói hết cả buổi sáng; anh hẹn thầy chiều ăn cơm xong sẽ nói tiếp. Tối lại hẹn mai... Nghĩa là có thể viết ra một cuốn sách.

Mấy ngày liền, thấy ông Chữ có vẻ sốt ruột, Mích sực nhớ và bảo: "Khổ quá. Con nói cứ lằng nhằng như rau muống luộc. Chi bằng...". Ở nhỉ, ương một vườn si cảnh bên nhà thầy, ngày ngày trò đến hướng dẫn... Tiện quá! Tiện quá ! Đỡ mang tiếng trò dạy khôn thầy...

Thế là nhà ông giáo Chữ có một vườn si. Anh nhà thơ bảo thế và ứng khẩu đọc một bài thơ rối hơn cả rễ si đang loà xòa, đâm chéo vào nhau. Anh ngoại thương dịch bài thơ ra tiếng anh tiếng em gì đấy, xì xô đọc; tiếng gì mà lăm âm "sân" ở cuối, nghe sân sùi như gốc si mốc. Anh dạy toán ước tính tác phẩm có 2000 từ, vị chi mỗi từ một hào, bài thơ cũng đáng hai chục ngàn. O, tính thế là thế nào nhỉ? Àà, giống như rễ si mốc vào cây đa đầu làng... Cô Sen được một bữa đỏ chín cả mặt...

Đến lúc uốn thế, ông Chữ yêu cầu Mích làm cây si Ông Cháu. Ông Chữ làm mẫu ông, cháu thì đã có một đứa học trò gần nhà cô Sen giúp. Mỗi buổi chiều, ông cháu bên nhau cho Mích ngắm và sửa cây. Cầu kỳ và nhọc công quá.

Lúc ông Chữ đã nản, tác phẩm vẫn chưa xong thì Tết đã đến. Làng hoa tràn ngập khách buôn. Người ta đòi mua cây si Ông Cháu. Mích nói với ông giáo chớ có bán.

Giáp Tết, hôm ông Táo về giời, ông giáo sang nhà Mích ăn cỗ. Sen ở nhà trông nhà. Khách vào nườm nượp. Cô sốt cả ruột. Rồi cô buột miệng bảo một ông to béo đi ô tô, đỗ xe ở ngõ, cứ ngẩn ra hàng giờ trước cây si: "Một triệu... Cháu không bớt một xu. Chịu thì bác mang đi". Ông ta chỉ chờ có thế, sai người đưa tiền mang cây ra xe.

Đếm lại tiền, Sen thấy dư ra mười ngàn... Và chỉ đến lúc nghe Mích oà khóc khi biết cô đã bán cây Ông Cháu, Sen mới biết mình hớ...

Cô an ủi mãi, Mích vẫn hự hự trong ngực, nhìn trách móc. "Thôi thì ra Tết, em sẽ làm mẫu để anh làm cây Thiếu Nữ...". Mích đỏ mặt, bỏ về.

Tết, anh lánh mặt cô. Anh đến thăm ông giáo vào lúc cô đi vắng. Cô nhần mấy lần, Mích mới sang. Trông lạnh lùng thấy ghét ! Anh lặng lẽ uốn tĩa cây, thi thoảng mới liếc nhìn cô đang chải tóc... Tối, anh chào cô rồi về. Dừng dừng. Xa lạ... "Chắc anh ta giận. Thôi thì mình cố làm mẫu để bù nỗi ngu ngơ... Cho bố già khỏi buồn". Nghĩ thế nên Sen kiên trì ngồi làm mẫu. Đôi khi cô cười như xin lỗi...

Sen như quên cả chuyện anh ngoại thương đã vào Sài Gòn; anh nhà thơ đã đi làm báo xa; và anh giáo dạy toán đã chuyển lên trường huyện. Quên cũng phải. Vì họ có nhớ cô đâu. Đến một cái thư cũng không có...

Một hôm, cô gọi được chuyện Mích. Anh thủ thủ nói: "Trồng cây si đẹp giống như làm thơ. Để cho nó đẹp phải tính như toán. Dĩ nhiên vẻ đẹp sẽ tạo ra tiền như... để xuất khẩu ấy...". "Ôi anh Mích... Thế ra anh bằng cả ba người cộng lại...". Mích ngừng tay uốn, bứt một lá si. "Không, tôi không phải là ba người. Tôi chỉ là một người có đôi mắt lá si... Tôi là người trồng si...".

Sen tỉnh ngịch: "Hình như em nghe anh Mích nói ngọng..."

Mích không giận. Anh đã nhìn vào mắt Sen. Và, trả lời khiến cô giáo phải sững sốt:

- Tôi nói tôi là người trồng si cảnh. Và em biết đấy, anh đến đây và muốn ở lại làm một người chồng si thật sự. Em thấy thế nào?

Sững sốt là nói xong, Mích vụt chạy... Anh chạy ra bến sông nơi ông giáo Chử đang câu cá để thưa chuyện.

Cuối năm ấy, trời rét ngọt. Đám cưới được tổ chức. Tiệc bày trong vườn si cảnh. Người ta không thấy cây si Thiếu Nữ đẹp như thế nào; vì vườn si này là vườn cảnh của nhà anh Mích. Đám cưới chỉ vắng anh bạn làm thơ. Tiếc thay! Nếu không, chắc hẳn chúng ta sẽ được đọc thêm một bài thơ ở cuối truyện này.

DI CHÚC

Thế là sự đã rồi ! Không thể cưỡng nổi giấy trắng mực đen nữa Cô, dì, chú, bác của thằng Bờm, chẳng ai được hưởng nhiều như vậy từ ông nội.

Di chúc ghi rõ:

"... Nguyễn Văn Bờm được thừa hưởng ba bài văn lớp đệ nhất, lớp đệ nhị, lớp đệ tam của ông nội trong các năm 1930, 1931, 1932. Ngoài ra, Nguyễn Văn Bờm còn được thừa kế tòa biệt thự nằm trên diện tích đất 180 mét-ca-rê, lô 2, thửa sáu, tọa lạc tại số 9, đường Pôn-be cũ, nay gọi là đường... quận..., Thành phố Hồ Chí Minh...

Ba bài văn được giao thẳng cho Bờm.

Riêng tòa biệt thự, ba Bờm được ủy quyền giữ gìn.

Chẳng ai hiểu tại sao ông nội lại làm như vậy !

Có lẽ phải nhờ ông giáo cắt nghĩa giúp.

Tôi là thầy giáo của Bờm, được cả nhà kính trọng. Dĩ nhiên tôi được hỏi ý kiến.

Về tòa biệt thự, quả thật tôi cũng không biết nói thế nào. Âu cũng là thói thường ở đời: cha truyền con nối?

Chỉ có ba bài văn, lạy trời, nhờ từng là học trò, rồi lại làm nghề gõ đầu trẻ, tôi khám phá ra nhiều điều. Xin thứ lỗi "bệnh" tử mĩ nghề nghiệp để được ghi ra đây vài điểm chính:

- Đây là ba bài văn tả cảnh, "Hãy tả một ngôi biệt thự trên đường Pôn-be". Ba cái đều giống nhau từng chữ.

- Cả ba bài viết, trò chép giống nhau từng dấu chấm, dấu phẩy...

- Ở phần ghi nhận xét và cho điểm, bài viết năm 1930 ghi: "Giỏi-Mười", bài viết năm 1931 đề: "Trung bình - Bốn:", bài viết năm 1932 ghi: "Rất kém - Không". Nét chữ viết và chữ số mách bảo hậu thế rằng ông thầy này dạy học trò liên tục suốt ba năm tiểu học.

Tôi nói với cha con Bờm:

- Đây là một bài học.

Bờm tròn xoe mắt:

- Thưa con không hiểu...

Ba Bờm hắng giọng nói khẽ:

- Ông cụ dạy rằng...e hèm... ông cụ có ý nói rằng...

Tôi khéo léo tiếp lời:

- Lúc người ta nhỏ, làm được việc nhỏ là tốt. Khi đã lớn, vẫn làm việc nhỏ ấy là kém, là thụt lùi.

- Có lí! Có lí!... Có lí lắm! Ba Bờm vỗ vào vai con, nước nở khen thầy.

Bờm khép nép:

- Thưa thầy còn toà biệt thự?

- À, cái này... cái này... thầy... Tôi lúng túng và trở nên ấp úng.

Bỗng nó reo lên:

- A ! Con biết rồi...

Ba Bờm nhìn con tỏ vẻ nghi ngờ:

- E hèm! Cái gì ! Con biết cái gì nào?

- Nó là ước mơ - Mắt Bờm sáng bừng lên - ước mơ của ông nội con...

Tôi xoa đầu Bờm, khen "Hay quá!".

Ý tưởng của Bờm khiến lời giải của tôi trở nên rành mạch.

Đúng rồi! Ông giáo đã gợi cho nội nhiều ước mơ về toà biệt thự.. Thành ra, nội đã tưởng tượng được ra nó. Ước mơ trong tâm tưởng hằn sâu đến mức mỗi khi viết hay nói về toà biệt thự, nội đều viết y hệt nhau chẳng?

... Chúng tôi đến thăm toà biệt thự.

Cả ba ngỡ ngàng khi thấy các chi tiết trong toà biệt thự, cách bố trí vườn cảnh hầu hết đã được mô tả trong bài văn. Đáng dáp toà biệt thự vừa già nua, cổ kính vừa trẻ thơ và hiện đại.

Ba Bờm đột ngột bảo:

- Điều quan trọng nhất là ông nội đã làm cho ước mơ trở thành sự thật phải không con?

Bờm " Dạ ! Dạ !". Bàn tay nóng ấm của em nắm chặt lấy tay tôi.

Em ngược nhìn lên bầu trời xanh.

Trời vẫn xanh như ngày xưa.

DAO SẮC

Về thăm trường nơi sơ tán cũ, tôi đưa thầy đến nghĩa trang liệt sĩ, viếng một người bạn cùng lớp đã hi sinh trong chiến tranh. Vào lúc tàn nhang đã uốn cong hình những ngọn tre, thầy bảo tôi mở nút chai rượu cúng. Chén rượu mắt trâu thứ nhất được rưới xuống mộ. Chén thứ hai, thứ ba, thầy trò ngửa mặt lên trời, cạn một lần... Chai rượu nếp quê nồng nàn đủ sức khiến người ở hai côi âm dương say nghiêng ngả. Thầy rủ rủ nói chuyện với đất nâu và cỏ xanh. Còn tôi, tôi gân cổ hát một khúc quân hành lạc điệu...

Mấy đứa trẻ chăn trâu thấy lạ, xúm đến xem, xì xào bàn tán. Mắt chúng ánh lên vẻ lo ngại. Tôi bỗng giật thót người, chợt thấy một bé gái nhìn chăm chú vào cái cặp da thầy tôi để lẫn lóc bên phần mộ. Trong cặp có rất nhiều bản thảo...

Hai thầy trò bước thấp bước cao trên con đường bậc thang, mấp mô những vết chân trâu dẫn vào làng. Tre hai bên đường ken thành lũy, bóng tỏa xanh cả những vũng nước đọng từ cơn mưa cuối hạ đêm qua. Hụt chân, tôi ngã nhào vào một bụi tre. Loạng choạng ngồi xuống, gỡ mấy cành gai còn níu lấy áo tôi, thầy đưa tay lần khắp người trò xem có chỗ nào bị chảy máu không. Rồi, lò cò đứng dậy, với tay rút mấy búp tre non, thầy bảo tôi nhai và nuốt nước đi...

Khi tôi vịn vào một thân tre đứng dậy, thầy lại cúi xuống, lúi húi vuốt vuốt một thân măng bị gãy. Vẻ trầm ngâm lộ rõ trong những tiếng thì thầm mỗi lúc một thấp dần xuống: "Tre già, măng mọc...".

Về thành phố, hai thầy trò dồn sức hoàn thành mấy bộ sách viết chung. Công việc lút đầu, tôi mệt muốn đứt hơi. Thế mà thầy vẫn tỏ vẻ an nhàn, miệng luôn nở những nụ cười tủm tỉm. Tôi hỏi bí quyết, thầy lắng chuyện, hỏi: "Con có nhớ mấy đứa trẻ chăn trâu hồi ta về thăm trường cũ không?".

Sách viết xong, chưa kịp xếp bút, thầy tôi mắc trọng bệnh. Hàm cứng lại; răng như dính chặt vào nhau. Không nói được, muốn dặn tôi điều gì, thầy đều phải ghi ra giấy.

Cách đây hai tháng, lúc thầy ngủ, tôi thấy lẫn trong số bút đàm một tờ giấy chi chít chữ. Xem qua, tôi biết đó là một truyện ngắn. Truyện kể: Thầy gặp trò cũ ở chốn bên kia, uống rượu say túy lúy, ngã vào một bụi tre. Thân tre khắc kín các con chữ lấy ra từ những cuốn sách thầy và tôi đã viết. Một đám trẻ trâu ê a đánh vần từng chữ. Thầy đã định nhắc nhở khi nghe chúng đọc sai nhiều chỗ. Nhưng xem kĩ lại, chữ nâu trên tre xanh rõ rành rành, thầy tái mặt, toát mồ hôi. Kêu gào khản cổ, nhìn lên dương thế, thầy muốn chết thêm một lần nữa khi thấy tôi đang hăm hở viết một cuốn sách mới...

Vì một lý do đặc biệt, Ban biên tập tờ báo chiều theo ý tôi, đăng nguyên vẹn truyện, không sửa một chữ. Tờ báo, được chuyển qua người bác sĩ điều trị, đến tay thầy.

Khi đọc xong truyện, mắt như lạc hết tinh lực, miệng thầy bật "á" lên một tiếng, máu tươi rỉ ra khoé mép.... Khó u làm cứng hàm đã vỡ, mặt thầy tôi đang tái nhợt cứ hồng dần lên...

BÔNG GẠO

Nết mang tích nước chè nóng, ủ trong cái dành tre cật sơn cạy đen nháy, bên trong dòn bông cây hoa gạo. Vũ biết đó là bông lấy từ cây hoa gạo đầu làng, vì thứ bông lộ qua lớp vải hoa tím sẫm có chỗ đã thủng, trắng đến lạ lùng. Nhìn bàn tay cầm quai tích bằng đồng của Nết, Vũ quay mặt ra phía cửa. Anh bất giác nhìn thấy những bông hoa đỏ chói in trên nền trời quê đang sáng rõ lên trước lúc hoàng hôn buông xuống. Nết đã xuống bếp. Lửa rạ khiến má cô hồng lên.

- Thôi, anh về. Thầy cho anh về - Ông đồ nhắc.

Vũ biết là ông đồ khôn khéo. Anh tủi thân, đứng dậy, áp úng chào ông đồ rồi hấp tấp đi ra cửa. Qua sân, Vũ muốn nhìn Nết đang bặm môi thổi lửa nhưng không dám. Không biết có đúng là Nết đang thổi lửa hay không (anh có dám nhìn đâu mà biết rõ)... Ấy là anh đoán thế. Đoán thế vì anh nghe vẳng bên tai những tiếng phù, phù, phù...

Vũ chả dám quay lại. Anh biết ông đồ đang nhìn theo anh, dõi từng bước chân, ngắm tướng đi... lóng nga lóng ngóng.

Ra khỏi ngõ nhà ông đồ, bỗng có tiếng người gọi: "Anh giáo". Vũ nhìn quanh quẩn và chợt nhớ đây là ngõ của bà cụ Tâm. Bà cụ có mấy người con đi bộ đội hi sinh ở Cao Lạng. Hình như hồi năm 50. Đến cuối năm 54 mới có giấy báo các con hi sinh, cụ cứ bảo là các con hi sinh ở Điện Biên Điện Biếc gì gì đấy... Nết vẫn sang trông nom giúp đỡ việc vặt lúc cô dâu út của cụ đi vắng. "Khổ, còn có thằng con út thì nó lại đi công nhân gang thép, ở mãi tỉnh Thái". Cụ thở dài thườn thượt bảo Nết thế.

- Anh giáo vào đây chơi đã - Cụ Tâm mời.

Vũ đẩy cái cổng bằng rào tre sang một bên, bước vào sân. Bà cụ lấy bầy bưng rá khoai lên hiên nhà, nơi có kê cái chõng nan tre.

Đã tháng ba, chiều nay gió lạnh ở đâu ùn ùn thổi về. Sao mà lạnh giá. Nhìn bà cụ run vì lạnh, Vũ chạnh lòng bảo:

- Thôi u để con mang khoai vào nấu mà ngồi. Ngoài này gió lạnh. Rét tháng ba... Vũ giật mình dừng lại, ân hận vì lỡ lời.

Bà cụ chép miệng "phải, phải" rồi lui cui đi dò dẫm từng bước vào nhà. Bà như đi cả chân và tay. Cái lưng còng như dáng một con tôm. Trời ơi, sao lại giống cái bài "Bà còng đi chợ..." thế! Vũ vừa dạy lũ trẻ trong xóm. Mà kìa, đứa bé nào ở nhà sau đang ê a: "Bờ a ba huyền bà, cờ ong...". Và có tiếng rúc rích: "Thầy giáo Vũ. Thầy đến nhà cô Nết".

Vũ nhìn đồ đạc trong nhà. Giường tre, chiếu đã cũ. Chỉ có một tấm chăn đơn. Góc nhà có ba ông đầu rau. Đây là bếp sưởi đông của cụ Tâm.

Mùa ấy bông gạo được mùa. Quả héo khô, đen sẫm, bóc ra bông được cả nắm tay chặt, trắng muốt.

Vũ gom bông gạo được cả mấy kilô.

Anh mua vải màn, tự bặt bông, dãn bông, khâu mạng và trần thành một tấm chăn.

Bận với việc dạy học, làm tấm chăn, anh như thừa thớt hơn trong việc đến nhà Nết.

Rồi hết thu, vào đông. Gió năm nay to hơn, trời lạnh giá đến 8-9 độ. Bà cụ lại đốt lửa. Nhà lúc nào cũng như đang nấu cơm.

Vũ mang tấm chăn bông đến biểu cụ. Cụ Tâm nằng nặc không nhận. Nết phải chạy sang nói giúp Vũ mãi, cụ Tâm mới chép miệng, nói Vũ cũng cô đơn rét mướt, nhận sao đang tâm. Nết nhìn Vũ, cười...

Có tiếng ông đồ gọi Nết... Nết chạy ù về nhà. Rồi cô nháy Vũ, ra hiệu cho anh xin phép cụ, còn sang gặp ông đồ...

Nết lại mang tích nước chè tươi ra, rót mời bố và Vũ. Ông đồ lấy một chén trà, đưa cho Vũ, bảo khẽ

- Từ nay con cứ lại chơi... Rồi sang xuân ấm áp...

- Dạ, vâng ạ... Con biết bố thương con...

Nết tỏ ra bạo, đánh liều hỏi bố:

- Bố ơi, thế bao giờ thì mùa xuân...

- Bố nhà cô ! Lúc nào cô cậu lấy nhau thì là mùa xuân...

Bà cụ Tâm lộ khụ sang, hai tay bưng một rổ khoai luộc còn nghi ngút khói... Ông đồ nhìn bà tỏ vẻ ái ngại nhưng bỗng tùm tùm cười sung sướng. Vũ biết vì sao ông có nụ cười ấy.

BỨC TRANH

Bức tranh được vẽ bằng muội đèn dầu ma-dút. Bút vẽ là ngón tay trỏ. Người vẽ tranh ký bằng điểm chỉ. Ngonă tay cái của bàn tay phải hằn lên giấy những đường tròn đồng tâm tròn vành vạnh. Thú thật, tôi treo bức tranh này ở nhà đã lâu mà không hiểu rõ họa sĩ vẽ về cái gì... Toàn bộ mặt tranh đen kịt, loang lổ, đậm nhạt khác nhau. Những mảng màu kỳ quái ấy, có lúc tôi đã tưởng tượng ra những trái núi to nhỏ khác nhau. Lại có lúc nghĩ đó là rừng đêm, biển bão...

Phòng tranh của tôi là gian gác xép gỗ, hai đầu vách có hai cái cửa sổ chỉ to bằng quyển vở học trò, ở giữa có một dấu thập bằng sắt. Phòng luôn luôn mờ mờ, kể cả vào lúc giữa trưa nắng gay gắt.

Mấy hôm trước, nhà hàng xóm ở phía tây đập ra để xây một khách sạn mi-ni. Nhà kế bên kiện tụng gì đó, khiến công trình thế kỷ kia phải tạm hoãn lại chờ ý kiến của nhà nước. Buổi chiều, bước trên các bậc thang để lên gác, tôi thấy, một luồng sáng như ánh đèn pha, chiếu xiên vào vách phía đông.

Phòng tranh còn độc có một bức ấy. Trơ chọi ở góc phía tây.

Trước đây, khi bạn tôi còn sống, bốn bức vách đầy tranh. Nhiều nhất là tranh của Vân.

Xuất xứ của những bức tranh rất giống nhau. Bức thì tôi đổi sách, bức thì tôi bỏ tiền ra chuộc...

Bố tôi là một nhà văn. Ông để lại cho đời một gian sách và một nhà văn con. Đủ loại sách. Đông, tây, kim cổ. Sách đã in. Sách còn là di cảo. Cuốn của ông. cuốn của bạn bè ông giữ hộ. Tôi lên mười thì ông ra đi. Ba mươi bảy tuổi. Một số không trông rỗng... Mẹ tôi khóc hết nước mắt rồi dần lòng bảo: "Bố con phận bạc. Thôi thế là đành phận. Tiếng thơm vậy cũng là dư.. Con cố mà giữ lấy thanh khí bố. Sau này, mẹ có theo bố cũng nhắm mắt được".

Lớn lên, tôi kết giao với đám bạn bè mà mẹ tôi cho là hư hỏng. Kể cả Vân. Anh là một họa sĩ mềng. Chuyên đi trang trí đám cưới. Đôi khi vẽ một bức khỏa thân không có người mẫu. Anh nhìn tôi tấm để vẽ các thiếu nữ. Thành ra các bức vẽ con gái trông rất lạ. Đó là những cô gái đàn ông. Một loại tính cách? Những hình khối rơi vào khái niệm sáng tạo? Cộng thêm lối văn chương đồng bóng của tôi khi giới thiệu tranh Vân, anh thành một họa sĩ một có tên tuổi. Bốc lên, Văn vẽ lung tung. Vẽ cây. Vẽ chim cò. Ruộng lúa. Con gái Thái... Có khối người đến gạ mua tranh. Và vậy là Văn có tiền. Tôi thì được anh cho hưởng sái, đi đâu cũng cho gọi...

Anh nông nghênh vẽ những bức tranh biểu tượng. Hiểu thế này hay thế kia đều được. Rất khó nắm bắt. Lời tán tụng của tôi không còn hiệu nghiệm nữa...

Rốt cuộc thì tôi đi dạy học. Thi thoảng viết một cái truyện nhè nhàng, kí những bút danh mà chính tôi cũng không nhớ.

Vân bỏ tôi lên Tây Bắc, vào Quảng Bình, Quảng Trị... Rồi anh trở về. Vẽ. Ngồi quán cà phê, ăn phở. Ghi sổ... Tôi biết anh thường trả nợ bằng tranh. Được mấy ông chủ này mê văn nghệ, chỉ cười hề hề.

Có một thời phong trào tái bản các sách cũ của các nhà văn quá cố nổi lên khá rầm rộ. Văn chỉ một ông chủ quán cà phê làm môi giới đến điều đình mua kho sách nhà tôi. Tôi cười, nói đùa: "Tôi không bán sách. Nếu ông chịu đổi thì tôi đồng ý". Người kia cười nhạt khi nghe tôi nói đổi một cuốn sách lấy mười cái tranh của Văn. Ông ta cho là tôi gàn. Vì vậy, sau khi đổi được chừng hai mươi cuốn sách, ông ta tuyên bố chẳng còn tranh nào của Văn nữa... Hào hiệp hơn, ông ta gọi biếu tôi ba trăm ngàn đồng. Một món tiền tôi và Văn nằm mơ cũng không thấy. Hai đứa được cả tháng hè ăn chơi, nằm tán gẫu về tranh. Tiền ấy cũng góp phần mua được cái khung kính rẻ tiền, để tôi và Văn lồng tranh vào, treo kín bốn vách gỗ ván.

Sau lần ấy, Văn ốm nằm liệt giường. Anh đã vẽ bức tranh kỳ lạ ấy trong một đêm không ngủ được. Tôi đã giấu hết giấy má, bút mực... Thế mà có lần vẫn bắt gặp anh hí hục viết...

Tôi dạy tiếng Việt ở một trường đại học. Có rất nhiều học sinh nước ngoài đã được tôi thụ giáo. Các cô các cậu ấy hay đến chơi với tôi

lắm. Cũng dễ hiểu. Tôi không lập gia đình. Rất là tự do. Nhiều người đã được tôi tặng tranh của Vân. Về nước, họ gởi cho tôi thứ này, thứ nọ. Tôi đã bán những thứ đồ ấy để chu cấp cho Vân.

Một lần, tôi đến thăm anh, Vân đưa cho tôi một tập bản thảo. Về nhà giở ra xem, tôi giật thót người. Đây mới đúng là Vân, con người mà lúc ấy tôi mới cắt nghĩa được vì sao cả cuộc đời tôi gấn bó, cưu mang như vậy. Tôi không hiểu cái gì khiến văn của anh hao hao giọng văn của bố tôi. Nếu được phép nói ra sự thật, tôi phải vái vong linh bố, rồi nói rằng ở đời đã có một người vượt được bố tôi. Nó sắc sảo và giản dị. Đọc thấy tung tức nhưng lại thấy thính thích... Tôi thề sẽ in bằng được tập bản thảo này. Thôi thì tôi còn vớt vát được chút ít cái gọi là lòng hiếu thảo. Văn nghiệp tôi mỏng như tờ giấy, sao đáp được lòng mong mỏi của mẹ tôi nơi chín suối. May mà tôi còn có bạn! Mạch văn mà bố tôi đã vạch, vẫn còn một dòng chảy...

Vân qua đời mà không biết ở Ba Lan, Nhật Bản, Nga, Triều Tiên... có nhiều tờ báo cùng rộ lên một lúc ca ngợi anh như một họa sĩ có phong cách tài hoa ở Việt Nam.

Người ta đổ xô đi tìm mua tranh của anh.

Hôm qua, một học trò cũ của tôi từ Nhật qua. Bây giờ anh là một thương gia kiêm một nhà sưu tập tranh nổi tiếng. Đến thăm tôi, anh ngỏ ý được xem lại phòng tranh. Tôi nói chỉ còn một bức. Khách nằn nì mãi... Tôi đành chiều lòng.

Buổi chiều, nắng xiên khoai chiếu thành luồng vào vách gỗ phía đông. Gặp vật chắn, ánh sáng hắt ngược trở lại, chiếu hắt vào bức tranh.

Khách sững sờ, đứng lặng; rồi từ từ cúi đầu xuống...

Lần đầu tiên tôi hiểu bức tranh. Dưới ánh sáng vừa phải, các mảng đen loang lổ, đậm nhạt hiện rõ một khuôn mặt. Nhìn chính diện là mặt bố tôi. Nhìn nghiêng sang bên trái là mặt tôi. Nghiêng sang bên phải là khuôn mặt Vân...

Người học trò cũ nói rằng bức tranh mà tôi đã vô tư tặng anh trước đây là một tác phẩm vô giá. Nhờ nó mà anh có được một cơ nghiệp như hôm nay. Lần này, vì lòng biết ơn ấy, anh sẽ ngã giá sòng

phải với tôi. Giá bức tranh là một khoản tiền khổng lồ; tôi có thể dùng để in hàng trăm tập sách như Vân đã để lại...

Vân ơi, có nên bán bức tranh cuối cùng này không? Bởi giữ nó, cuốn sách của anh sẽ vĩnh viễn nằm trong tủ của tôi !

Tôi đã hỏi như vậy. Những đám râu màu muối đèn lốm đốm trên mặt Vân đã im lặng, không trả lời...

THẰNG NGƯỜI TRỜI

Năm 1977, trong một trận huyết chiến với bọn Phun-rô, tôi bị lạc khỏi đội hình đơn vị. Quân địch khệp chặt vòng vây nhưng không nổ súng. Chạy theo con đường mòn độc đạo giữa rừng rậm, tôi bị chúng dồn đến đầu nguồn Đạ Đơn. Trước mặt, thác Koi như đổ từ trời xuống, bọt sôi sùng sục. Dềnh trên mặt sóng, một đám thiếu nữ K'Ho vừa té nước lên mặt nhau vừa cười ngặt nghẽo. Sau lưng, tiếng chân người sột soạt trên lá khô mỗi lúc một gần. Rồi, "soạt, soạt"! Một đôi nhím hốt hoảng vụt ra từ một lùm cây. Theo thói quen, tôi lặn xuống chân thác, ngã xoài vào trắng xóa bụi nước, trắng xóa những thân thể con gái. Một con nước xiết chồm tới, cuốn tôi chìm ngấm. Nổi bênh lên như một khúc gỗ khô, tôi cố nhoài người bơi ra khỏi vực. Xoáy nước cứ hút tôi vào rồi lại đẩy ra...

Đám thiếu nữ kêu lên những tiếng kinh hãi, chạy té lên bờ, mặc váy áo. Các cô chỉ trỏ, bàn tán, rồi rồi rít cật nổi dây rừng, quăng xuống vực xoáy...

Lên bờ, tôi rũ xuống. Phần do kiệt sức, phần do tiếc khẩu AK còn một viên đạn bị vực xoáy nuốt chửng. Các cô gái K'Ho vây lấy tôi. Một người nói: "KaYung, hỏi xem nó có phải là người Trời cho chị em ta không?" KaYung quay sang bảo bạn: "KaLiêng ơi ! Áo nó xanh như lá cây rừng, mắt nó sáng như mắt chim ưng, nó bơi giỏi như một con trâu... Nó là cái bộ đội đấy !". "Bộ đội? Trai làng sẽ giết nó như giết con thú à? KaBộp bảo bộ đội không có tim. Nó đuổi người K'Ho ta vào rừng sâu, lấy đất tốt cho người Kinh ở...". "Ồ, nó đẹp như KaXing thổi khèn đánh chiêng giỏi nhất làng ta. Có lẽ nó không phải là bộ đội. Nó là người trời..."

KaYung bảo tôi: "Mày là người trời. Mày phải theo chúng tao về làng. Mày không quay lại được đâu. Rừng nhiều cọp vô người lắm. Cọp không vô thì cái súng nó cũng ăn mày mất thôi...". Tôi ngược mắt, thầm cảm ơn cô. "Đi theo tao. Đến nhà già làng. Ở đấy không ai

dám làm hại mây đầu. Mây sẽ là khách của làng...". Các cô gái cùng phá lên cười. "Nó đồng ý rồi ! Trời cho làng thêm một KaXing..."

Đám thiếu nữ rúc rích cười nói dẫn tôi đến trước một căn nhà sàn gỗ. Ở đó đã có ba người đàn ông cỡi trần, đóng khố, vai đeo súng, tay cầm giáo, đứng chờ ngay dưới chân cầu thang. Người trẻ nhất tiến lên một bước. KaYung nhắc khẽ: "Già làng đấy. Mây chào nó đi...". Anh ta chấp tay trước ngực, tôi cũng làm theo: "Chào già làng...". "Được", giọng già làng trầm đục, "Tao là KaDâng. Còn mây?". "Tôi là... là...". "Mây là bộ đội?". Tôi khẽ gật đầu. Già làng lừ mắt về phía các cô gái: "Ồ trời ! Sao chúng mây bảo nó là người trời?". Rồi ngửa mặt lên trời: "Tao thù cái bộ đội lấy đất! Tao thù cái bộ đội không yêu đàn bà, không quý trẻ con!...". Tôi lạnh sống lưng, nghĩ đến thủ đoạn tuyên truyền xuyên tạc của bọn Phun-rô đầu sỏ. Những rừng cỏ tranh dưới chân núi Koi nông trường khai hoang, chúng bảo đó là đất của tổ tiên người K'Ho, người K'Ho phải giữ lấy. Cán bộ vận động định canh định cư ổn định cuộc sống, Phun-rô bảo họ đang tìm cách cầm tù người K'Ho đấy. Phải bỏ làng đi thôi... Làng K'Ho rời đến thác Koi này là do những lời độc ấy. Nhiều trai làng đã vào rừng, lẫn lút trong các hang đá ở núi Koi, cầm súng chống cách mạng...

Già làng vẫy KaYung lại: "Ồ KaYung! Nghe KaBộp bảo nó là bộ đội, tao đã muốn giết. Tao biết lòng mây trong như nước thác Koi, miệng mây nói lời lành như tiếng chim ri núi, mây hãy nói: Nó là bộ đội xấu hay là người Trời cho ta?..."

KaYung nhìn tôi: "Nó đến làng ta tay không giáo mác, không tên nỏ. Nó biết xuống suối tắm cùng đám con gái. Nó trôi vào miệng vực, Trời đẩy nó ra. Nó là KaXing của làng ta..."

Các cô gái rúc rích cười. "Nó là người trời của KaYung". "KaLiêng ném được cái lo KaXing theo KaYung xuống suối rồi nhé". "Ừ ừ, tao thả dây. Nó là của tao..."

Các cô gái chỉ im bật khi KaDâng khoát mạnh tay: "Thôi, ai về nhà ấy. Về cho người già khỏi lo đỡ con mắt! Về cho người trẻ khỏi bối rối trong lòng..."

Chờ cho đám trai gái làng lẫn vào bóng cây rừng, KaDâng cầm tay tôi dắt lên cầu thang: "Mây là khách. Mây được ngủ bên bếp lửa.

Mày muốn làm gì cũng được. Nhưng không được lợi ngược lại thác Koi...".

KaYung cắt một tảng thịt khô treo ở vách bếp, xiên vào cái que tre đen nhấy, lật đi lật lại trên than đỏ. Mùi thịt nướng khen khét, ngây ngây. Cô dùng dao rùng chặt thịt thành bốn miếng. Đặt hai miếng thịt trong một cái đĩa bằng bạc trước mặt tôi và Ka Dâng, cô trở lại góc sàn bê ra một hũ rượu. Úp trên miệng hũ là một cái gáo vầu. "Ơ KaDíp! Ra chào người trời rồi ta ăn cơm nhà ta đãi khách...", già làng gọi. Một người đàn bà bụng chứa vượt mặt khệ nệ đi ra từ sau bức vách gỗ, cúi đầu, lí nhí... Tôi chấp tay đáp lễ. KaDâng bảo: "Nó là KaDíp, chủ đất của làng. Vợ tao đấy. Còn đây...", anh ta chỉ vào tôi: "Thằng người trời..."

Già làng bụng hũ rượu đổ ra gáo. Uống trước một ngụm lớn, anh đưa gáo rượu cho tôi. Tôi mỉm cười thay lời cảm ơn thịnh ý của chủ, nâng gáo ngang mặt, uống cạn một hơi. "Được, được! Mày biết uống rượu bắp ủ men lá rừng núi Koi, mày không chê nhà tao, tao coi mày như người làng...". Ở bên kia, KaDíp bám vào đùi KaYung khiến cô cười lên khanh khách. "Con KaYung là em ruột tao. Em ruột của già làng, em chồng của chúa đất. Nó kén chồng lắm. Thằng KaXing trong núi ngó nghiêng nó, nó còn chưa chịu đấy. Cái chân nó còn như con chim chưa buộc vòng, cái mắt nó còn nhìn núi Koi, núi Chẻ... Từ mai, mày đi rẫy với nó. Mày là người làng rồi, cái bụng mày cũng cần có bắp, có lúa..."

KaDâng thường mang súng đi suốt ngày và chỉ trở về nhà khi đêm đã rất khuya. Tôi hỏi KaYung, cô bảo : "Nó đi bắn con thú". "Sao không lần nào được thịt ?". "Đi với KaBộp không được thịt. Đi giữ rẫy thôi."

Một đêm, nghe tiếng súng rộ lên ở bên kia núi Koi, tôi thấy KaDíp ngồi bên bếp lửa có vẻ bồn chồn, thi thoảng lại cúi xuống lấy gấu váy lau nước mắt. Tôi chui ra khỏi chăn, đến ngồi đối diện với chị. Chị bảo: "KaBộp nó sẽ giết mày thôi. Nó ác hơn cả thú dữ trong rừng...". Tôi hỏi KaBộp là ai, chị thở dài: "Phun-rô..."

Gần sáng, tôi và KaYung bị đánh thức bởi những tiếng rên rĩ như xé ruột của KaDíp trong cơn vượt cạn. KaYung khóc thút thít. Thi thoảng, cô lại chạy xuống cầu thang hú lên từng hồi ba tiếng một.

Tiếng hú gọi thần rừng, thần suối... về che chở cho chị dâu của cô đập vào vách núi Koi, vọng lại như tiếng ma hời âm u, rợn tóc gáy. KaDíp rùng mình, "hộc" lên một tiếng. KaYung hốt hoảng kêu lên : "Ớ trời ! Nó ra ngược...". Cô run lấy bảy bước ra khỏi nhà "hú, hú, hú" liên hồi... Không kìm được thương cảm, tôi luýnh quính đến góc sàn, quì xuống bên KaDíp. Mặc chị quần quai, tôi cố giữ lấy hai chân của đứa trẻ. KaDíp bỗng "hừ" giận dữ, co chân thu hết tàn lực đập vào ngực tôi. Tôi reo lên cùng tiếng khóc oe oe : " Một chú bé con...".

Trao chú bé cho KaYung đang tròn mắt nhìn mình, tôi định quay lại giúp KaDíp. Lúc ấy, một họng súng lạnh toát đã dí vào lưng tôi: "Đứng lại !". KaDâng từ phía sau bước lên, gạt mũi súng, bảo: "KaBộp! Không được bắn thẳng người trời. Nó...". Người có tên là KaBộp quay lại, chạy xuống cầu thang, chĩa súng lên trời bắn một phát "đùng". Đứa bé trên tay KaYung khóc thét lên. KaDâng nhìn tôi, lắc lắc đầu...

Chưa tới mùa bắp, KaDâng bảo tôi: "Mấy hôm nay heo rừng về phá rẫy dữ lắm. Mày và KaYung đi lấy bắp về kéo chúng ăn hết mất". Nghe anh nói, KaYung hỏi: "Rẫy nhà ta cái chân đi nửa ngày mới tới, nửa ngày về, hái bắp lúc nào ?". KaDâng cười: "Ừ nhỉ ! Thì bảo thằng người trời dựng lán, ngủ lại rẫy. Bao giờ xong việc thì về..."

Chiều hôm sau, lúc lán đã dựng xong, nhìn mặt trời khuất dần sau núi Koi, tôi ngồi thừ ra nghĩ ngợi. KaYung thấy vậy, dặn : "Rừng lắm hổ, lại lắm súng ăn người nữa. Mày chớ có đi xa lán...".

KaYung nhóm lửa trước cửa lán, ngồi hơ tay nhìn vời vọi vào rừng đêm, lo lắng. Khuya, cô thì thầm: "Bây sao trên trời đã đi nằm rồi. Ta cũng phải ngủ thôi". Nói xong, bảo tôi nằm trong, cô trải lá ngủ ở phía ngoài.

Trần trọc mãi, tôi thiếp đi lúc nào không biết. Trong mơ, tôi cảm thấy nhột nhột, rồi như có một bàn tay bóp mạnh vào chỗ con giống. Chôm người dậy, tôi thấy rõ ràng một bóng đen vọt qua người KaYung lao ra khỏi lán.

Tôi lay KaYung dậy, kể chuyện lạ. Nghe xong, cô sợ hãi kêu lên: "Nó định giết mày. Thằng KaBộp..." Rồi bất ngờ, cô ôm chặt lấy tôi, ghì má tôi áp vào ngực mình. Tôi giãy dụa cố thoát khỏi vòng tay của

cô gái K'Ho. Nới lỏng tay để tai tôi sát vào miệng mình, KaYung nói như gió thoảng: "Ôm chặt lấy tao. Không thì... nó giết mày...". Tôi đã lơ mơ hiểu, rồi rít hôn lên mặt, lên môi cô...

Đúng như KaYung đoán, ngay lúc ấy, mấy thanh niên K'Ho bất ngờ ào tới như gió rừng, kẻ kéo oạt tay tôi ra phía sau, kẻ dựng tôi dậy, trối nghiêng lại. Mặc cho KaYung nguyên rủa, chúng xóc tôi lên cang, khiêng tôi như khiêng heo, vội vã đi về làng...

Lấy dây rừng trối tôi vào một cây cột, KaBộp đến dưới chân cầu thang nhà KaDâng gọi với lên: "Ở KaDâng! Ra mà xem thằng người trời. Nó đang bị trối chờ làng xử phạt trâu ngoài kia kìa." Gọi KaDâng xong, KaBộp rút cái tù và sừng trâu bên lưng, ngửa mặt lên trời thổi từng hồi dài: "Tù, tù, tù..."

Dân làng lục tục kéo đến, vây thành một vòng tròn. KaBộp nhìn mọi người khắp lượt rồi nói: "Thưa lũ làng! Lệ làng K'Ho ta trai gái ăn ở vụng, con trai phải nộp trâu phạt cúng thần rừng để ngài khỏi nổi giận. Kẻ không có trâu sẽ bị đuổi vào rừng cho hổ vồ, cạp xé. Đêm qua, chúng tôi đã bắt quả tang thằng người trời..."

Lũ làng xì xào. KaBộp tiếp: "Thằng người trời là bộ đội xấu. Xin già làng đuổi nó qua thác Koi..."

KaDâng tiến lên một bước, nhìn xoáy vào KaBộp: "KaBộp ! Chính mày đã tìm cách lừa được thằng người trời về làng?". "Đúng thế. Bọn tao đã không bắn nó chỉ vì muốn cho lũ làng biết bộ đội không có...". "KaBộp, mày bảo bộ đội không có tim nên ghét đàn bà, con trẻ, không có con giống nên không biết ngủ với con gái. Nếu vậy thì nó là con thú, ta phải giết...". KaBộp ưỡn ngực nói: "Đúng thế!". KaDâng bước lên một bước nữa, quắc mắt : "Thế sao nó biết đỡ đỡ cho vợ tao ? Thế sao nó biết...". "Trước đây tao nghĩ thế ! Chính tao đã lén mò vào lán, sờ xem nó có con giống không". "Nhưng...". KaBộp cướp lời: "Nhưng nó cưỡng bức em mày, em của già làng, em chồng chúa đất. Nó làm nhục làng K'Ho. Thần rừng đã nổi giận. Nó không có trâu nộp phạt, nó sẽ phải chết..."

Nói đến đó, KaBộp đến cỡi trối cho tôi. Hấn gằn giọng: "Cút đi thằng nhà trời rởm...". Mấy thanh niên K'Ho đã đưa tay lên vai phải, nắm lấy dây súng...

"Khoan đã" KaDâng khoát tay: "Thưa lũ làng, KaBộp quyết giết thằng người trời để gieo thù hận. Nó dám đối cả già làng. Trước đây, KaBộp xui tao đưa cả làng vào núi. Thấy mọi người khổ quá, tao đã định bàn với lũ làng trở về đất cũ. KaBộp bảo tao cố chờ nó bắt sống một bộ đội để làm rõ trắng đen. Việc này không thành. Bây giờ nó lại xoay ra có thằng người trời không có trâu nộp phạt để đuổi ra khỏi làng cho hổ vồ, súng ăn...". "Nói láo!", KaBộp gầm lên. "KaBộp, mưu mày sâu hơn hang tối núi Koi, nhưng mày không lừa được tao nữa. Chính mồm mày nói ra, tay mày sờ thấy thằng người trời cũng chỉ là người như ta. Nó không phải là con thú mà là người có con giống tốt. Phải không KaYung..."

KaYung đỏ bừng mặt, lí nhí : "Phải" rồi bỏ chạy lên sàn nhà.

KaDâng nghiêm mặt: "Lũ làng, hãy bắt lấy KaBộp. Nó không xứng là người K'Ho núi Koi ta...". KaBộp bất ngờ rút súng, chĩa vào ngực KaDâng: "Không đưa nào được động đến thiếu úy Phunrô. Rồi tao sẽ là già làng..."

"Đoàng". Khẩu súng ngắn rơi xuống cỏ. KaBộp ôm lấy cánh tay loang máu đỏ. Hắn nhìn lên cửa sổ nhà KaDâng. Ở đó, KaYung vẫn còn tì súng vào má, hướng về phía hắn...

KaDâng bảo: "KaLiêng, lấy lá rừng rịt cho anh mày.". Rồi quay sang lũ làng, anh nói to: "Hỡi lũ làng! Hãy vào rừng gọi con em theo Phunrô về hết! Chúng nó nói láo, nói láo...". Giọng trầm đục của già làng K'Ho vang lên như những âm thanh của rừng núi...

Tôi và KaLiêng chạy lại, định đỡ cho KaBộp khỏi ngã. Nhưng không kịp nữa rồi, hắn đã nhào vào một bụi cây, vội vã bứt lá nhét vào miệng, nhai ngấu nghiến như trâu bị bỏ đói lâu ngày. Rồi cố níu lấy một cành cây, hắn khuỵu xuống, miệng sùi bọt... Lá ngón dưới chân núi Koi chưa bao giờ tha thứ cho kẻ nào dám lấy mạng sống của mình để đùa cợt với nó.

MÙA HOA ĐIỆP VÀNG

Thuở tôi còn đi học, tôi hay ngẩn ngơ trước sân trường, kể cả khi bạn bè đang vui chơi náo động... Ngẩn ngơ nhìn những bông điệp tháng ba nở vàng cả trời đất. Hoa lá tả rụng rơi. Chấp chới trong gió. Những lúc gió quẩn, những cánh hoa mảnh vụn bị hất ngược lên trời, bất ngờ đổ xuống, tóc đám con gái vương đầy sắc vàng của nắng. "Hoa phong lạc", điệu gió thổi hoa bay của từ khúc... Đứng rồi, thầy B.G, tóc cũng bông bênh như sương che khuất khuôn mặt đầy góc là góc, đã giảng bài "Tổng biệt" của Tản Đà như thế. Lá đào rơi... Hoa điệp rụng... Lòng thiếu nữ trong tôi thổn thức.. Lưu, Nguyễn đã về hạ giới. Còn anh, anh đi đâu? Tôi lơ mơ biết anh đi chơi ở Củ Chi rồi đi luôn. Anh vô rừng? Tôi nhớ đó là mùa khô 1969. Và hoa điệp đã lá tả rơi cùng những giọt nước mắt tiễn biệt mối tình đầu đời của tôi..

Tôi giận anh. Tôi căm thù anh. Anh đã đánh thức trong tôi những xúc cảm thương nhớ mà trước đó tôi nào có biết. Giờ anh để lại cho tôi nếm vị đắng của sự thất vọng...

Năm ấy tôi suýt trượt tú tài.

Nhưng rồi anh Dũng, đại úy không quân, bạn của anh trai tôi đã tới. Quê gốc tôi ở Thái Bình, anh ở Sơn Tây, cả hai gia đình đều vào Nam năm 1954. Anh Dũng và anh Bình tôi đi học ở Mỹ từ năm 1964. Về nước, anh lái máy bay, anh Bình tôi đi làm thông dịch... Hai người thân nhau như anh em. Anh Dũng coi tôi như em gái.

Có hai người anh giúp sức ôn tập, tôi vô đại học chẳng mấy khó khăn.

Cuộc đời êm ả trôi qua. Năm 1974, tôi tốt nghiệp đại học và được anh Dũng nhờ bạn bè xin cho tôi dạy học ở thành phố.

Cuối cùng, tôi và anh Dũng làm lễ cưới... Tôi chưa kịp yêu anh như yêu một người yêu. Tôi đồng ý lấy anh vì cũng chưa thể chê trách

anh một điều gì. Anh tốt với tôi quá. Tôi quý anh và hạnh phúc cùng anh. Tôi có một người chồng đáng kính để chăm sóc, yêu thương...

Tôi đã tưởng tượng mình không sống nổi: Anh Dũng rút máy bay khi tôi đang mang bầu cháu Hoài Sơn... Nhớ lại những ngày ấy nhiều lúc tôi còn thoảng thốt trong những cơn ác mộng. Nỗi đớn đau không bút nào tả xiết ấy khiến tôi gầy như một con ve. Đúng hơn nữa là một con nhện ôm cái bầu to hơn người... Những ngày ấy, tôi chợt nhớ tới những bài thơ "Tống biệt" của thầy B.G, chợt nhớ tới làn điệu của bài từ khúc "Hoa phong lạc"...Và những cánh điệp vàng cuốn tung lên trời không chịu rơi xuống đất để hoá thân thành cát bụi, lả tả rơi trong những nỗi đau đớn của tôi...

Ngoài kia, súng âm âm vang vọng về Sài Gòn, ngày một gần. Rồi tiếng xe tăng nghiêng âm âm trên đường phố, tiếng reo tưởng vỡ trời, vỡ đất, những người lính xa lạ, áo xanh, nón tai bèo, chân đi dép râu, súng lăm lăm trong tay vụt chạy qua nhà tôi, vun vút, rầm rập, như thác, như lũ ủa về phía Dinh Độc Lập... Giải phóng.

Ngay đêm hôm ấy, tôi sinh cháu Hoài Sơn ở bệnh viện Từ Dũ. Cả gia đình tôi, gia đình anh Dũng đã xuống tàu đi Mỹ ngay sớm hôm sau. Tất cả đều nhớ đến tôi nhưng không thể đi tìm. Đây đó vẫn còn đi đò tiếng súng...

Tôi đã sống ngay trên mảnh đất mẹ đã sanh ra các em tôi, lớn lên từng ngày cùng những bước đi của đứa con thơ dại... Mảnh đất gắn bó đến nỗi cả hai gia đình tôi đều đề nghị bảo lãnh tôi theo tiêu chuẩn ODP, nhưng tôi đã từ chối. Hình như tâm thức báo cho tôi biết tôi vẫn đang chờ đợi một cái gì...

*
* *

Cái tôi lơ mơ đợi chờ kia đến không ngờ.

Hoài Sơn của tôi đã học tới lớp mười. Cũng như nhiều phụ huynh khác, tôi đến trường trung học nơi cháu học, họp buổi đầu tiên.

Tôi đã ngẩn người, không sao nói nên lời khi chúng tôi gặp nhau ở hành lang một lớp học.

Kẻ bội tình giờ là hiệu trưởng một trong những trường phổ thông trung học lớn nhất thành phố.

Tôi đã toan quay lại. Anh vẫn vậy, ngang tàng như xưa, bước tới, chắn lấy lối.

Thay cho lời tự biện bạch, anh lại nói, giọng run bắn lên: "Anh khổ lắm. Anh đã quay lại nhiều lần nhưng..."

Tôi lạnh lùng: "Tôi không biết ông. Ông làm ai chẳng...". Anh nhìn thẳng vào mắt tôi: "Anh không làm. Em là Mai Diệp.". "Tôi xin lỗi ông. Tôi đã có gia đình...". "Anh biết... Anh biết nhưng anh không thể..."

Tôi bỏ về. Và Hoài Sơn đã được chuyển trường mà không được tôi cho biết lý do cụ thể... Tôi chỉ bảo con. "Mẹ thấy cái trường ấy... Nó... nghiêm trang quá... Mẹ sợ...". Thằng bé cười đôn hậu: "Mẹ lắm cảm rồi mẹ ạ. Trường nghiêm trang là trường tốt đấy. Con lấy làm tiếc."

Điều tôi tưởng là bất hạnh lại là điều may mắn. Không gặp anh, tôi đã không bao giờ yêu anh Dũng, dù tôi rất kính trọng anh...

Anh đến. Nhiều đến mức tôi mắc cỡ mà phải tiếp. Tôi nhắc đến anh Dũng để đuối khéo anh. Anh trầm ngâm, rồi bỗng như nói với mình: "Anh và anh Dũng có bao nhiêu là kỷ niệm vui buồn..." Tôi đã bắt đầu nghe anh... Câu chuyện như là một giấc mơ. Thật là khủng khiếp và bất ngờ, ngoài sức tưởng tượng của tôi.

Anh nói anh không thể cắt nghĩa được khi bố anh Dũng là quận trưởng cảnh sát ngục, nhưng anh lại là một chiến sĩ quân báo? Chính anh Dũng đã giác ngộ anh và đưa anh lên chiến khu Bời Lời... Trong một trận chống càn, anh bị thương nặng. Sau đó máy bay Mỹ dội bom xuống trận địa, đồng đội không kiếm được xác. Đơn vị đã bí mật báo tin anh hy sinh cho Dũng. Không ai biết một người làm rầy đã bắt gặp anh, chữa chạy cho anh lành vết thương rồi bí mật đưa anh trở lại với một đơn vị chủ lực... Anh đã trở về sau chiến thắng. Có điều, anh đã để lại cho chiến trường một phần thiêng liêng của cơ thể. Anh đã mất khả năng làm một người chồng bình thường...

Anh kể anh rất biết rõ hoàn cảnh của tôi. Anh rất muốn thay anh Dũng chăm sóc tôi và Hoài Sơn. Nhưng mà... anh nghĩ tôi có thể đi bước nữa... Trên đời này đâu thiếu những người đàn ông tốt bụng...

Anh kể bao năm nay anh đã đứng bên kia đường ngắm nhìn tôi và Hoài Sơn. Anh chờ mong được nhìn thấy ai đó, tất nhiên không phải anh, đến ở với tôi và Hoài Sơn. Anh đã thất vọng vì hình như trái tim tôi đã chết. Anh đã định liều... nhưng mà... còn đang lưỡng lự thì vô tình tôi đã nhận ra anh... Sau hơn hai mươi năm... Năm 1969...

*
* *

Tôi đã khóc khi nghe anh kể.

Nghe lời anh khuyên, tôi đã cho Hoài Sơn trở lại học ở trường anh.

Khi Sơn học đến lớp 11, tôi đã kể cho cháu nghe về chuyện của bố cháu, chuyện của tôi và anh. Thành bé tinh nghịch cười phá lên: "Con biết cả rồi. Thầy ấy đã bảo con khai lại lý lịch..."

Sau hôm nhận tấm bằng "Tổ quốc ghi công" liệt sĩ Nguyễn Tiến Dũng, Sơn giữ anh lại ăn cơm với mẹ con tôi. Trong bữa ăn, nó nhìn tôi và anh rồi ứa nước mắt nói: "Mẹ ạ, từ lâu, con đã coi thầy như cha. Con mong..."

Mắt tôi như mờ lệ... Những cánh điệp vàng ở sân trường xưa gió lại cuốn bay lên. Tôi bỗng thấy mình là một cô bé nhỏ học lớp 12 năm xưa, bèn lên ngược nhìn những chùm vàng đang rắc bụi kín một góc trời xanh.

Thực ra lúc ấy, tôi giật mình, nhìn thấy những sợi tóc bạc lốm đốm mọc hai bên thái dương anh. Tôi ước khoa học có thể làm được tất cả. Không, tôi muốn nói đến khoa học của trái tim...

THUẬT CÂU CÁ

Cuối tháng tám, bèo sen vẫn còn phủ xanh mặt ao. Hai bố con lấy cần câu gậy bèo ra bốn phía, tạo được hai khoảng tròn bằng cái mẹt, bỏ một ít cám nếp rang vàng xuống nhử cá, rồi mắc mỗi giun vào lưỡi câu, buông phao. Tiếng cá đớp dưới bèo "pấp, pấp" khiến tôi nôn nao, chờ hễ phao động đây là giật liền. Cách đó vài bụi trúc, bố tôi ngồi thu lu, một tay chống cằm lơ đãng nhìn những đám mây trắng lững lờ trôi qua khoảng mặt nước giữa đám bèo. Cái phao cuống hoa ngô trắng nõn bỗng chìm ngấm. Tôi kêu "Kìa..." làm bố tôi giật mình, vụt nhắc cần câu lên. Dây câu thẳng căng kéo khỏi mặt sóng một cọng rong đuôi chồn mỏng mảnh như những sợi cước xanh trong nhều nước xuống... Đến chiều, cầm cái giỏ tre rỗng không lên, tôi buồn thiu buồn thiu. Bố tôi cười: "Đầy một giỏ". Tưởng bố đùa, tôi toét miệng cười theo. Nhiều lần nữa tôi vẫn theo bố đi câu. Lạ thật, hai bố con chưa lần nào câu được một con cá nhỏ cho gọi là có duyên; thế mà lúc thu cần, cuộn dây câu bố tôi cứ một mực bảo: "Lại một giỏ đầy..."

Cuối năm học lớp hai, nhờ đọc thông viết thạo nhất khối, tôi được nhà trường thưởng giấy bút và mấy quyển truyện. Về nhà, tôi giở ra khoe mẹ. Cả hai mẹ con sững sờ khi thấy trong mấy quyển truyện kia có một quyển là văn của bố tôi.

Chiều thứ bảy, bố tôi từ tỉnh về, trên cái đèo hàng xe đạp cột một cái giỏ tre. Tôi dừng đọc truyện, chạy lại đỡ xe cho bố. Bố tôi cười, chỉ vào giỏ cá, bảo: "Một giỏ đầy..." và nhìn vào quyển "Câu cá" tôi đang cầm trên tay, nói: "Một giỏ vui..."

Lớn lên, tôi đi bộ đội, dọc ngang khắp mọi miền đất nước ; rồi học xong đại học, làm nghề gõ đầu trẻ ở một nơi cách quê tôi hàng nghìn cây số. Thao thức nỗi niềm quê, nhớ bố mẹ... tôi viết được một cuốn truyện nhỏ về làng quê. Dĩ nhiên người đọc và biên tập đầu tiên là bố tôi.

Tôi đã nhận được thư của bố. Chẳng hiểu sao ông cụ không đã động gì đến văn chương mà chỉ nói về thuật câu cá. Thư viết: "Thuật câu cá rất khó! Con sẽ thật sự câu được cá khi biết rõ rằng: lúc về tay chỉ xách một cái giỏ nhẹ tênh, nhưng lòng thì đã vẩn vương hồn những cánh bèo thu muốn con làm cho chúng được đẹp hơn".

PHO TƯỢNG PHẬT

Cho đến bây giờ anh Cu Mão vẫn chưa hoàn hồn. Anh bị kiện, bị kết án và vào tù nhanh đến mức không ai ngờ lại như vậy. Tang vật sờ sờ ra đấy, có trời mà cãi. Anh oán trời không có mắt, có miệng. Anh Cu cố ngủ. Cũng lạ, khi còn ở nhà, cứ buổi tối là mắt anh đã díp lại. Thế mà ở đây, mắt cứ thao láo. Mọi việc đã qua, càng muốn quên, nó càng bám riết lấy mình. Anh lại nhớ... Cũng tại chị Cu cả. Hôm anh đang cày ruộng ở gần Chùa Cả, chị Cu hớt hơ hớt hải từ nhà chạy ra, vẩy nón rối rít. Anh dừng trâu "họ, họ" rồi lên đầu bờ gặp vợ. Chị Cu vừa thở, vừa quạt vừa nói:

- Bố thằng cu Ngọ này, nhà mình có khách. Bố nó cho trâu nghỉ một lát về nhà xem ất giáp ra sao. Họ nói cái gì, tôi nghe chả hiểu đầu cua tai nheo gì cả, bố nó ạ.

Anh Cu chưa kịp hỏi thì chị đã nói tiếp:

- Họ cứ khăng khăng đòi mua con lợn nhà mình.

Anh Cu xăng:

- Hừ, lợn đang lớn mau, mua bán cái gì. Vớ vẩn...

Chị Cu đưa tay vén mấy sợi tóc bết trên gò má đỏ bừng, nhìn chồng cười:

- Vẫn biết là thế, đừng mà...

- Mà sao? Anh Cu giật giọng.

- Họ trả giá thịt hơi gấp rưỡi người ta...

- Lạ nhỉ...

Anh Cu nói đến đấy thì mặt biến sắc! Anh kêu lên: "Bỏ mẹ rồi, nó..."

Rồi anh bỏ chạy. Vắt chân lên cổ mà chạy. Mau, mau lên! Không thì sạt nghiệp. Trời ơi, con mẹ ngu ơi là ngu...

Chị Cu còn kịp chạy xuống ruộng. Nước bắn tung toé ướt hết cả quần áo. Chị tháo cái ách cho con trâu. Chị chạy lên bờ. Ngã dúm dúm. Tay áo, ống quần dính bết bùn non. Chị nhớ nhà có cái xe đạp, cái đài anh Cu mới sắm trên tỉnh tuần trước, một ít tiền bỏ ống trong con lợn đất để dưới gầm giường... Chị bật khóc, le te chạy theo chồng. Cái nón cầm ở tay rơi lúc nào không nhớ. "Giời ơi là trời", chị kêu nghẹn ứ cả cổ. Muốn đứt hết hơi.

Tới sân, chị bỗng đứng sững lại. Chị lườm anh Cu, ra ý nói làm người ta hết cả hồn. Anh Cu đang cười hề hề với mấy ông lái lợn. Thấy vợ lườm mình, anh bảo: "Lệnh ông không bằng công bà, bu nó quyết định quách cho rồi. Gọi tôi về chỉ thêm mệt".

Mấy ông lái lợn nói theo:

- Ông nói vậy chứ không phải như vậy. Nhìn chị Cu kìa... Cả bọn phá lên cười. Lão to nhất trong bọn cười hênh hếch: "Để cho chị ấy quyết mà ông anh tôi dìm bà xuống bùn thế kia kìa..."

Chị Cu giờ mới nhìn xuống áo, xua xua tay chữa thẹn: "Không, chỉ tại con trâu. Vội lại, ruộng chăm quá...". Anh Cu bảo vợ: "Đặt cho tôi nồi bẫy nước. Rồi đi tắm rửa cho sạch. Trông khó coi quá!". Chị Cu cười thâm, thế mà cứ bảo bố cu Ngọ cục. Xem ra việc này bố cu cũng đảo để đây. Tiền nó dạy người ta khôn. Lợn hơi người ta mua có mười bốn ngàn một cân, có người trả hai mươi ngàn, khờ gì mà không bán. Ô hay, hay là giá thịt nó lên? Có lẽ chẳng phải. Mới chiều qua mua cho anh Cu hai lạng thịt ba chỉ mỗi lạng cũng mới hai ngàn. Bốn ngàn thịt và hai ngàn rượu anh Cu đã say túy lúy, ngủ ngáy vang cả nhà. Ờ, mà lúc nãy mấy bác đây nói là người làng bên, đi mua lợn làm đám cưới, đắt rẻ chẳng quan trọng. Miễn là vừa túi tiền là được... Hay là họ lừa mình. Lừa? Chẳng phải. Vì tiền anh Cu đang đếm kia. Chị đến bên cạnh, đúng là tiền thật... Thôi kệ, việc người ta, người ta lo, việc bán lợn có lợi thì vợ chồng chị bán. Ai làm gì cũng mặc. Cái bác be bé kia nói thế mà có lý: "Con lợn đang lớn, chỉ nửa tháng nữa là tiền bằng bây giờ. Chúng tôi mua có tính đến chỗ thiệt ấy của chủ". Thật mát cả lòng. Người ta cũng biết của cả chứ ai dại đâu...

Chị vừa nghĩ vừa múc nước giếng vào cái nồi bầy bằng đồng. Chị đặt lên bếp kiềng vắn để nấu cám lợn, chất củ vào rồi quạt lửa phù phù. Xong, chị dặn anh Cu:

- Bố cu Ngọ uống nước với mấy bác, nhớ trông hộ nồi nước sôi. Tôi đi tắm đây.

Ý tứ vì nhà có khách, chị lấy quần áo bỏ vào cái rổ mang ra phía cầu ao. Chị khúc khích cười khi thấy cái rổ không phải là cái nón. Cái nón đâu nhỉ. Rõ là đa nghi cái vợ chồng nhà chị... Chị Cu tắm vội vàng rồi chạy về nhà. Mấy người mua lợn đã trối nghiêng con lợn lại, đang đề ra chọc tiết vào một cái chậu thau. Họ cạo lông, mổ bụng con lợn và để bộ lòng ra ngoài. Sau đó, họ bỏ con lợn vào một cái bao tải, đầu thò ra ngoài. Chị Cu đang hái lá xương xông ngoài vườn được gọi vào cho họ mượn một cái quang tre. Anh Cu và một người nữa ra cầu ao loay hoay rửa và làm lòng lợn.

- Chị đặt thêm nồi nước. Khi nào xong lòng thì luộc. Chúng tôi khênh thịt về trước để làm cỗ - một người nói.

Người kia bảo:

- Chị nhớ nói anh Cu đánh cho chúng tôi mỗi người một bát tiết canh. Xong việc, chúng tôi đánh chén với nhau một bữa.

Con lợn có ba chục cân mà sao cái đòn gánh cứ oằn xuống. Họ khênh lợn về phía đầu làng. Ai mà để ý mấy ông lái lợn. Khoảng hơn mười hai giờ thì họ quay lại. Rượu vào lời ra, rôm rả lắm... Bốn người đàn ông đang uống rượu với lòng lợn thì sư ông bên chùa Cả hốt hải đi vào ngõ. Sư ông hỏi: anh Cu có thấy ai đi tắt từ chùa sang đây không. Anh Cu lắc đầu. Ba người kia rót rượu mời sư ông. Ông cụ trông thấy bát tiết canh còn loang lổ máu, xua xua tay rồi đi nhanh ra ngõ. Đến khoảng ba giờ chiều thì ba người đàn ông chào vợ chồng anh Cu, nói là đi về dự cưới. Ở làng bên, vắng theo gió đưa lại tiếng nhạc, tiếng kính thưa quan viên hai họ... Anh Cu rờ lên cằm, nhỏ một sợi râu nhìn chị Cu, cười. Rồi chợt hỏi:

- Thằng Cu Ngọ đâu?

Chị Cu hiểu ý chồng, khẽ bảo: "Quên khuấy mất, tôi chưa nói với bố thằng Cu, tôi cho nó sang ngoại từ khi bố Cu dắt trâu đi. Vừa về

đến nhà thì họ đến... Anh Cu nháy mắt, chị hiểu ý: "Nỡm ạ, ban ngày ban mặt. À, bố thằng Cu xem con trâu tôi thả từ sáng ở đâu rồi. Nó mà theo trâu cái làng dưới, thì tha hồ mà tìm đến mất cả đêm..." Anh Cu nghe ra, khoác cái áo, với cái roi đi ra ngõ. Anh vừa đi vừa cười...

Sáng hôm sau, anh dắt trâu đi cày. Mới có hơn tám giờ đã thấy anh Cu về. Trên vai vác một cái gì như khúc gỗ. Kiểm cố về nhà đây. Đến dễ ghét, chị Cu lườm chồng:

- Dừng mõ... định cày chậm lại à?

Anh Cu cười:

- Có tiền đây. Phúc vô đơn chí chí... hì... hì... Anh vứt cái vật trên vai xuống đất cái bịch.

- Cái gì thế, bố cu? Chị Cu thấy lạ hỏi rồi không chờ anh Cu giải thích, chị ngồi xuống, lấy cái que tre cời cời đất, reo lên:

- Một pho tượng... thế mà tôi cứ tưởng cái tút đại bác hay cái đầu tên lửa cơ đấy.

Hai vợ chồng cời hết đất bám bên ngoài pho tượng. Đẹp quá! Vợ múc nước giếng, chồng lấy cái xơ mướp cọ. Lạ quá, đồng cứ sáng lên một lát rồi lại xỉn đen lại. Anh Cu sờ tay lên trán vẻ ngẫm nghĩ.

- Đồng đen rồi!. Ồ...

- Ồ cái gì? Bố cu kêu toáng lên người ta đến thu mất bây giờ. Mà ồ cái gì, bố nó?

- Nó hao hao tượng bên chùa Cả sư ông quý hơn cả mả tổ ông ấy.

- Ờ nhỉ, tôi cũng nghĩ thế... À, sư ông quý pho tượng ấy, chắc nó có giá lắm. Chị nhìn chồng lo lắng:

- Tôi quên chưa hỏi bố cu lấy pho tượng này ở đâu.

- Tôi đâu có lấy ở đâu. Đang cày thì bỗng... kịch... tôi bèn thò tay xuống, moi thế này này... rồi lôi lên - Anh làm như đang moi đất - Rồi tôi đem về... như bu nó thấy đấy. Có dễ hơn hai chục cân.

Chị Cu bảo chồng cất pho tượng vào trong buồng. Chị nghe phong phanh cái gì ở dưới đất lâu không rỉ đều quý. Đài phát thanh hôm nọ có nói một món đồ cổ có giá trị hàng triệu đô la. Thôi một triệu tiền Việt Nam cũng là to lắm rồi. Những cả tấn thóc chứ chơi à... Chị Cu chưa kịp mừng. Ngay tối hôm ấy, công an xã và công an huyện đi cùng sư ông ập vào nhà chị. Theo đơn kiện của sư ông, rõ ràng hôm chùa Cả mất pho tượng phật quý bằng đồng đen, có rất nhiều vết chân từ chùa đi tắt qua vườn nhà anh Cu. Sáng qua, chính sư ông đã thấy...

Anh Cu bị đưa ra xử vì tội ăn cắp di sản văn hoá dân tộc. Chị Cu từ hôm đó ra đồng cứ bịt khăn kín mít, cái nón đánh rơi đã tìm lại được cứ xùm xụp trên đầu. Đi đâu cũng nghe thấy người ta đang xì xào về nhà mình. Chị tưởng như mỗi lần chị đi qua, những người ở phía sau đang chỉ trỏ vào chị mà bảo nhau: "Vợ thằng ăn trộm của chùa đấy. Thế mà cứ bảo vợ chồng nó hiền...". Ước muốn khóc được. Nhục nhã, ê chề quá.

Có một phạm nhân can tội giết người được tha bổng. Anh tên Lành. Lạ nhỉ ! Tội to thế mà còn được tha là làm sao? Anh Cu nghe phong phanh anh này bị oan. Anh kêu oan hay kháng án gì đấy. Một luật sư đã cãi cho anh trắng án. Ta cũng oan, có thể làm như thế được chứ. Không thì nhục lắm. Ra tù cũng chẳng dám về làng. Anh Cu nghĩ thế và tìm gặp Lành. Anh này rủ tai anh nhắn vợ tìm luật sư Tâm Thiện cãi cho. Chị Cu vào thăm nuôi chồng nghe nói như vậy, thì mừng lắm. Về nhà, chị Cu gọi cậu em ruột bán cho nó con trâu. Cậu em đưa tạm cho chị hai triệu, còn bao nhiêu cậu lo dần... Chị gửi Cu Ngọ cho ông bà ngoại, nắm theo bốn năm cơm và một lọ vùng, lên xe ra Hà Nội.. Chị tìm được nhà ông luật sư không khó lắm. Từ trong nhà một người đàn ông chừng hơn bốn chục tuổi bước ra. Ông hỏi :

- Có phải chị muốn tìm tôi?

Nghe có vẻ người dễ gần. Mặc dù vậy giọng chị Cu vẫn run run:

- Thưa ông, ông có phải là ông Thiện không ạ

- Tôi đây, tôi đây, mời chị vào nhà...

Ông rót nước mời chị uống. Thấy chị e dè, người run run, ông hỏi trước:

- Chắc chị có việc gì oan ức, muốn nhờ tôi giúp đỡ...

Nghे ông nói chị Cu òa khóc. Rồi vừa sụt sùi chị vừa kể lể câu chuyện chồng mình được pho tượng ngoài ruộng mà phải lại đi tù vì tội ăn cắp...

Ông im lặng ngòi nghe. Thỉnh thoảng, ông hỏi chị Cu một câu và ghi vào cuốn sổ tay. Lúc chị Cu ra về, ông hẹn hai hôm sau nữa sẽ về làng Chùa Cả để biết thêm các chi tiết. Chị Cu đặt cái gói vuông lên bàn, khế khọt:

- Thôi thì trăm sự nhờ ông, vợ chồng cháu có chút tiền mọn gọi là lộ phí xe cộ...

Ông Thiện cầm lấy gói tiền lên, bảo chị cầm lấy, mọi cái sẽ tính sau. Ông cười.

Chị Cu chào ông rồi ra bến xe ô tô. Trên xe, chị vừa mừng, vừa lo. Mừng vì ông thầy này có vẻ đức độ. Lo vì sợ ông chê gói tiền kia bé quá...

Đúng hẹn, ông Thiện về làng Chùa Cả. Ông bảo chị Cu dẫn ông ra chỗ cái ruộng anh Cu bắt được pho tượng. Ông hỏi trước đó có ai đến gặp anh Cu không. Chị Cu kể chuyện ba ông lái lợn. Chị có tỏ ý nghi ngờ sao con lợn nhà chị đã thịt rồi còn nặng đến thế. Cái đòn gánh chị gánh cả gánh cỏ nặng mới oằn được. Thế mà... Mắt ông luật sư sáng lên. Sau đó ông Thiện đi sang Chùa Cả. Sư ông dẫn ông đi xem pho tượng. Phần đế của pho tượng phật bị khuyết một góc, ông lẩm bẩm: "Sao lại có sự trùng hợp kỳ lạ thế nhỉ. Hay là..." Ông hỏi sư ông trong chùa có sách nào ghi về pho tượng phật không.

- Có nhưng là sách Nôm. Theo sư cụ đã viên tịch, bản ở đây chỉ là bản sao. Còn bản chính thất lạc từ bao giờ, sư cụ cũng không nhớ. À mà ông cũng đọc được chữ Nôm?

- Được, được - Ông Thiện cười - cũng gọi là võ vẽ...

Sư ông dẫn ông Thiện vào phòng khách. Ông đưa cho luật sư một cuốn sách bìa đen đã sờn: "Nó đây". Ông Thiện bắt đầu đọc. Mới mở trang thứ nhất ông đã kêu lên: "Nó đây rồi. Nhị phật đồng đen cản thôn lân..." Sư ông lại bên ông: "Như vậy nghĩa là sao, thưa ông?"

- Có nghĩa là - Ông Thiện nói - Pho tượng trên điện thờ đang ở chùa nhà ta kia đúng là pho tượng anh Cu Mão bắt được...

- Không thể được - Sư ông kêu lên - Đó là pho tượng nó đã ăn cắp. May mà...

Ông Thiện giở trang thứ chín. Trong trang sách có đoạn đại ý: Năm một nghìn bốn trăm hai tám, dân làng Chùa Cả đào một con mương, bất ngờ thấy một cái cột đồng, đoán là quân Minh yểm vượng khí nước Nam chôn ở đây, bèn đúc hai pho tượng phật, mỗi pho dự tính là hai mươi lăm cân. Đồng được chia đều vào hai nồi nấu. Lúc đúc pho thứ nhất, khuôn hơi rộng, người thợ đã múc một gáo đồng đã nấu chảy đổ vào. Pho tượng thứ hai vì thế mà khuyết một phần đế. Pho thứ nhất để ở Chùa Cả, pho thứ hai gửi ra đền Chân Quốc... Khoảng năm kiêu binh nổi loạn, pho tượng phật ở đền Chân Quốc tự nhiên biến mất...

Sư ông chăm chú đọc theo ngón tay chỉ của ông Thiện. Rồi hỏi:

- Liệu sách có ghi lầm hoặc người xưa chuyển lầm pho tượng khuyết đế ra Chân Quốc?

- Tôi nghĩ là không lầm. Chỉ có thể là lúc loạn lạc, một người nào đó ở làng Chùa Cả này đã ra lấy pho tượng đem về đây. Tiếc là không thể đặt ở chùa được vì đã có một pho rồi. Người kia bèn dấu đi...

- Còn pho tượng không khuyết đế mà ông bảo rằng nó ở đây thì sao? Sư ông hỏi

Ông Thiện cười:

- Nó đang ở sân bay Tân Sơn Nhất...

- Sao ông biết...

- Tôi làm luật sư cho một công ty nước ngoài liên doanh với Việt Nam. Vụ này liên quan đến một nhân viên của họ...

Sư ông chăm chú nghe ông Thiện lý giải:

- Đó là một người đàn ông Pháp. Hải quan sân bay phát hiện ra pho tượng quý, bèn giữ lại. Người ta còn giữ được một cuốn sách Nôm và một bản dịch tiếng Pháp liên quan đến pho tượng. Bản chữ Nôm là một bản chụp từ một thư tịch cổ ở thư viện quốc gia. Ông xem đây, địa danh Chùa Cả không ghi tên tổng, tên phủ...

- Vậy người Pháp kia làm sao lấy được pho tượng ở đây? Sư ông hỏi, tỏ ý không hiểu.

- Sư ông còn nhớ bọn lái lợn đã mua lợn và đánh chén ở nhà anh Cu Mão không?

- Tôi nhớ... Nhưng họ có liên quan gì ở đây.

- Có đấy. Chúng chính là bọn trộm pho tượng. Nếu tôi không lầm thì hôm ấy pho tượng đã được nhét vào bụng con lợn đã mổ.

- Bọn này được thuê phải không?

- Có lẽ chúng là đồng bọn. Còn kẻ tìm ra địa danh này phải là một người có học, thậm chí rất giỏi về cổ học...

- Thế công an đã bắt được bọn chúng chưa.

- Thưa, hiện nay thì chưa. Nhưng tôi nghĩ sớm muộn gì thì cái kim trong bọc cũng sẽ lòi ra...

Điện từ thành phố Hồ Chí Minh cho biết: phía trong, phần rỗng của pho tượng, có một vài vết máu lợn. Pho tượng phật tượng vô chủ đã có địa chỉ...

HUYỀN THOẠI CÀ PHÊ

Vừa ở nước ngoài về sau mấy năm nghiên cứu đề tài phát triển các giống cà phê, tôi thu xếp lên Đắk Roong ngay để viếng Trần. Tuất, bạn thân của tôi và Trần hồi còn học ở Trâu Quỳ, giờ thay Trần làm giám đốc nông trường ra tận bến xe đón tôi.

Lúc xe chạy ngang qua một đồi cà phê trái đang vào độ tím thẫm, Tuất bỗng hạ giọng:

- Trần kia kìa. Cậu ấy đang vẫy cậu đấy!...

Tôi bảo Tuất dừng xe, nhìn theo hướng tay anh chỉ... Không thấy ai ngoài một rừng cà phê điệp trùng tím tấp, tôi xăm xăm chạy lên đồi. Những tán lá xanh mướt, những cành cà phê chi chít trái, rung rinh trong gió.

Trở lại xe, tôi hỏi Tuất:

- Các cậu trồng lại rừng cà phê này từ bao giờ vậy ?

Tuất tròn mắt:

- Cậu đi mới vài năm. Chỉ có thánh trồng, cà phê mới lớn nhanh đến thế... Àa, chắc là cậu...

- Sao? Chắc là...

- Cậu chưa nhìn các gốc cây phải không?

Tôi giật thót người. Thì ra Trần đã táo bạo thực hiện dự án rừng chồi, một ý tưởng đẹp từ thuở cả ba chúng tôi còn là những người lính. Hồi ấy, có lần quay lại một khu rừng cà phê bị bom Mỹ phạt ngang thân vào năm trước, tôi và Trần đã ngỡ ngàng khi bất ngờ thấy những cây cà phê hồi sinh, trái chi chít trên cành, trái chín nâu rụng xuống đầy gốc... Khi học ở nước ngoài, tôi đã đem hiện tượng ấy hỏi một giáo sư tiến sĩ về cây cà phê, ông ta nói đó chỉ là một trong

những trường hợp đặc biệt, phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố đất, nước, ánh sáng ở một số vùng hiểm hoi trên trái đất...

Tuất đưa tôi đến viếng Trần. Bạn tôi nằm yên giấc bên gốc một cây cà phê. Ai đó đã đặt trên cổ một vài đoá hoa dại còn tươi.

Tuất kể: Tin vào kiến thức và kinh nghiệm, Trần đã đưa ra lệnh chặt đốn toàn bộ rừng cà phê già. Công nhân phản đối, đâm đơn kiện khắp nơi. Rồi Trần bị qui tội phá hoại tài sản xã hội chủ nghĩa, bị kết án tám năm tù giam.

Trước tòa, anh vẫn khẳng khẳng đưa các thông số kỹ thuật, đã được tính toán kỹ lưỡng để bênh vực mình. Khi được nói câu cuối cùng trước khi tòa nghị án, anh hỏi vị chủ tọa nếu một năm rưỡi sau cà phê ra trái thì sao và được ông ta trả lời: lúc ấy anh có thể được miễn thi hành án hình sự...

Năm ấy trời đại hạn. Cà phê bị đốn thân chỉ èo uột nhú chồi. Trần đau đớn, tự dần vật mình, người cứ héo quắt dần...Theo di chúc của Trần, nông trường đưa anh về táng dưới gốc cây cà phê bị chặt đầu tiên... Không ai ngờ, sau mùa mưa tiếp theo, rừng cà phê như bật dậy bởi một sức mạnh thần kỳ, cành lá sum suê, hoa thơm ngát rồi trái chi chít...

Ba đêm ở với Tuất ở Đắc Roong, tôi đều thức trắng. Một mặt, vì tôi và Tuất còn rất nhiều chuyện cần nói với nhau. Mặt khác, có lẽ là do cà phê ở đây đáng quá. Vị đắng này, đúng thế, tôi chỉ thấy có trong huyền thoại về cây cà phê...

ÔNG HẠ HỎA

Vợ tôi bảo: "Ngày mai anh chở tôi sang Thủ Dầu Một". "Mai là thứ hai,, mới đầu tuần, nghỉ sắp la, tính sao?". "Tôi thì nhỏ toẹt vào mặt sếp nhà anh ấy ! Ông ta là cái thá gì? Giỏi lắm tháng lo cho anh năm trăm bạc, hút thuốc vật không đủ..." Tôi im lặng. Những lúc như thế này tốt nhất là im lặng. Nói qua nói lại vài tiếng nữa là nhà cửa âm ỉ, tan hoang cả. Mà không phải do tôi làm tan hoang. Vợ tôi tính nóng như hổ, không vừa ý là cô ta la hét, vớ được cái gì đập cái ấy. Có lần đập bể một cái ti vi hiệu Sony, làm vỡ cái đèn pha xe Dreame, lúc bình tĩnh lại, cô ta bùng mặt khóc hu hu, mắng tôi sa sả sao không ngăn cô lại...

Được cái vợ tôi làm ở một cơ quan kinh tế và kiếm được khá nhiều tiền. Ti vi bể, cô sai bê một cái Sony mới tinh từ cửa hàng về đặt vào chỗ cũ. Còn cái xe, cô nhờ mấy anh thợ sửa xe mua phụ tùng thay mới, sơn lại chỗ bị tróc sơn...

Người ta hơn người ở chỗ lắm tiền, có địa vị hoặc danh vọng. Tôi hơn người vì có vợ trẻ, đẹp, giỏi giang nhưng dữ tính. May mà tôi là thầy giáo, tính điềm đạm, thích nhường nhịn. Tính ấy có lúc tôi được vợ khen, bảo: "Em lấy anh thế mà lại hay. Tay khác, nát hết cửa nhà rồi.". Tôi chỉ cười. "Còn cười...", vợ tôi nguyền: "Hiền quá rồi hóa...". Tôi im bật, biết vợ định nói gì. Cô ta hiểu ý, chữa: "Rồi lại hóa ra khôn...". Nói rồi cười trừ và bảo: "May sao anh chẳng nghĩ ra kế gì khôn để trị em nhỉ!". "Trị em? Anh đã thuê...". Vợ tôi chặn: "Cháu ông Tạ Duy Hiền phải không?". Nói thế thì hết chuyện. Hết chuyện nhưng mà đêm ấy êm ấm lắm. Cả hai vợ chồng rúc rích đến khuya. Vừa chợp mắt đã có tiếng còi ô tô inh ỏi bốp "bim, bim" ở trước cửa.

Vợ tôi vùng dậy, chạy ra ban công nhìn xuống đường. Cô ta chạy vào, kéo chăn dựng tôi dậy: "Anh dậy nhanh nhanh lên! Mặc áo mặc sống lẹ lẹ nhé! Vợ chồng cái Mai đến rồi...". Tôi ú ớ, lăn vào phía trong tường: "Đến làm gì? Em bảo hôm nay...". Vợ tôi gắt: "Phải gió ạ!

Em nói anh chở em đi là sợ vợ chồng nó không đúng hẹn. Giờ nó đến thì ta đi ô tô..."

Rồi thì xe chạy qua cầu Bình Triệu, lên Thủ Đức, thẳng hướng Thủ Dầu Một. Vợ chồng Mai rúc rích cười khi tôi ngu ngơ hỏi vợ: "Ta đi đâu hở em". "Đi xem bói ông giới ạ". "Thế em đi một mình cũng được, còn bắt anh nghỉ dạy đi làm gì". "Giới ạ, người ta phải xem vợ xem chồng mới biết quá khứ, hiện tại, tương lai... Không biết cứ mặc tôi...". Mai cấu chồng: "Giới ạ, cứ mặc tôi..."

Tôi tiếc buổi dạy học, nghĩ học sinh không có thầy trong lớp ồ ào ảnh hưởng đến các lớp khác mà nảo cả ruột... Vẫn vợ nghĩ, xe chạy qua thị xã, rẽ vào một xóm nhỏ đường đất đỏ, xóc chồm chồm tôi mới biết. Cũng là lúc tới nhà bà thầy Sáu Hiếng. Tên vậy, nhưng có lẽ bà là Sáu mù. Kiếng đen che kín cả mặt. Tay hươ hươ ba nén nhang. Mai lè lưỡi, ý nói mọi cái bà ta đoán cho vợ chồng cô ta đều trúng phóc.

Đến lượt vợ chồng tôi, bà Sáu bắt vợ tôi quì trước mặt, tôi ngồi sau ôm lấy hai vai vợ bà ta mới nói. Vợ tôi "Dạ dạ" liên hồi, mồm cứ há hốc ra vì kinh ngạc. Vẫn giọng đều đều: "Chị có một vết chàm ở bụng, mạng hổ chưa hết, chồng là mạng trâu nên ăn hiếp thường ngày. Cách nay không lâu đã đập... Nay muốn ăn nên làm ra, vàng bạc đầy nhà, con đàn cháu đống thì... Bằng không thì...". Nghe đến câu cuối, vợ tôi bật khóc. Ghê gớm quá: "Chết không kẻ chôn, nhà cho người khác ở..."

Về thành phố, vợ tôi bắt tôi dẫn đến một họa sĩ chuyên sao chép tranh, cứ theo lời kể họa một "ông Dân" đang vồ mồi, mắt sáng quắc, miệng đầy răng trắng nhọt, lưỡi đỏ lòm, vuốt như sắp quặp lấy người trước mặt... Bây giờ ai đến nhà tôi đều nghĩ vợ tôi chiều chồng, mua cả tranh nghệ thuật về treo tường. Ngoài tôi và vợ chồng Mai ra không ai biết đó là lá bùa hộ mệnh để "hạ hỏa" cho vợ tôi mà bà thầy Sáu Hiếng đã truyền bảo.

Vợ tôi đi đâu về đều liếc nhìn bức tranh, đi lại khẽ khàng, ăn nói nhẹ nhàng. Chỉ một thời gian rất ngắn, cô ấy xưng "em" với tôi ngọt và dịu. Dĩ nhiên không còn cảnh la hét, đập phá như ngày nào...

Năm nay, tôi dạy học sinh lớp 12 tốt nghiệp một trăm phần trăm. Nhà trường tặng một bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp. Đang chưa biết treo ở đâu thì vợ chồng Mai đến. Dũng, chồng Mai cười hề hề rồi nói cứ gỡ bức tranh "ông Dân" xuống. Vợ tôi nhìn tôi dò ý. Tôi mỉm cười có ý để vợ quyết định. Không ngờ, vợ tôi đồng ý luôn, giục tôi và Dũng treo bức tranh mới lên chỗ bức "ông Dân" sắp được gỡ xuống.

Chiều thứ bảy, vợ tôi làm một bữa tuyệt ngon đãi bạn. Lúc đã ngà ngà men, Dũng khen tôi giỏi; Mai thì khen vợ tôi là một phụ nữ hoàn hảo, hiền thực... Vợ tôi tỏ vẻ sung sướng lắm! Tôi đã định nói điều ấy ra trong bữa tiệc vui nhưng nhìn Dũng nháy mắt, tôi đành bấm bụng, cầm ly bia lên và yêu cầu mọi người cạn chén chúc hạnh phúc...

Cho đến hôm nay, tôi vẫn còn nhớ y nguyên cảm giác tự ái hôm vợ tôi bảo tôi hiền quá hóa... và đã kịp đỡ lời "hóa ra khôn". May thay, hôm ấy tôi chưa kịp nói hết câu... Kế hoạch "ông Dân" tôi nghĩ ra, được vợ chồng Dũng - Mai tiếp sức đã đạt hiệu quả "hạ hỏa" cao đến mức tôi có thể ngồi viết truyện ngắn suốt đêm mà vợ tôi không nổi giận...

GÀ TRỐNG

Hôm ấy trời mát, ông có vẻ phởn chí... Đi khám bệnh về, bác sĩ là người cùng quê vợ cho một chai "Ngũ tinh đại bổ", dặn bữa uống một ly mát trâu, có đồ nhắm tươi thì càng tốt, ông đặt chai rượu lên bàn, đi thẳng vào bếp. Người vợ trẻ mặt đỏ hồng vì lửa đang phi hành mỡ trong một cái chảo gang nhỏ. "Thơm nhỉ", ông nói, cười cười với vợ. Vợ ông không quay lại, hỏi: "Cái gì thơm?". "Đấy", ông đến gần vợ, vừa dài giọng hắng "e hèm", vừa đưa tay vỗ vỗ vào mông bà. Người vợ gắt: "Thôi ông ra ngoài cho tôi làm. Suốt ngày quần quanh..." Ông tủm tỉm cười, ra bàn ngồi. Ông ngắm chai rượu thuốc. Một chai sáu lăm, nhãn giấy in chữ màu xanh nhoè nhoẹt, nút có gắn xi màu mận. Rượu bên trong màu đen nâu, sóng sánh như mật ong. Thứ này bổ lắm lắm, bác sĩ bảo thế. Tăng sức mạnh, đỏ da thắm thịt, ăn ngon ngủ yên, thơ thới tâm hồn...

Người vợ đã rán xong món thịt gà. Bà bày lên đĩa bốn miếng, cà chua thái lát xếp dưới, phía trên là nước sốt phủ vài nhánh rau thơm. Bà nhìn ông. Ông đứng dậy, vào chạn lấy hai cái bát, hai đôi đũa và hai cái ly thuỷ tinh chân cao loại nhỏ.

Lúc người vợ gấp cho ông một cái đùi gà vàng rộm, ông cũng đã mở xong cái nút chai, rót đầy rượu vào hai cái ly, đẩy một ly về phía vợ. Bà vợ cầm ly rượu lên, nhắm mắt uống cái ực. Ông cười: "Uống được đấy" và nhấp môi vào ly của mình, hỏi: "Gà trống hay gà mái?". Người vợ ngạc nhiên, hỏi lại: "Ông hỏi thế nghĩa là thế nào?". "Là gà trống hay là gà mái, thịt này này", ông nói. Người vợ bỏ ly rượu xuống: "Dở dẩn! Trống hay mái thì sao? Không ăn được à?. Ông gắt: "sao lại thì sao? Tôi đã nói nhà mình không ăn thịt gà mái! Bà hiểu chưa?". "Nhưng hôm nay là thịt gà trống. Thôi, ông ăn đi..."

Hai vợ chồng lặng lẽ ăn. Câu chuyện dăm dảnh làm ông mất hứng; ông đổ ly rượu trở lại chai, và vội một bát cơm rưới ít nước sốt rồi buông đũa, đi ra phòng khách, nằm dài trên chiếc đi-văng gỗ...

Người vợ bỏ bát, quên cả lau miệng, uể oải lên gác, đôi mắt trống rỗng, chờ đợi... "Giả dối", bà nghĩ "Cả một đời giả dối. Kẻ này dối kẻ kia, chẳng dám sống thật con người mình..."

Bà nằm, nhớ lại ngày xưa. Lúc ấy hình như bà mới hăm hai, đẹp nhất làng. Bà mê chính mình mỗi khi soi bóng xuống cầu ao trong veo. Khối anh trai cày tối tối đến nhà cô y tá trẻ hút thuốc Lào vật. Mấy cậu giáo dạy cấp một ngoài xã cũng hay đến chơi với ông cụ, bàn thơ phú, câu đối và thi thoảng biểu cụ lạng chè Thái, gói thuốc Lào Vĩnh Bảo...

Thế mà bà chẳng để ý đến ai. Duyên bà đến thật bất ngờ. Chẳng là bà có bà cô ở trên tỉnh. Bà cô già hay đưa các vị chức sắc về thăm quê vào chủ nhật. Bà lọt vào mắt ông, lúc ấy đã sắp tứ tuần, "kén vợ đến mức không lấy được người phụ nữ nào nữa" như lời bà cô giới thiệu. Bà thấy thích khi ông nói chuyện. Có lần nghe ông nói với bố là không nên ăn thịt gà mái, vì gà mái là giống đẻ ra trứng, làm cho giống gà tồn tại và phát triển, bà cười phá lên và bị bố mắng là vô duyên. Ông đã gặp bà ở cầu ao rửa bát và nói bà rất có duyên. Bà vờ hỏi ông về chuyện ăn thịt gà, ông bảo: "Chẳng qua là để phát triển sản xuất. Nói chung, để phát triển sản xuất, không nên ăn bất cứ con giống nào thuộc giống cái". Bà lại phá lên cười, thêm: "Cả giống đực nữa...". Ông bảo: "Giỏi" rồi nắm lấy tay bà. Bà nhớ tay ông ram ráp, đầy những vết chai: Làm cán bộ tuyên huấn, chắc ông viết nhiều lắm!

Đám trai làng và các cậu giáo ở người ra khi nghe tin ông lấy bà. Bất ngờ nhất là bà cô già. Bà giận cháu gái mà há miệng mắc quai... Nghe phong thanh bà cô nói ông rể quý mắc bệnh ung thư tim... Bố bà chẳng quan tâm đến chuyện đó. Rể ông có ô tô đi về làng, cả tỉnh nể vì. Con gái ông chỉ là y tá trạm xá xã, lấy chồng làm cán bộ tỉnh, như thế là nhà đại phúc rồi...

Liên mấy năm bà sinh được một trai, một gái. Đứa nào cũng sớm sơ, lớn nhanh như thổi. Rồi một tay ông lo liệu, bây giờ đứa ở Nga, đứa ở Ba Lan, học xong chúng chưa chịu về nước. Đã hai mươi lăm năm...

Hai mươi lăm năm! Người đàn bà sinh hai đứa con trong vòng năm năm. Hai mươi năm còn lại, từ đó đến nay, bà có chồng cũng như không.

Bà vẫn còn nhớ rõ mòn một vẻ đau khổ của ông cách đây hai mươi năm khi ông bác sĩ vốn là bạn học hồi phổ thông với bà, báo cho ông biết là ông đã bị ung thư... Anh ta nói ông sẽ phát bệnh rất nhanh và chết bất đắc kỳ tử nếu còn quan hệ xác thịt với phụ nữ. Hôm ấy, ông đã giấu bà người tiết lộ bệnh tật của mình. Ông chỉ bảo vợ: "Người ta lấy nhau là duyên nợ. Tôi và em đều nợ hai con. Mà giờ thì cũng không nợ hại một người... Em còn nhớ chuyện thịt gà trống và thịt gà mái chứ? Cố mà nhịn vì tương lai..."

Bà đã không nhịn. Bà mắc một chứng bệnh một tháng ba bốn lần, tùy theo thời tiết, phải đến bác sĩ. Và hai mươi năm nay bà có đến hai người đàn ông. "Thôi, cũng chỉ ăn thịt con gà trống. Gà mái...". Ông đúng là một con gà mái. Con gà mái giữ cho gia đình vẫn là một gia đình êm ấm, tương lai rục rờ đang ở trước mặt.

Con gà trống sắp bỏ vợ. Y sẽ lấy bà. Y đã ngấm tính loại con gà mái bằng một chai rượu độc. Y dặn bà sau khi ông uống, phải đổ phần rượu còn lại đi... Trời ơi! Thế mà lúc chồng hỏi chuyện gà mái gà trống, rồi tự tay rót cho mỗi người một ly, cười nụ cười tinh quái, bà nghĩ ông đã biết tất cả. Và không hiểu sao, bà đã chọn cái chết.

Bà ngạc nhiên khi nghe ông dội nước ào ào trong nhà tắm và cảm thấy mình vẫn hoàn toàn tỉnh táo...

Sáng hôm sau bà đến bệnh viện. Con gà trống lạnh lùng bảo: "Em gan quá! Anh sợ! Và tiện đây anh cũng nói luôn, từ hôm nay em khỏi bệnh...". Bà xé nát tờ đơn thuốc, định ném vào mặt kẻ bội tình nhưng y đã ra khỏi phòng, chạy về phía một người đàn bà mà bà biết đó là người vợ bé nhỏ của y...

Về đến nhà, bà vô cùng ngạc nhiên. Bàn ăn đã dọn. Món thịt gà sốt bày còn vụng về nhưng nói được sự cố gắng phi thường của ông. Lúc rót rượu ra hai cái ly nhỏ, ông tươi cười bảo bà: "Tôi chưa nói để em mừng. Hôm qua, bác sĩ nói bệnh của tôi kỳ lạ quá, tự nhiên biến

mất. Tiếc quá, tôi đã ngoài sáu chục...". Rồi cười: "Bác sĩ bảo cứ uống đều đều rượu này, tôi cũng có thể còn gáy được mấy hồi cơ đấy..."

Hai vợ chồng cụng ly.

Tự nhiên bà mong bây giờ trời đã chiều. Bà nhìn chồng lóng ngóng gấp một miếng thịt gà bỏ vào bát mình. Đôi đũa ấy hơi vênh nhưng không lệch...

CÂY CAO SU CỤT NGỌN NHIỀU CÀNH

Hồi bố tôi còn sống, có lần ông đưa tôi theo một đoàn cự chiến binh đến đến khu rừng cao su này. Ông ngắm nghía rất lâu một cây cao su cụt ngọn, gần gốc nổi u một cái bướm sần sùi to bằng một cái bát. Tò mò, tôi đưa tay sờ vào cái bướm. Tay tôi tứa máu, bởi chỗ ấy còn găm một mảnh đạn pháo sắc lẹm. Lý do cây cụt ngọn đã rõ... Về mặt bố tôi thật là khó tả. Ông vạch cỏ quanh gốc cây, tìm được một cái hố. Giọng mừng rỡ, ông reo lên : "Nó đây...". "Cái gì thế bố?". "Một vết thương". "Của đất?". "Không, của người, con ạ!". "Tôi nài nỉ muốn biết chuyện. Mãi, bố tôi mới bảo : "Bố biết trước sau rồi bố cũng nói sự thật. Có điều ở tuổi con...". Và bố tôi kể. Câu chuyện khó tin kia, lúc ấy, chỉ giúp tôi hiểu được vì sao trên người bố tôi có rất nhiều vết đạn... Năm tháng trôi như dòng suối cạnh rừng cao su, số phận run rủi tôi trở thành một lái xe, kiêm luôn việc phiên dịch. Ở công ty du lịch, tôi nổi tiếng được lòng khách. Dĩ nhiên, tôi có nhiều khách.

Hôm kia, tôi đã không thể từ chối yêu cầu éo le của hai mẹ con bà Keyly-nặng nề đòi tôi chở về Cát Tiên ngay trong đêm. Táo bạo hơn, tôi phải đưa họ đến một cánh rừng già; vì, theo bà Keyly, bà có một lý do đặc biệt, không thể đến đó vào lúc thanh thiên bạch nhật... Nhìn liếc qua rất nhiều hoa và nhang họ mang theo, tôi tỏ vẻ thông cảm. Người đàn bà mang quốc tịch Mỹ nói tôi có đáng về thật dễ thương của thanh niên châu Á. Trong khi mẹ nói, cô con gái nhìn tôi qua gương, mỉm cười...

Bà Keyly bảo tôi dừng xe đúng vào lúc tôi nhận ra dòng suối, con đường mòn và cánh rừng cao su nổi vào trùng điệp rừng rậm lạnh lẽo. "Cho Keyly Nguyễn mượn cái áo khoác của anh được không?", cô gái nói bằng tiếng Việt khá sôi. Tôi ngỡ ngàng đưa chiếc áo vắt trên ghế xe cho cô. Cô xuống xe, quay sang mẹ: "Có cần coi lại bản đồ không, má?". "Không, má còn nhớ, lối này...". Bà Keyly bảo tôi ở lại trông xe và kéo con gái đi. Tôi lờ mờ đoán họ đang định đi đến đâu...

Khi họ quay lại xe, dưới trăng mờ, mặt bà Keyly trắng nhợt, mắt cô con gái còn ngấn nước. Không ai trong họ có ý định giấu nổi xúc động của mình.

Không hiểu sao tôi buột miệng hỏi một câu vô cùng ngớ ngẩn: "Có phải bà và cô vừa đến chỗ cây cao su cụt ngọn?". Mặt bà Keyly tối lại: "Câu cũng đến đó, hồi nãy...". "Không, đã lâu rồi. Với...". "Ai?", bà Keyly thảng thốt, mắt sáng lên. "Với bố cháu". "Ông ấy là người lính?". "Vâng, đúng thế". "Ông ấy đã kể chuyện?...". "Vâng..."

Tôi chợt nhớ câu chuyện mà bố tôi đã kể bằng một giọng đều đều bên miệng hố dưới gốc cao su hôm nào. Lần ấy, bố tôi được lệnh giải ba tù binh thuộc quân đội "thiên nga" về cứ. Dẫn đường là một cô giao liên người KơHo. Đêm đầu tiên, hai con hổ lớn vô mất cô gái giao liên đi đầu và một tù binh. Ba người còn lại mất hướng, ngày một đi sâu vào rừng già. Rồi đêm thứ mười, vừa ở trên cây tụt xuống, một tù binh nữa bị đôi hổ đôi bí mật rình rập cắp đi tiếp... Người áp giải và người tù binh còn lại bây giờ chỉ còn dám đi ban ngày, cứ theo hướng mặt trời mọc mà băng rừng, lội suối. Họ biết đêm đêm đôi hổ đôi vẫn găm gù đâu đó, bất ngờ sẽ chồm ra... Mãi miết đi với chung một mục đích tìm nẻo sống, dần dà họ trở thành một đôi bạn. Và rồi vào một đêm lạnh tối đen trong một hang đá hẹp, hai tấm thân nóng ẩm đã xích lại với nhau... Rồi họ đến được chỗ cây cao su cụt ngọn. Sợ hổ, họ đào một cái hố, chặt cành cây ghép thành nắp đậy lên trên để ngủ qua đêm. Mưa đất đỏ au đã khiến máy bay trực thăng chú ý. Đạn xối xuống như mưa. Người tù binh được người áp giải đẩy xuống hố, để người lên trên. Ông trúng đạn. Máy bay đổ quân xuống. Hai người lính Mỹ xóc nách người đàn bà đang giãy dụa lên... Máy bay cất cánh... Mở mắt, thì rõ môn một, bố tôi trông thấy kẻ mà ông cứ đang chĩa súng xuống phía mình. Ông lăn một vòng cùng nỗi khinh ghét người tù binh mọc núi trong lòng...

Như đọc được suy nghĩ của tôi, bà Keyly buồn buồn, nói: "Lúc bị lôi lên máy bay, ta đã cố tuột xuống đất để cứu ông ấy. Một chiến hữu đã ngăn việc làm rồ dại của ta bằng cách... Và ta đã gạt họng súng AR 15 đang nổ sang một bên..."

"Vậy là ông ấy chỉ bị thương", bà thở phào như trút được một gánh nặng. "Còn bây giờ?", cô con gái hỏi. "Bố tôi đã mất cách đây hai năm!". "Chúa ơi! Ba của con!", cô kêu lên và ôm lấy mặt, chợt

nhớ những đốm đỏ lập lòe của nhang mà cô tưởng tượng đó là ánh mắt của người đã khuất đang nhìn mình...

Mắt bà Keyly như vô hồn: "Ông ấy đã buộc lòng phải giấu quá khứ. Xin chúa lòng lành hãy cho các con tôi khép lại những ngày tủi nhục... Chúa ơi...".

Tôi rủn người, nghĩ: "Liệu ở thế giới bên kia, bố tôi có muốn trở về để nhìn thấy cảnh tượng kỳ lạ đêm nay không? Và, mẹ tôi có oà lên nức nở khi biết sự việc này?".

Tôi mới chỉ nghĩ đến đây thì Keyly Nguyễn đã ôm lấy tôi, hôn lên trán. Vành môi hơi dày của chị hao hao giống vành môi của bố và tôi. Ấm nóng và mặn mòi...

Trời đang rạng. Trên nền rừng xanh tím, cây cao su cụt ngọn xòe tay lá, vươn lên đón ánh bình minh. Nó xanh như chẳng thể vô tình.

NGÔI NHÀ NĂM CỬA

Tôi đang kể chuyện mẹ tôi khóc mãi vì để rơi cái cơi trầu lúc đi sơ tán thì có tiếng bom rít lên như lụa xé. Vừa kịp đẩy Nhân xuống công sự chốt, một luồng hơi nóng rát đã hất tôi nhào lên người bạn. Cùng lúc đó, đất đá tung lên trời rào rào rơi xuống, phủ một lớp mỏng lên trên người hai đứa. Nhân lấy tay cào cào đất, gạt tôi sang một bên, òa khóc. Theo như Nhân kể lại, lúc ấy người tôi mềm oặt như lá lúa gập úng, mặt trắng như sáp, hai mắt mở trừng trừng, miệng đầy đất... Rồi Nhân sờ khắp thân thể tôi xem có vết thương nào không. Mặt gần như áp sát tôi, Nhân thấy lạ quá, bây giờ chỗ nào cũng ướt máu. Nhân khóc, nước mắt mờ cả mắt, rùng rùng chảy xuống. Nhân thương tôi vì anh mà chết. Rồi anh đưa tay lên gạt nước mắt. Bỗng Nhân thấy nhói đau nơi miệng... Anh nhận ra máu của mình chảy xuống người tôi. Một mảnh bom nổ nhỏ nổ gần đã xé rách môi trên của anh rồi... Lúc tôi tỉnh lại, Nhân lại rũ xuống. Tôi xé áo băng cho bạn. Một vết xé rách môi. Hai vết khác, một ở bụng, một xén gọn nửa vành trên của tai trái... Đến lúc ấy, tôi ngất đi một lần nữa. Sự việc sau đó thế nào tôi không biết. Chỉ biết sau đó mấy ngày, tôi và Nhân đều được chuyển vào quân y viện dã chiến ở Vĩnh Linh. Hai đứa đã coi nhau như anh em cùng sinh đôi lại từ cái công sự trên trận địa chót cháy nắng và đầm máu kia. Tôi đã khóc khi Nhân được xếp hạng là thương binh và trở về hậu phương học đại học. Mừng cho Nhân và buồn phải xa Nhân. Tôi đã trở lại chiến trường sau một lớp đào tạo sĩ quan ngắn... Từ đấy chúng tôi mất hút tin nhau...

Sau này, khi đã trở thành một người làm báo, tôi có nhiều dịp đi đây đi đó. Trong những lần ra Hà Nội, tôi đều có ý tìm Nhân. Cuộc tìm kiếm khắc khoải quá vì có lúc tôi gần như tìm được bạn, dấu vết lại mất hút. Ấu đó là số phận chăng? Hay đó chỉ là do tôi tìm kiếm theo kiểu chuồn chuồn đập nước của một anh phóng viên tối mặt tối mũi vì văn chương?

Năm ngoái, bố tôi ốm nặng. Tưởng không qua khỏi, người cho gọi tôi đến và nhìn tôi với ánh mắt tin cậy: "Việc này ông nội giao cho bố. Tiếc là bố không làm nổi. Nay bố truyền lại cho con. Đời con không làm được thì sau này giao cho các cháu. Nhớ chọn mặt mà gửi vàng..."

Kể lại thì rất dài, tôi chỉ tóm lược việc hệ trọng kia. Ông nội tôi vốn là một công chức trong sở Điền Đạc. Tình cờ thế nào đấy, ông tìm được một bảo vật quý mà cụ tăng tổ tôi để lại. Vật ấy nhà nước bảo hộ biết là họ thu trắng. Ông cụ đã cho cất tại nhà và bí mật chôn vật quý vô giá kia ở một góc để chờ thời. Bao nhiêu biến loạn, hết Tây rồi Nhật, rồi lại Tây... Hòa bình lập lại, ngôi nhà bị trưng thu làm nhà tập thể, cấp cho ba hộ là cán bộ nhà nước. Trước lúc theo tôi vào Nam, bố tôi cũng không biết rõ ngôi nhà cổ của ông nội tôi bây giờ ra sao...

Tôi về Hà Nội, lần theo chỉ dẫn của bố, tìm được ngôi nhà. Đó là tòa biệt thự khá sang trọng trên đường Quan Thánh. Cánh cửa sắt sơn trắng khóa im ỉm báo cho tôi biết nhà này giờ do một người chủ khác ở.

Tôi bấm chuông. Một người phụ nữ chừng bốn mươi ra mở cửa. Tôi nhanh chóng tự giới thiệu về mình. Nào là nhà báo. Nào là tôi đang viết một loạt bài về các khu phố cổ... Thấy vẻ nghi ngờ lộ rõ trong đôi mắt trong veo, tôi đang định rút thẻ nhà báo ra để người đàn bà yên tâm thì bà ta đã như thấu cả ruột gan tôi, bảo: "Bác không phải trình thẻ. Nhà em cũng là nhà báo mà !" Nói nhưng không mời tôi vào nhà. Rồi có tiếng người đàn ông : "Mẹ Aãi mời bác ấy vào chơi". Tiếng chân đi dần ra phía cổng. Lộ sau khóm dừa nước là khuôn mặt hồng hào béo tốt. Người đàn ông đến gần, đứng sững lại, ớ lên một tiếng. Tôi chưa kịp nhận ra ai thì ông ta đã ôm chầm lấy tôi trước đôi mắt tròn xoe của người vợ. Tôi tưởng mình nghe lầm: "Ôi anh ! Ôi Dũng... Thế mà cứ tưởng anh chết rồi !" Vừa nói, vừa thở, Nhân ôm lấy lưng tôi, đẩy vào nhà. Anh ấn tôi ngồi xuống ghế, hồn nhiên như lúc còn lính tráng: "Sau hòa bình, tôi đi tìm anh, đến đơn vị cũ thì chúng nó bảo anh mất tích. Giờ thì lù lù ở đây... Kể cho nghe xem nào... Giờ ở đâu? Vợ con ra sao... Thôi, trời xui đất khiến cho anh em mình gặp nhau rồi. Anh ở đây với vợ chồng tôi vài ngày..." Tôi rơm rớm nước mắt, gật đầu.

Sau bữa ăn trưa, Nhân dẫn tôi ra xem nhà anh. Anh khoe nhà này trước đây đã nát lăm, về tay anh, bỏ đâu ra có bao nhiêu tiền mà lộng lẫy là thế. "Giỏi, vợ chồng anh giỏi thật ! Nhà này mua dễ đến vài trăm lượng...". "Đâu ra mà có nhiều tiền thế anh. Mà tiền có nhiều như vỏ hến cũng không mua nổi cơ mà.". Tôi hỏi vì sao vậy, Nhân cười hề hề: "Vì thằng chủ cũ là một thằng giàu sụ. À, anh có nhớ thằng Chử lùn không". Chử thì tôi nhớ. Cậu ta là trinh sát đại đội, bị thương; tôi và Nhân đã cáng về tuyến sau. Nghe nói sau được cử đi học ở nước ngoài, lúc về giàu lăm lăm. "Chử nó dùng tiền để đuổi mấy hộ ở đây đi đấy. Nó mua của từng người rồi chạy chọt hóa giá". "Chử mua cho anh à?". "Nó mua cho nó chứ. Ở đời sướng quá hóa rồ, thằng này ăn chơi bạt tử. Tôi cho nó vay tiền, quá cả tiền nhà này. Nó vỡ nợ, gọi tôi cầu cứu. Chỗ bạn bè, tôi đành lấy nhà cho nó... Cũng là chỗ đã bỏ thóc trước thôi ! Rồi cho thêm vài cây để cu cậu biến..."

Đêm hôm ấy Nhân nhất quyết ngủ chung với tôi. Nhân khoe đường làm ăn và chê tôi lơ ngơ nên giờ vẫn còn ở một căn hộ chung cư ọp ẹp. "Nói vậy thôi chứ tôi cũng nên người nhờ chung cư đấy", Nhân nói. Biết tôi mấy lần đến địa chỉ của Nhân mà không gặp, Nhân cười và kể rằng anh rất láu cá. Anh chuyển cơ quan liên tục. Lợi dụng sơ hở trong quản lý, mỗi lần chuyển, anh đều được cơ quan mới cấp tạm cho một căn hộ. Rồi thì nhượng. Lại chuyển. Tất cả bốn lần. Ngoạn mục nhất là vụ anh chuyển vợ vào quân đội. Cũng vì một suất đất thôi... Một ông bạn ưng, thì sang. Mảnh đất cuối cùng dư sửa tòa biệt thự này. "Anh Dũng thấy đấy. Kỉ niệm về năm vụ làm ăn, khi xây lại nhà, ngoài ba cái cửa ở dưới trệt, tôi chỉ cho làm thêm hai cửa ở tầng lầu. Năm cửa, tương ứng với sinh, lão, bệnh, tử, sinh đấy...". Tôi cười. Rồi lạnh cả sống lưng khi Nhân nói: "Tôi đang định trở thêm một cửa nữa. Cũng là để nhớ một vận may và để có thêm chữ lão anh ạ. Mới rồi, lúc sửa lại cái cổng, tôi đào được một cái thạp bằng đồng, trong đựng mấy lượng vàng ròng... Nghe nói anh thích đồ cổ, mai tôi bảo mẹ Aãi đưa cho. Mà anh không thích thì đem về cho bác gái đựng trầu cau... Chỉ tiếc là nó đã bị thủng mấy lỗ..."

Nhân giữ đúng lời hứa. Khi chia tay, vợ chồng anh đã đưa cho tôi một gói giấy, nói là có cái thạp trong đó. Tôi không ngờ, về đến Sài Gòn, lúc tôi mở lớp giấy báo ra, trông thấy nó, bố tôi đã lặng đi. Là một người bình thường tôi cũng biết đó không phải là một cái thạp

hay là một cái cơi trầu. Những nét hoa văn chim lạc quanh vành thạp như đang kể về tuổi mấy ngàn năm của một chiếc trống đồng nhỏ vô giá.

Bố tôi đã bình tĩnh lại, vừa gõ gõ vào mặt trống vừa nhắm nghiền hai mắt lại. Rồi cũng thật bất ngờ, người từ từ khuỵu xuống, nâng vật báu lên đầu. Tôi trân chối nhìn bảy cái lỗ thủng trên mặt và hai bên tang trống. Trời ơi, đôi tai, đôi mắt, hai lỗ mũi và cái miệng trên một khuôn mặt người !... Tôi bỗng nhớ đến vợ chồng Nhân. Có lẽ họ đã trở cái cửa thứ sáu rồi. Nếu vậy vẫn thiếu một cái tai...

TÊN TRỘM KỶ LẠ

Tôi không phải là một nhà văn. Một anh lính mềng thức dậy theo tiếng còi, chạy nhanh ra sân tập thể dục sáng, rửa mặt đánh răng xong lại sắp ngửa tập hợp trước cửa nhà ăn đơn vị để ăn lót dạ và ra thao trường, đi lao động... Chiều còn phải tăng gia rau xanh... Tối họp - hôm thì họp tổ ba người, hôm thì sinh hoạt tiểu đội, trung đội, đại đội... Chẳng có mấy lúc được rảnh rỗi. Thời gian đâu mà văn với chương! Ấy vậy mà tiểu đội trưởng cứ gọi tôi là "nhà văn". Về sau thì cả tiểu đội đều gọi như vậy. Không phải vì trong quân đội mọi việc đều nhất nhất, nên mọi người ép phải gọi tôi là "nhà văn" theo tiểu đội trưởng. Vấn đề là tôi hữu ích cho cả tiểu đội. Đúng hơn thì văn tôi đã giúp được nhiều người, kể cả trường hợp khó khăn nhất như của Đỗ.

Tiểu đội toàn một đám phòng không. Duy nhất tôi có người yêu. Dĩ nhiên là tôi hay viết thư cho cô ấy. Nhận được thư, tôi thường tủm tỉm cười. Người tôi lâng lâng và tôi lại tiếp tục viết thư...

Cả tiểu đội lần lượt được đi phép. Và cũng lần lượt có những mối tình làm vốn cho tương lai. Mang tiếng học lớp này lớp nọ mà cậu nào cũng tự nhận mình viết thư dở ẹc. Đọc trộm thư tôi, nhiều cậu phát ghen lên. Sao mà ý nhị, tình tứ! Sao mà trôi chảy! Chẳng có một lỗi chính tả để làm duyên! Đọc cứ như uống mật ong...

Một tối sinh hoạt tiểu đội, chẳng biết các đồng đội của tôi họp kín với nhau từ bao giờ, cả tiểu đội giơ tay biểu quyết cử tôi làm "trợ lý tình cảm" cho anh em. Tôi giãy nảy như đĩa phải vôi. Tiểu đội trưởng dỗ: Nào là tôi sẽ được miễn tham gia tăng gia rau xanh, miễn quét nhà, khi cần có thể được phép miễn sinh hoạt tổ ba người... Đây là quyền lợi. Nghĩa vụ thì đơn giản: Tôi sẽ nghe anh em trong tiểu đội tâm sự, dựa vào đó mà "sáng tác" ra những bức thư... Sao cho "các em" hài lòng là được. Quan trọng lắm! Anh em tin ở cậu đấy! Cậu là nhà văn, ngoáy một cái là xong! Ai lại nỡ để cả tiểu đội trần trùng trực, mồ hôi vã như tắm, để viết ra những bức thư đọc đã tự nguyện

với mình! Bao nhiêu là lý lẽ... Tôi nghe xuôi xuôi và gật đầu. Cả tiểu đội chỉ chờ có thế, xúm vào công kênh tôi lên vai, chạy sáu vòng sân để tỏ lòng ngưỡng mộ.

Ngay trong tuần ấy, tôi phải vất óc viết chín bức thư. Vì chỉ trong cả tháng sẽ là mười tám bức, chưa kể lúc các cặp uyên ương có những bất đồng hoặc tăng cường độ tình cảm. Cả tiểu đội hôm nào cũng vui như hội. Thư bay về như bướm xuân. Thư nào cũng khen người yêu tiến bộ. Đi bộ đội có khác! Đến cái thư cũng rất bộ đội. Thương nhớ cứ như keo dính. Thiết tha lạ... Tôi vui lắm. Vui và bận. Vì cậu nào cũng muốn tâm sự với tôi. Đến là buồn cười, ai cũng nghĩ: Nói với tôi, tức là đã nói với người yêu của họ rồi vậy...

Rồi chuyện buồn nào lòng đến với tôi. Viết nhiều thư quá, lại nhập vai như thật, tôi đâm ra lẩn thẩn. Thư tôi viết cho người yêu của mình có những chi tiết lảm với viết hộ tiểu đội trưởng. Người yêu tôi ngúng nguẩy, bóng gió xa xôi qua vài bức thư, rồi nói toạc ra rằng tôi đã thay lòng đổi dạ. Tôi phải thanh minh bằng cách cứ hai ngày gửi cho cô ấy một bức. Ròng rã một tháng trời dư hai ngày, người yêu tôi làm lành, hẹn qua mùa sẽ lên đơn vị thăm tôi và anh em. Hú vía ! Chúng tôi đóng quân ở trên tỉnh. Người yêu tôi lấy cớ đi sắm quần áo để đến thăm tôi không khó. Cô còn tể nhị rủ Nụ, người yêu của Đỗ đi cùng. Đỗ nhập ngũ sau tôi một năm. Tình cờ được bổ sung vào đơn vị rồi được điều về tiểu đội tôi. Cả tiểu đội coi cậu ta như em út. Nụ ở quê, ngụ xóm bên cạnh. Cô mới lớn nên tôi không biết.

Hai anh em mừng rỡ khi được báo ra nhà khách... Tôi và người yêu gặp nhau cứ riu ra riu rít. Tội cho Đỗ, cậu ta chẳng biết nói năng gì, mặt cứ cúi xuống, tay cấu cấu một cọng lá. Nụ giận dữ: "Thư thì anh bảo nhớ ! Tới thăm lại ngôi như tượng! Chán anh! Em về đây !". Nói rồi Nụ đứng lên, vùng vằng định ra về. Đỗ cũng lẳng lặng đứng dậy như để tiễn. Tôi lại phải dàn xếp, thuyết phục. Hai người ngồi gần nhau hơn, chuyện cứ lí nha lí nhí. Cuối cùng rồi cu cậu cũng làm Nụ bật cười, phát vào vai, vào lưng bộp bộp, miệng: "Nỡm, nởm nào...". Về sau, khi hai người phụ nữ đã ra về, tôi hỏi thì Đỗ cười hì hì: "Em bắt chước thư anh viết hôm nọ chứ có gì đâu. Khổ, chỉ nhớ được câu: "Cho anh gửi một cái hôn nhé!", thế mà cô ấy sướng rơn... Văn ông anh mạnh hơn cả hổ. Vật chết tươi được cả tính tự ái đàn bà! Giỏi thật...".

Hết hai năm nghĩa vụ, tôi được xuất ngũ. Riêng Đỗ cậu ta đi học lớp tiểu đội trưởng, chỉ huy chín cậu lính mới toanh, kém cậu ta một năm tuổi đời và tuổi quân.

Hai tháng sau tôi cưới vợ. Hôm hai vợ chồng lên tỉnh sắm chăn màn, một ít nữ trang, tôi có ghé về đơn vị cũ thăm Đỗ. Cậu ta buồn lắm. Chia tay, cậu bảo tôi: "Cứ cưới liền tay như anh mà lại hay!". Đám cưới tôi, người yêu Đỗ có đến dự. Nụ phản nản: Đỗ đã thay lòng đổi dạ... Mấy tháng nay, Đỗ không viết cho Nụ một chữ gọi là có. Bực quá! Thế mà cứ bảo anh ta lành tính! Chả hiểu ra làm sao nông sâu lòng dạ con người!

Tôi có nghe nói Đỗ về nghỉ phép. Cậu ta chẳng thèm đến thăm tôi. Định đến nhà Đỗ vào sáng hôm sau thì đêm hôm ấy nhà tôi mất trộm. Vợ chồng mới cưới, ngủ mê mệt như chết, kẻ trộm mở chốt vào khoắng tủ quần áo. Tên trộm mở ngăn kéo tủ, lấy hai cái hộp. Một hộp vợ tôi đựng thư làm kỉ niệm, hộp kia nhỏ hơn đựng hai cái nhẫn và sợi dây chuyền nhỏ bằng vàng tây chúng tôi sắm trước hôm cưới. Có lẽ tên trộm vội vàng khi có động, cái hộp nữ trang rơi ngay ở ngoài vườn, cạnh cầu ao. Cũng có thể hấn tưởng cái hộp to và nặng kia đầy châu báu, nên ném trả lại cái hộp nhỏ bé tí tẹo để ghẹo những kẻ ngủ say... Kiểm lại đồ đạc, thấy chẳng mất thứ gì ngoài một hộp thư, vợ tôi hú hí bảo: "Thằng trộm này rồi đến phát điên vì tình! Tiếc là không còn thư, để lúc buồn đọc cho anh khỏi nuốt chuyện cũ". Tôi cười: "Bây giờ anh quen nói bằng... tay rồi. Em liệu liệu đấy!". Vợ tôi nguýt dài một cái: "Be bé cái mồm chứ... U đang ngoài sân. Cụ cười thôi mũi đấy!"

Cái cậu Đỗ thế mà tệ! Về quê, mất mặt. Lên đơn vị cũng chẳng một lời. Tôi giận và cố quên cậu ta; cái thằng đến thế là tệ!

Dưng mà Nụ nhắc tôi nhớ đến Đỗ. Mấy hôm nay, mặt cô tươi hơn hớn. Cô thì thọt qua lại, rầm rì, khúc khích với vợ tôi. Cô khoe dạo này Đỗ chăm viết thư lắm! Cứ giục cưới! Thư nào cũng giục cưới chị ạ! Chả hiểu ra làm sao cái cánh đàn ông. Chị bảo họ là người thế nào?...

Vợ tôi ruột để ngoài da, đưa cả thư Nụ để lại góp ý cho tôi xem: "Rõ là anh em nhà sáo! Cậu ấy ở với anh có một năm mà văn hoa ra dáng chừng lắm... Cái Nụ có vẻ chịu rồi..."

Tôi cầm bức thư đọc. Bỗng giật thót người. Y như thư tôi đã viết cho vợ tôi nửa năm về trước chỉ đổi có cái tên. Ấu quá, đến ngày này, tháng này thì đúng mà năm thì vẫn để nguyên không chịu sửa...

Tôi mỉm cười. Thế là Đỗ cũng sắp cưới vợ. Một cô gái làng duyên dáng, tính tuềnh toàng hơn cả vợ tôi. Vì vậy, cô sẽ không bao giờ biết được chồng mình-vì tình yêu- có lần đã dám liều lĩnh làm một tên trộm kỳ lạ...

CHUYỆN TỪ BẦY KIẾN

Đương mùa cam đậu trái, bầy ong mật nhà ông Năm Cỏ bay đi về như trảy hội. Ông biểu Uút năm nay mùa cam sẽ trúng lớn. Chỉ còn lo đám kiến hôi. Búp non bật, chúng ăn đọt. Nụ hoa lấp ló, chúng mài răng. Trái non bị chích, dù nọc kiến chưa đủ mạnh, cũng sắt lại tẻo teo. Trông mà buốt mắt... Nghe nội bày cách diệt kiến hôi, Uút mừng lắm. Nó lấy ruột cá bỏ vô hai bịch nilon, đặt trước tổ kiến đỏ. Chờ kiến đỏ bu kín, Uút lấy một bịch, buộc hờ miệng lại, đặt dưới gốc cây cam nhiều kiến hôi nhất. Khi Uút tháo ruột dây, kiến đỏ ủa ra, leo ngược lên cây. Đám kiến hôi chụm đầu gọi nhau. Rồi chúng ùn ùn kéo xuống. Uút cười thâm, đoán loài kiến đỏ có thân hình lực sĩ gấp đôi kiến hôi sẽ thắng! Thế mà, khi chạm trán kiến hôi, bầy kiến đỏ bỗng sững lại, ngơ ngác; rồi bỏ chạy tan tác...

Cậu bé suýt oà khóc, ẩm ức chạy đi tìm nội.

Ông Năm Cỏ nghe chuyện, vuốt râu, cười ha hả, sai cháu đem bịch kiến đỏ còn lại tới, thả lên ngọn cam.

Bây giờ đến lượt lũ kiến hôi chạy toán loạn. Xác rụng đen cả gốc cây.

Uút tròn mắt, lặng lẽ nghe ông biểu: "Khi các giống kiến đánh nhau, giống nào ở trên cao đánh xuống đều thắng. Chúng tưới nọc độc lên đầu kẻ kém lợi thế, làm kẻ kia bị tê liệt, rồi mới xông tới cắn chết...". "Hay quá trời, nội! Thảo nào...". Ông âu yếm nhìn cháu, tiếp: "Nhà nông ta vận dụng điều này để trừ các giống kiến hại cây trái đó con".

- Nội ơi, nội biết việc này lâu chưa? Uút tò mò.

- Từ hồi đi tập kết. Ở nông trường Điện Biên, một người lính miệt vườn Lái Thiêu đã bày vẽ cho nội.

-Thế ai chỉ cho ông, nội?

- Nội hỏi, ông chỉ cười, biểu: "Tướng Giáp". Nội cũng chưa tường vì cơ chi ông lại nói thế.

Uút bỗng chớp chớp hàng mi cong vút, nắm lấy tay nội, hỏi: "Nội ơi, có phải vì biết chuyện loài kiến mà cụ Lê Lợi cho quân mai phục ở hai sườn núi ải Chi Lăng; ông Giáp cho kéo pháo lên núi Điện Biên?". "Ôi, cháu ông giỏi quá! Giỏi quá!". Ông khen và xoa đầu cháu, ngỡ ngàng hiểu ra một điều bình thường mà thâm sâu đến thế...

Uút được khen, cao hứng: "Nội ạ, cũng vì thế mà bộ đội ta từ Trường Sơn tràn xuống, đã giải phóng được miền Nam...". "Phải! Phải rồi!". Ông Năm Cỏ lẩm bẩm: "Phải, nội sẽ thưởng cho con một cuốn Lịch sử... À, má con chưa cho tiền, phải hôn?". "Dạ... Con cảm ơn nội...". "Ờ kìa...", ông nheo mắt, đưa một ngón tay lên.

Hai ông cháu cùng nhìn lên các cành cam. Chỉ còn loài kiến đỏ hữu ích đang chuyển nhị từ hoa này sang hoa khác. Hương vườn dịu dịu đưa theo cánh ong bay...

THẦN LÀNG MÙA LŨ

Đã thành thông lệ, tôi không nhớ rõ từ bao giờ, nhà tôi thường gói bánh vào sáng ba mươi. Sau bữa cúng tất niên, bố tôi xếp ba chồng gạch thay cho ông đầu rau rồi đặt thùng bánh chưng lên, chất củi gộc vào, lấy lửa từ cái đèn dầu trên bàn thờ châm bếp luộc bánh. Đêm ấy, cả nhà tôi thức canh bánh, đón giao thừa. Sang canh thì bánh đã rền, được vớt ra, xếp đều lên một cánh cửa sổ thành nhiều chồng và đặt lên trên một cách cửa nữa, xếp các cối đá, gạch cho đủ độ nặng ép bánh... Trong khi chờ bánh, ai có chuyện gì đều đem ra kể. Câu chuyện bố tôi kể cả nhà đều thuộc lòng. Riêng tôi, tôi chép vào trang giấy này, để lỡ về sau đến tuổi thất thập, nếu có phải kể lại cho con cháu, cũng khỏi sợ nhầm lẫn.

"...Năm ấy, mưa to gió lớn nhiều. Đê sông Hồng, sông Đáy, sông Luộc và nhiều con sông khác nữa bị nước cuốn trôi đi từng mảng. Lúc ấy bố mới chừng năm tuổi, tên là Hạ. Năm tuổi, việc nhớ chỉ lờ mờ. Duy cái ăn thì nhớ rõ mồn một. Đói thì nhớ lâu, vậy thôi.

Khi nước rút, nhà cửa xiêu vẹo hoặc trôi mất. Riêng nhà ta ở nhà thờ họ, gọi là từ đường, xây bằng gạch ong, cột bằng gỗ lim đặt trên thớt đá, nước không làm gì được, phù sa mịn như mỡ phủ đầy đến hai tấc. Ngoài vườn, cam quýt thối rữa, thân cứ đen lại. Góc vườn, những bụi lá dong rũ xuống, từ gốc bật mầm, gặp phù sa lớn nhanh trở lại, xanh mỡ màng. Phía ngõ ra vào, mấy khóm tre, hóm trúc cũng đứng thẳng lại, ngọn như những cây nêu cong lên, đung đưa.

Thóc giống quý hơn vàng đã vãi ngoài diệc mạ. Cả làng hầu như chẳng còn nhà nào có cơm ăn. May thay, ngoài đồng, trong các mương rạch, ao chuôm... cá nhiều vô kể. Đúng là trời sinh voi trời sinh cỏ. Cứ thò tay xuống vũng nước là bắt được cá. Cá nược, cá luộc, cá nấu canh, cá om trấu, cá kho... Trông thấy cá, bụng thì đói, nhưng vẫn sợ...

Khoảng giữa tháng Chạp, lúa đã cấy xong, xanh lạ lùng. Năm ấy lập xuân sớm. Ông nội dẫn bố và bác Trung ra cồn Tròn. Bố mang cuốc, bác Trung mang xẻng cho ông. Tưởng ông dẫn đi be đắp bờ ruộng ai ngờ ông dẫn đi thăm mộ tổ. Bố hỏi ông : "Thầy ơi! Cái đụn to kia là mộ tổ nhà ta phải không?". "Không. Đó là mả con mẹ Mìn ăn mày. Mỗi người một nắm đất mà to thế đấy." Bác Trung chỉ một cái mộ xây ở hai đầu có hai cái cột, trên đỉnh cột có tạc hình hai cái búp hoa đại, hỏi: "Có lẽ là cái này, hả thầy?". Ông nội bảo: "Đấy là sinh phần của cụ tiến sĩ họ Phan. Chả biết ông cụ đỗ tiến sĩ hồi nào, chỉ nghe gia phả họ Phan kể thế..." Đến một chỗ bằng phẳng ở giữa cồn, ông nội tự dưng bảo: "Các con thử tìm mộ tổ mình xem". Bố và bác Trung nhìn quanh chẳng thấy gì, cùng nói là không biết. "Vậy thì thầy chỉ cho. Nhớ lấy, nhá". Ông lấy cái xẻng bác Trung đang vác trên vai, cắm phập xuống giữa cồn, bước về phía Bắc ba bước rưỡi, bảo bố đánh dấu bằng một nhát cuốc. Rồi, trở lại chỗ xẻng, bước về phía nam ba bước rưỡi. Cũng vậy, ông bước về phía Đông và phía Tây, đánh dấu thành một cái dấu thập, mỗi nét dài bảy bước. Cuối cùng, ông nối đầu dấu thập ấy bằng các vạch ngang tạo ra một hình vuông, mỗi cạnh cũng bảy bước. Ông nói: "Mộ tổ ta đấy"... Mãi sau này bố mới hiểu ý ông nội. Mộ tổ họ Trần ở đâu không ai rõ. Ở cồn Tròn, cái cồn tượng Trời, cái khoảng vuông tượng Đất. Điền trang thái ấp... ở đấy cả.

Về nhà, lúc ấy ông mới cho xúc phù sa ở gằm các bàn thờ dọn ra sân. Ông tự nhào luyên đất cho nhuyễn, đóng được mấy chục viên gạch thất loại nhỏ. Ông nói qua Tết gởi vào lò gạch ông lý Sâm nung thành gạch, lấy gạch đỏ đánh dấu khu mộ tổ tiên cho dễ nhớ.

Làng ta từ xưa có lệ cúng thành hoàng ở miếu. Lệ ấy bây giờ vẫn còn nên các con đều biết cả. Lễ vật cũng đơn giản, gồm chín cái bánh chưng, chín bát nước trong và một cút rượu trắng. Cúng xong, lý trưởng làng - đồng thời cũng là chủ tế - tự tay ném tất cả lễ vật xuống sông, cầu xin đấng linh thiêng cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt, dân làng được bình yên...

Suốt mấy ngày liền ông nội các con hết lên Đặng lại xuống Oản kiểm gạo, lúc về cứ thở dài thườn thượt. Năm nay đến phiên họ Trần lo dâng lễ vật cho làng ông nội các con là trưởng tộc, làm sao không lo lắng!

Chừng hai mươi Tết, ông nội sai bác Trung và bố ra vườn hái lá dong, rửa thật sạch, xếp vào rổ để ở góc bếp. Ông chặt một cây tre bánh tẻ, chẻ bao nhiêu là lát. Quái lạ, ông lo được gạo nếp rồi sao? Giấu kị quá...

Hôm sau, bố và bác Trung đi chăn trâu, bà nội đi chợ. Đến trưa về, lạ chưa, ông nội đã gói xong chín cái bánh chưng. Về mặt ông trầm ngâm. Ông khế bảo: "Năm nay gạo hiếm. Chỉ đủ gạo gói bánh dâng làng"

Tối, ông xếp ba chồng gạch thất thành ba ông đầu rau, lấy củi gộc đốt rồi đặt thùng bánh lên. Ông bảo cả nhà đi ngủ. Sáng, bánh đã ép xong, đều chần chặn, vuông vức vức. Bác Trung hít hít. Ông bảo: "Năm nay lứt, gạo cũng chả thơm nổi nữa". Đúng như thế. Y có mùi lá dong thì vẫn muôn thuở như vậy. Bố nhìn hau háu, nuốt nước bọt. Bác Trung nhìn bố thương hại.

Cả ngày hai ba tháng Chạp, dân làng xì xụp vái lạy trước bực thờ ở miếu thành hoàng... Nhìn những tấm bánh vuông vức ông lý trưởng ném xuống sông, nhiều đứa trẻ con khóc òa lên...

Nửa đêm, bác Trung từ đâu về không rõ, ướt như chuột lột, người cứ run bần lên, răng đập vào nhau lập cập. Bác thì thảo bảo bố: "Tao liều mạng lặn xuống sông mò bánh...". "Chết, sao anh lại làm thế? Miếu làng mình thiêng lắm. Rồi các ngài vật học máu mồm ra...". Bác Trung càng run hơn, nói không ra tiếng: "Tao biết rồi. Giờ thì tao tin... Tao mò được một cái bánh. Lên bờ, mở ra xem thì...". Bố im lặng, lo lắng nắm lấy tay bác, có ý bảo bác nói khe khẽ, kéo ông biết thì chết. Bác Trung hiểu ý, thì thảo vào tai bố: "Lạ quá em ạ! Các ngài đã hoá bánh của bố thành đất sét hết...":

Vụ chiêm năm ấy lúa tốt bời bời. Mùa gặt, nhà nào nhà ấy thóc chất ngất đầy bịch. Cả làng nói miếu làng mình thiêng..."

Câu chuyện bố tôi kể, cả nhà đã thuộc lòng, nhưng năm nào cũng vậy, mỗi người hiểu theo một cách. Người trợn mắt ra mà tin, người tùm tùm cười có người mới nghe đến chữ năm ấy, đã lạng rồi câu chuyện xưa bước vào đêm trừ tịch đón một năm mới đang tới.